

NGUYỄN VĂN TRÒ

CỐ ĐÔ HOA LƯ

$\frac{K - K1}{VHDT-98}$ 35/426/XB-QLXB-1998

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC
HÀ NỘI - 1998

Tôi xin chân thành cảm ơn các bậc đàn anh, các bạn đồng nghiệp đã công tác ở Bảo tàng Hà Nam Ninh, Bảo tàng Ninh Bình, Viện bảo tàng lịch sử Việt Nam và Viện khảo cổ học đã có nhiều công sức nghiên cứu Cố đô Hoa Lư. Tôi cũng chân thành cảm ơn Nhà xuất bản Văn hóa dân tộc đã giúp tôi hoàn thành tác phẩm này.

TÁC GIẢ

LỜI GIỚI THIỆU

Khởi lập năm 968 với triều vua Đinh Tiên Hoàng và kế đến là nhà Lê; Cố đô Hoa Lư tồn tại 42 năm trong lịch sử Việt Nam (968-1010).

Hoa Lư, lần đầu tiên trong lịch sử đã trở thành một trung tâm kinh tế - chính trị - quân sự và văn hóa của nhà nước phong kiến tập quyền Việt Nam.

Từ 1010, khi Lý Công Uẩn dời đô ra Thăng Long, Hoa Lư trở thành cố đô nhưng các triều vua kế tiếp vẫn hướng về Hoa Lư, nơi có địa linh - nhân kiệt, vẫn cho tu bổ, xây dựng thêm nhiều những công trình văn hóa lịch sử ở nơi này. Để hôm nay nhìn lại, Cố đô

*Hoa Lư vẫn là vùng đất rất giàu
thăng tích văn hóa - lịch sử.*

*Trong một bài ca về Hà Nội,
nhà văn - nhạc sĩ Nguyễn Đình
Thi rất sâu sắc khi viết "Hà Nội
- nơi lắng hồn núi sông ngàn
năm..." chắc ông nhớ đến Lý Công
Uẩn lúc dời đô ra Thăng Long vào
năm 1010 đã đem theo những tên
đất như: Cầu Đông, cầu Dền, Bồ
đề, Cống Chèm, tháp Báo Thiên,
chùa "Nhất trụ" (một cột) đặt cho
một số địa danh Thăng Long để
ngày nay âm hưởng Cố đô Hoa Lư
còn ngân vang mãi trên đất Thăng
Long - Hà Nội.*

*Với tất cả tấm lòng tự hào với
quá khứ oanh liệt của cha ông ta,
Nhà xuất bản Văn hóa dân tộc xin
trân trọng giới thiệu với bạn đọc
cuốn sách "Cố đô Hoa Lư" của tác
giả Nguyễn Văn Trò (hiện là Phó
giám đốc Bảo tàng Ninh Bình) để
mọi người có dịp tìm hiểu sâu sắc
hơn về một vùng đất lịch sử một
thời đã là đế đô danh tiếng, hiện
còn để lại nhiều dấu tích huy
hoàng.*

NXB VĂN HOA DÂN TỘC

I NGƯỜI MỞ NỀN CHÍNH THỐNG

Đến thăm Cố đô Hoa Lư thuộc xã Trường Yên, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, du khách sẽ thấy ở gian chính giữa đền vua Đinh có tấm biển ghi ba chữ sơn son thiếp vàng lộng lẫy: "Chính thống thủy" (Mở nền chính thống). Với con mắt của các nhà nho xưa, Đinh Bộ Lĩnh được coi như người mở đường của Nhà nước phong kiến Trung ương tập quyền ở Việt Nam.

Đinh Bộ Lĩnh sinh vào khoảng năm 924 (1) ở làng Đại Hữu, châu Đại Hoàng, nay là xã Gia Phương, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, là con trai ông Đinh Công Trứ, thứ sử Hoan Châu (Nghệ An). Nhân dân địa phương lưu truyền câu: "Đại Hữu sinh vương, Diêm Giương sinh thánh" (nghĩa là làng Đại Hữu sinh ra vua Đinh, làng Diêm Giương tức Diêm Giang, nói hiệp vần, sinh ra thánh Nguyễn Minh không). Làng Đại Hữu xưa

(1) Sử cũ đều ghi Đinh Tiên Hoàng mất năm 979. Sách Đại Việt sử ký toàn thư, Đại Việt sử ký tiền biên, Cương Mục đều ghi Đinh Tiên Hoàng thọ 56 tuổi, riêng sách Việt Sử lược ghi thọ 55 tuổi.

gồm có ba thôn Văn Bồng, Văn Hà và Vĩnh Ninh thuộc xã Gia Phương, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình ngày nay. Cha mất sớm, Đinh Bộ Lĩnh cùng mẹ về ở cạnh đền sơn thần, nay là đền Long Viên (vườn Rồng) thôn Mỹ Hạ, xã Gia Thủy, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình. Hàng ngày, Đinh Bộ Lĩnh đi chăn trâu, cắt cỏ cho chú là Đinh Thúc Dự. Tương truyền Đinh Bộ Lĩnh chăn trâu ở cánh đồng động Hoa Lư và đồng Rộc Xéo, tập trận cờ lau ở thung Lau (động Hoa Lư), thung Lá, thung Lụi, nghĩa là vùng tả ngạn và hữu ngạn sông Bôi thuộc xã Gia Thủy, huyện Nho Quan và xã Gia Hưng, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

Là con thứ sử Hoan Châu, lại có chí lớn Đinh Bộ Lĩnh được lũ trẻ tôn lên làm trưởng. Lũ trẻ thường "khoanh tay làm kiệu và lấy hoa lau làm cờ, đi hai bên Bộ Lĩnh để rước như nghi vệ thiên tử" (Toàn thư). Nhân dân địa phương còn lưu truyền Đinh Bộ Lĩnh đã:

Đặt ra có ngũ có dinh

Có quân túc vệ, có thành tứ vi

Trên thì bảo điện uy nghi

Bên ngoài lại sẵn đàn trì nghi môn

Các cụ già ở trong thôn thấy thế bảo nhau rằng: "thằng bé này khí độ khác thường, tất có thể cứu đời yên dân, lũ ta nếu không theo sớm,

ngày khác tất hối là sẽ muộn" (Việt Sử lược), rồi cho con em đi theo rất đông, lập làm trưởng ở sách Đào Áo (1), nay là thôn Uy Viễn xã Yên Sơn và thôn Uy Tế xã Gia Hưng, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình. Nhân dân địa phương còn lưu truyền: "Đào Uy, Đào Úc định quân thần".

Sau khi Ngô Quyền mất (944) các sứ quân lần lượt nổi lên, chiếm giữ các nơi, sử gọi là loạn mười hai sứ quân, Đinh Bộ Lĩnh đã cùng với các bạn tập trận cờ lau, lấy động Hoa Lư làm căn cứ ban đầu của mình.

Động Hoa Lư còn gọi là thung Lau hay thung Ông thuộc xã Gia Hưng, rộng 16 mẫu nằm trong sơn khối đá vôi từ Hòa Bình đổ về, cách sông Bôi khoảng 2 km về phía đông. Đây là một thung lũng khá hiểm trở bốn bề núi non bao bọc, lối vào chỉ có một quèn nhỏ cao khoảng 30 m, phía ngoài động có đầm Cút như một con hào thiên nhiên chắn giữ, từ đây có thể nhanh chóng tiến ra vùng đồng bằng ven sông Đáy, sông Hồng và có thể theo đường núi rút vào các thung lũng đá vôi.

Trong khi Đinh Bộ Lĩnh chiếm động Hoa Lư thì người chú là Đinh Thúc Dự cũng chiếm sách

(1) Sách là địa danh chỉ một đơn vị hành chính tương đương với một hoặc vài bản làng

Bồng, nay là thôn Văn Bồng ⁽¹⁾, xã Gia Phương, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, chống lại Đinh Bộ Lĩnh. Bấy giờ cả hai lực lượng đều còn nhỏ, trong một trận giao chiến, Đinh Bộ Lĩnh bị thua. Đinh Bộ Lĩnh chạy đến cầu Đàm Gia Loan nay là thôn Đàm Xá, xã Gia Tiến, huyện Gia Viễn cầu bị gãy, suýt bị đắm, thoát được là do các bạn cứu. Đó là cơ sở của truyền thuyết rồng vàng chở Đinh Bộ Lĩnh qua sông và chú lạy cháu.

Sau đó Đinh Bộ Lĩnh thu nhật tàn quân, lại đánh thắng được, thế là Đinh Bộ Lĩnh đã làm chủ được vùng đất thuộc huyện Gia Viễn và huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình ngày nay.

Đến năm 951 lực lượng của Đinh Bộ Lĩnh đã khá mạnh đến nỗi Xương Văn, Xương Ngập đem quân đánh hàng tháng trời không thắng được, bèn bắt Đinh Liễn dang làm con tin, treo lên cây sào mà nói rằng: "Nếu không hàng sẽ giết Liễn". Đinh Bộ Lĩnh tức giận nói: "Bậc đại trượng phu chỉ lập công danh cho được, há lại bắt chước đàn bà mà thương tiếc con ư" (Toàn thư) liền cho mười tay cung nỏ nhằm Liễn mà bắn, Xương Văn, Xương Ngập sợ quá rút quân về.

Năm 954 Thiên sách vương Xương Ngập mất, đến năm 965 Nam sách vương Xương Văn cũng mất, các lực lượng cát cứ nổi lên ở khắp nơi:

(1) Ngày nay thôn Văn Bồng còn có xóm Văn Bồng là địa danh của sách *Bồng xưa*

- Kiều Công Hãn hay Kiều Tam Chế chiếm giữ Phong Châu (Việt Trì và Lâm Thao, Phú Thọ).

- Kiều Thuận hay Kiều Lệnh Công chiếm giữ Hồ Hôi (Sông Thao, Phú Thọ).

- Nguyễn Khoan hay Nguyễn Thái Bình chiếm giữ Tam Đái (Yên Lạc, Vĩnh Phúc).

- Ngô Nhật Khánh hay Ngô Lãm Công chiếm giữ Đường Lâm (Ba Vì, Hà Tây).

- Lý Khuê hay Lý Lãm Công chiếm giữ Siêu Loại (Thuận Thành, Bắc Ninh).

- Nguyễn Thủ Tiệp hay Nguyễn Lệnh Công chiếm giữ Tiên Du (Tiên Sơn, Bắc Ninh).

- Lã Đường hay Lã Tá Công chiếm giữ Tế Giang (Châu Giang, Hưng Yên).

- Nguyễn Siêu hay Nguyễn Hữu Công chiếm giữ Tây Phù Liệt (Thanh Trì, Hà Nội).

- Phạm Bách Hồ hay Phạm Phòng Át chiếm giữ Đằng Châu (Kim Động, Hưng Yên).

- Trần Lãm hay Trần Minh Công chiếm giữ Bó Hải Khẩu (Vũ Tiên, Thái Bình).

- Vua Ngô là Ngô Xương Xí, con của Ngô Xương Ngập cũng rút về chiếm giữ vùng Bình Kiều (Triệu Sơn, Thanh Hóa), tự coi mình như một sứ quân.

Sử gọi là loạn mười hai sứ quân, đi ngược lại nguyện vọng hòa bình, thống nhất đất nước của nhân dân. Nạn cát cứ và nội chiến là một nguy cơ hiểm nghèo cho nền độc lập dân tộc, yêu cầu sống còn lúc này là sớm chấm dứt nạn cát cứ để khôi phục thống nhất quốc gia. Người hoàn thành sứ mạng lịch sử đó là Đinh Bộ Lĩnh.

Đầu tiên Đinh Bộ Lĩnh mở rộng căn cứ của mình từ vùng rừng núi Hoa Lư ra vùng đồng bằng ven sông Hồng, bằng cách cùng con là Đinh Liễn sang nương nhờ Trần Minh Công, một người có đức độ mà không có con trai nối dõi. Trần Minh Công thấy Đinh Bộ Lĩnh là người có dáng mạo khôi ngô lạ thường, lại có chí lớn liền nhận làm con nuôi, rồi giao cho binh quyền đi đánh các sứ quân khác. Mở đầu cho sự nghiệp dẹp loạn thống nhất đất nước, Đinh Bộ Lĩnh đã đánh đấm loạn thần Lữ Xử Bình và Kiều Trĩ Hựu ở triều đình Cổ Loa, Đinh Bộ Lĩnh hàng phục được Ngô Nhật Khánh, lấy mẹ của Ngô Nhật Khánh sau đó lập làm hoàng hậu, lấy em gái của Ngô Nhật Khánh gả cho con trai mình là Đinh Liễn, lại gả công chúa Phất Kim cho Ngô Nhật Khánh, tạo nên tình thân thích bằng hôn nhân. Cảm phục tài đức của Đinh Bộ Lĩnh, Phạm Bạch Hổ ở Đằng Châu cũng xin hàng. Theo Thượng từ ngọc phả ở đền Thượng, thôn Quang Sán, xã Mỹ

Hà, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định, thì Lã Tá Đường đã cùng với Lã Đình Kính, Lữ Đình Đệ, Cao Mộc Thân quy phục Đinh Tiên Hoàng và có công dẹp loạn mười hai sứ quân, được ban lộc điền 1000 mẫu ở đây. Theo truyền thuyết ở Thanh Hóa, Ngô Xương Xí sợ uy danh của Đinh Bộ Lĩnh, lại được Đinh Bộ Lĩnh cảm hóa cũng xin hàng, sau đó Đinh Bộ Lĩnh chia quân đi đánh các sứ quân khác. Đỗ Cảnh Thạc là một sứ quân mạnh, Đinh Bộ Lĩnh đã dùng mưu trí và quân sự rất vất vả mới thắng được. Theo thần tích Độc nhị đại vương, thì một đêm Đinh Bộ Lĩnh chia quân làm bốn đạo, bốn mặt cùng đánh vào trại Quyền, bấy giờ Đỗ Cảnh Thạc đang ở đồn Bảo Đà, ở trại Quyền chỉ có tướng giữ thành, vì thế đầu đuôi không cứu được nhau, bị mất cả thành lũy, đồn trại, lương thực, Đỗ Cảnh Thạc thu thập tàn quân cùng gia thân, dân phu ở mười hai ấp chính dồn lại trại Quyền cùng Đinh Bộ Lĩnh giao tranh hàng năm trời (1). Theo ngọc phả hai vị công thần nhà Đinh ở thôn Yên Khoái, xã Ninh Phúc, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, thì một lần Đinh Bộ Lĩnh chủ quan, mấy cha con sa vào vòng vây của Đỗ Cảnh Thạc, được tin Cao Lịch, Cao Khiển đem quân đến giải vây cho cha con Đinh Bộ Lĩnh,

(1) Thần độc nhị đại vương (Đỗ Cảnh Thạc) theo Nguyễn Danh Phiệt: Nhà Đinh dẹp loạn và giữ nước - NXB Khoa học xã hội 1990 tr 205-215

rồi cùng Đinh Bộ Lĩnh hạ thành của Đỗ Cảnh Thạc, Đỗ Cảnh Thạc bị trúng tên chết, sau đó Đinh Bộ Lĩnh chia quân đi đánh Nguyễn Siêu ở Tây Phù Liệt. Được tin Nguyễn Siêu đem một vạn quân đóng ở Thanh Đàm dùng Nguyễn Trí Khả làm tiên phong, Trần Côn làm tá dực, Nguyễn Hiền làm tổng quân các đạo quân, ngày đêm luyện tập quân lính, đào hào đắp lũy để phòng bị. Trong trận giao tranh đầu tiên, Đinh Bộ Lĩnh bị mất bốn tướng là Nguyễn Bồ, Nguyễn Phục, Đinh Thiết và Cao Sơn, sau đó Đinh Bộ Lĩnh lại sai Nguyễn Bặc làm tiên phong, Lê Hoàn làm tiếp chiến, còn mình làm thống lĩnh, đem voi chiến và quân sĩ đi tắt đường đến xã Cẩm Cơ đánh phá. Nguyễn Siêu chia một nửa quân ở lại giữ thành, còn một nửa cùng Nguyễn Siêu tìm cách xin viện binh của Nguyễn Khoan và Nguyễn Thủ Tiệp; khi quân của Nguyễn Siêu vượt sông sang bờ bắc, gặp gió lớn, thuyền tướng, thuyền quân cùng quân nhu khí giới bị đắm cả. Được tin, nửa đêm Đinh Bộ Lĩnh sai mười võ sĩ, ngấm vào phóng lửa đốt doanh trại, quân của Nguyễn Siêu tan vỡ cả (1). Ngày nay bốn làng Đông Phù Liệt, Tây Phù Liệt, Đông Trạch, Hà Uyên đều thờ Nguyễn Siêu làm thành hoàng.

(1) Nguyễn Danh Phiệt; sách đã dẫn tr 192

Diệt xong Nguyễn Siêu, Đinh Bộ Lĩnh đem quân đến Phong Châu đánh Kiều Công Hãn. Theo ngọc phá ở đền Gìn, xã Nam Dương, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định và ngọc phá Đinh triều công thần trung tín đại vương ở đền An Lá, xã Nghĩa An, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, nơi thờ Nguyễn Tấn và truyền thuyết ở địa phương, thì Kiều Công Hãn chống không nổi Đinh Bộ Lĩnh, liền đem quân xuống phía nam để hợp sức với Ngô Nhật Khánh. Biết Ngô Nhật Khánh đã hàng, Kiều Công Hãn lại đem quân về Ái Châu, khi đến thôn Vạn Diệp, xã Nam Phong, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định ngày nay, Kiều Công Hãn bị Nguyễn Tấn, một hào trưởng ở trại An Lá đem quân chặn đánh. Kiều Công Hãn bị thương ở cổ, vừa chạy vừa băng vết thương, đến vùng Lãm thôn Tây Lạc (Nam Trực) thì cùng đường phải trở lại. Đến thôn An Lũng, Kiều Công Hãn được một bà hàng làm gói cá chép cho ăn, ăn xong ông đi đến Lũng Kiều thì mất. Ngày nay cứ đến ngày mùng mười tháng chạp (âm lịch), nhân dân làng Gìn lại đánh cá để tế, tưởng nhớ Kiều Công Hãn, trong khi nhân dân An Lá lại gói bánh để tế, tưởng nhớ chiến công của Nguyễn Tấn, nên nhân dân địa phương có câu "Làng Gìn đánh cá, làng Lá gói bánh".

Theo thần tích, thì Kiều Thuận cũng không chống nổi Đinh Bộ Lĩnh, bỏ chạy đến thôn Trù Mật (Sơn Vi, Lâm Thao, Phú Thọ) thì mất.

Theo thần tích làng Tiên Xá, thì Nguyễn Thủ Tiệp ở Tiên Du cũng không chống nổi Đinh Bộ Lĩnh, bỏ chạy về Cần Hải (Cửa Cồn, Quỳnh Lưu, Nghệ An) đánh nhau vài trận rồi chết ở trang Hương Ái.

Theo thần tích xã Bình Sơn (Thuận Thành, Bắc Ninh), thì Lý Khuê đánh nhau với Đinh Bộ Lĩnh bị thua và mất ở làng Dương Xá. Cũng theo thần tích về Cao Lịch, Cao Khiển đã nói ở trên, thì Đinh Bộ Lĩnh còn đem quân đi đánh ở một vài nơi nữa, nhưng một số sứ quân thì đã tự tan... Đinh Bộ Lĩnh đã toàn thắng. Thắng lợi của Đinh Bộ Lĩnh là thắng lợi của xu hướng thống nhất quốc gia, của tinh thần dân tộc và ý chí độc lập mạnh mẽ của nhân dân.

Năm 968, Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi Hoàng đế, đặt tên nước là Đại Cồ Việt, đóng đô ở Hoa Lư. Hai năm sau, năm 970, Đinh Bộ Lĩnh đặt niên hiệu riêng là Thái Bình, thông qua việc lên ngôi Hoàng đế, đặt tên nước riêng, niên hiệu riêng, Đinh Bộ Lĩnh đã nâng lên một bước tinh thần tự chủ, giành độc lập hoàn toàn của dân tộc ta.

Như chúng ta đã biết, từ khi Hai Bà Trưng khôi phục nền độc lập và chủ quyền dân tộc, là cả một quá trình vươn lên tự khẳng định mình của dân tộc ta. Nhiều thời gian sau, tuy đã giành được chủ quyền nhưng về thực chất sự khẳng định vẫn ở mức độ khác nhau. Hai Bà Trưng, Ngô Quyền chỉ xưng "Vương", cha con họ Khúc và Dương Đình Nghệ chỉ xưng là "Tiết độ sứ"; trước đó Lý Bí đã xưng "Đế", đặt tên nước riêng là "Vạn Xuân", đặt niên hiệu riêng là "Thiên Đức"; Mai Thúc Loan đã xưng "Đế", nhưng chính quyền độc lập về quy mô và lực lượng còn nhỏ. Đến Đinh Bộ Lĩnh chính quyền đã khá mạnh, cho nên Đinh Bộ Lĩnh đã xưng Đế để sánh với hoàng đế phương Bắc, đặt tên nước là "Đại Cồ Việt" để sánh với "Đại Tống", đặt niên hiệu riêng là "Thái Bình" để sánh với niên hiệu "Khai Bảo" của nhà Tống. Về thực chất nhà Tống đã phải coi Đại Cồ Việt là một nước. Nhà sử học Phan Huy Chú đã nhận xét: "Đến khi Đinh Bộ Lĩnh bình định các sứ quân, khôi phục mở mang bờ cõi, bấy giờ điển lễ, sách phong của Trung Quốc mới cho đứng riêng là một nước" (Lịch triều hiến chương loại chí).

Đinh Bộ Lĩnh đã tự khẳng định mình ngang với bất cứ hoàng đế nào của "Thiên triều". Đó

là tinh thần mà sau này Lý Thường Kiệt đã viết thành thơ

"Nam quốc sơn hà Nam đế cư" (Sông núi nước Nam vua Nam ở). Từ Đinh Bộ Lĩnh về sau, Lê - Lý - Trần - Lê - Nguyễn không có trường hợp nào trở lại xưng "Vương" hay "Tiết độ sứ" nữa mà như một dòng chính thống, đều xưng "Đế", đặt tên nước riêng, đặt niên hiệu riêng, mà các triều đại phong kiến phương Bắc: Tống, Minh, Nguyên, Thanh về phương diện ngoại giao cũng như thực chất đã thực sự công nhận điều đó. Vì thế các nhà nho xưa đã coi Đinh Bộ Lĩnh là người mở ra nền chính thống cho chế độ phong kiến Trung ương tập quyền ở Việt Nam. Câu đối ở đền vua Đinh còn ghi rõ:

Anh hùng vĩ liệt, trác quán hồ Ngô, Trưng, Triệu, Thục dĩ tiền, Đại Việt sơn hà quy nhất thống.

Thần thánh dư linh, kế tự giả Lê, Lý, Trần, Lê nhi hậu, Trùng An lăng tẩm tự thiên thu.

(Nghĩa là: Anh hùng vĩ liệt, hơn hẳn Ngô, Trưng, Triệu, Thục, trước đây, Đại Việt non sông quy về một mối.

Thần thánh dư linh, nối tiếp Lê, Lý, Trần, Lê sau tới, Trùng An lăng tẩm vững muôn thu).

Đinh Bộ Lĩnh đã xây dựng kinh đô Hoa Lư xứng đáng với tầm vóc của một đất nước thống nhất. Đây là kinh đô đầu tiên của chế độ phong kiến Trung ương tập quyền ở Việt Nam. Tuy còn mang tính chất của một quân thành, nhưng thực sự Hoa Lư đã là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của cả nước. Chính dựa trên cơ sở của kinh đô Hoa Lư, mà khi dời đô ra Thăng Long, nhà Lý đã xây dựng kinh đô mới theo hình mẫu của kinh đô Hoa Lư. Nhiều tên gọi như: Chùa Nhất Trụ, tháp Báo Thiên, ngã ba Bồ Đề, Trùng Tiễn, cống Chèm, cầu Đông, cầu Dền v.v... ở Hoa Lư đã được đặt cho Thăng Long.

Đinh Bộ Lĩnh đã xây dựng một bộ máy Nhà nước phong kiến Trung ương tập quyền tương đối có quy củ. Năm 971, ông đã đặt thứ bậc áo mũ cho các quan văn võ, Nguyễn Bặc được phong Định quốc công, Đinh Điền làm Ngoại giáp, Lê Hoàn làm Thập đạo tướng quân, Phạm Hạp làm Vệ úy, Lưu Cơ làm Đô hộ phủ sĩ cư, Phạm Phòng Át làm Thân vệ tướng quân, Trần Thăng làm Phò mã đô úy, Giang Cự Vọng làm Nha hiệu, Đỗ Thích trước làm lại ở Đồng Quan, sau làm Chi hậu nội nhân, Lê Lương được phong chức Đô quốc dịch sứ Châu Ái quận Cửu Chân. Ngoài ra theo các gia phả, thần tích, thì vua Đinh còn phong các chức tiết độ sứ, tướng quốc, trấn quốc bộc xạ quản

giới sứ phụ dực quốc chính, kiến nghĩa hầu, mưu nghị đại phu, thị hộ đốc chiến v.v...

Các con vua Đinh cũng được phong chức như Đinh Liễn được phong làm Nam Việt Vương, Đinh Toàn làm Vệ Vương.

Các tăng và đạo sĩ cũng được phong các danh hiệu như Ngô Chân Lưu giữ chức tăng thống, được phong Khuông Việt Đại sư, Trương Ma Ni làm Tăng lục đạo sĩ, Đặng Huyền Quang làm Sùng chân Uy nghi.

Ở các địa phương, lúc đầu Đinh Bộ Lĩnh vẫn giữ Châu Hoan, Châu Ái đời Đường, sau tổ chức lại bộ máy hành chính, chia nước làm mười đạo, dưới đạo có giáp, xã với các chức quản giáp, phó tư giáp, chức chánh lệnh và tư lệnh trưởng ở xã.

Để bảo vệ cho Nhà nước thống nhất, độc lập tự chủ, Đinh Bộ Lĩnh đã xây dựng một quân đội **khá mạnh**, với mười đạo quân "mỗi đạo mười quân, mỗi quân mười lữ, mỗi lữ mười tốt, mỗi tốt mười người" (Toàn thư). Tính ra đạo quân ấy lên tới một triệu người, trong lúc dân số lúc đó khoảng 3 triệu người, vậy cứ 3 người dân có 1 người lính. Có thể hiểu đó là hình thức vũ trang toàn dân, dựa vào nghề nông mà phát triển quân đội. Các triều đại: Lý - Trần - Lê - Nguyễn về sau

đã xây dựng thành chính sách "ngụ binh ư nông" (gửi việc binh vào nhà nông), khi nào có việc thì gọi ra, khi không có việc lại trở về nhà làm ruộng.

Lực lượng quân đội mạnh đã bảo đảm cho đất nước ta yên ổn trong mười hai năm không bị giặc phương Bắc nhòm ngó, mà nền kinh tế vẫn ổn định.

Về nông nghiệp, Đinh Tiên Hoàng nắm trong tay toàn bộ ruộng đất trong nước. Lê Lương ở Châu Ái phải nhận chức của vua Đinh, coi trang trại của mình như một thái ấp do nhà vua ban cấp.

Qua các thần tích, chúng ta được biết Đinh Tiên Hoàng đã quan tâm đến việc khẩn hoang, lập làng, mở rộng diện tích cây cấy ở vùng đồng bằng ven biển. Theo Thượng từ ngọc phủ ở đền Thượng thôn Quang Sán, xã Mỹ Hà, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định, thì Lã Tá Công là một sứ quân hàng phục Đinh Bộ Lĩnh, lập nhiều chiến công trong việc dẹp loạn, sau đó về khẩn hoang ở vùng đồng bằng hữu ngạn sông Hồng được hơn 2000 mẫu. Lê Khai khẩn hoang lập ấp ở vùng đồng bằng tả ngạn sông Đáy thuộc huyện Nghĩa Hưng (Nam Định) ngày nay, được nhân dân nhớ ơn lập làm thành hoàng, Bùi Quang Dũng đã từng

tham gia dẹp loạn mười hai sứ quân được Đinh Tiên Hoàng phong chức Trấn đông tiết độ sứ, giữ việc quản lý khai khẩn vùng cửa Bó (thị xã Thái Bình ngày nay).

Nghề trồng dâu nuôi tằm, dệt lụa vẫn tồn tại và phát triển, trong đồ cống cho vua Tống năm 975 thấy có lụa, nghề thuộc da, nghề mộc, nghề làm gạch được phát triển để xây dựng cung điện, thành lũy. Nhà nước có các xưởng thợ chuyên đúc tiền, Đinh Tiên Hoàng đã cho đúc tiền "Thái Bình thông bảo", chứng tỏ kinh tế hàng hóa đã thực sự hình thành ở trong nước và ra cả nước ngoài. Thuyền buôn các nước qua lại nhiều ở Việt Nam từ thời Đường đến thời Đinh vẫn tiếp tục qua lại. Cho nên sử cũ chép năm 976, thuyền buôn các nước vào dâng vua sản vật.

Văn hóa cũng đi vào nề nếp. Việc học chữ nho đã được quan tâm, các nhà sư, đạo sĩ là tầng lớp trí thức lúc đó đã dùng chữ nho để truyền đạo.

Nghệ thuật trang trí kiến trúc đã định hình. Khảo cổ học đã tìm thấy ở Hoa Lư những con vệt bằng đất nung được trang trí trên nóc các cung điện. Những viên gạch vuông lát nền được trang trí hoa sen là mẫu hình để các nghệ sĩ thời Lý - Trần phát triển ra các loại hoa cúc, hoa

chanh, đôi phượng vờn nhau tạo thành một khung tròn trên mặt gạch còn ngô nghê như đôi gà, chứng tỏ các nghệ sĩ thời Đinh - Lê đang tìm phong cách riêng của mình, sau 1000 năm Bắc thuộc, để rồi các nghệ sĩ thời Lý - Trần trau chuốt thành chim phượng múa mà tỏ rõ phong cách dân tộc.

Đinh Tiên Hoàng đã sử dụng nghệ thuật ca hát diễn xướng để phục vụ quân đội. Bà Phạm Thị Trân, người Hồng Châu (Hưng Yên) đã dạy hát cho quân lính, được phong quan chức và được tôn là Huyền Nữ, Ưu Bà, về sau bà đã được mệnh danh là Tổ sư nghề hát chèo. Sách Đả cổ lục (Phép đánh trống) còn ghi lại tiếng trống rước, tiếng trống chèo thời Đinh như sau:

Tiếng trống rước:

Chinh từng chinh, chinh từng chinh, bất diệt thù hèn, bất nguyện sinh (đi chiến đấu, đi chiến đấu không diệt được thù không thêm sống).

Tiếng trống chèo:

Nam chinh sát Bắc tướng, diệt Bắc tướng

Nam thiên sinh vương, Nam thiên sinh vương thánh, thánh Đinh vương xưng đế (quân Nam sát tướng Bắc, diệt tướng Bắc, trời Nam sinh vương, trời Nam sinh vương thánh, thánh Đinh vương xưng đế).

Một số môn xiếc đã điêu luyện, được biểu diễn trên lầu Phi Vân. Nghệ sĩ Thượng Kỳ đầu đội khăn đen, mặc quần áo đen, chạy nhanh qua lại ba bốn lần trên dây mà không ngã. Nghệ sĩ Thượng Đạt biểu diễn môn nhảy tám gỗ đặt trên ngọn cây sào 17 thước ta. Nghệ sĩ Thượng Lân phi người như bay, buông thông mình nhặt vật dưới đất. Còn nghệ sĩ Thượng Hiến đỡ một cò cao rồi cho một em bé trèo lên chào khán giả.

Như vậy, mười một năm đất nước thống nhất dưới thời Đinh Tiên Hoàng (968-979) tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội đã đi vào ổn định và phát triển. Đó là cơ sở vững chắc để Lê Hoàn "kháng Tống, bình Chiêm" thắng lợi ngay sau đó và cũng là cơ sở để Lê Hoàn xây dựng một đất nước vững mạnh, rồi nhà Lý, nhà Trần xây dựng nền văn minh Đại Việt rực rỡ, Đinh Tiên Hoàng xứng đáng là người mở nền chính thống cho chế độ phong kiến Trung ương tập quyền ở Việt Nam.

Bấy giờ nho giáo tuy đã vào nước ta nhưng chưa chi phối các quan hệ xã hội. Đinh Tiên Hoàng đã say đắm tình riêng, lập năm hoàng hậu ngang nhau, điều này đã bị các sử gia phong kiến phê phán. Đinh Tiên Hoàng lại yêu con thứ, ghét con trưởng dẫn đến việc "bỏ trưởng lập thứ". Ông không lập con trưởng Đinh Liễn đã có công theo

mình dẹp loạn, lập nhiều chiến công mà lập con thứ Đinh Hang Lang làm thái tử, gây nên sự lộn xộn trong nội bộ triều đình. Đinh Liễn đã cho người vào giết em để tranh ngôi thái tử. Như vậy trong hoàng tộc đã có sự "huynh đệ tương tàn", ở ngoài triều chính, một viên quan hầu cận là chi hậu nội nhân Đỗ Thích, đêm nằm mơ thấy sao rơi vào mồm, cho đó là điềm làm vua liền vào giết cả cha con vua Đinh, cả Đinh Tiên Hoàng và Đinh Liễn. Sau đó Đỗ Thích trốn lên máng nước, ba ngày sau trời mưa, giơ tay ra hứng nước mưa bị cung nữ phát hiện. Nguyễn Bặc cùng triều đình đem Đỗ Thích ra xử tội cực hình, sai người đem chém, đập nát xương và băm thịt ra, người trong nước tranh nhau ăn.

Sau đó Đinh quốc công Nguyễn Bặc, Ngoại giáp Đinh Điền cùng Thập đạo tướng quân Lê Hoàn suy tôn vệ vương Đinh Toàn mới có sáu tuổi lên ngôi Hoàng đế. Lê Hoàn nhiếp chính tự xưng phó vương, Nguyễn Bặc, Đinh Điền, Phạm Hạp ngỡ Lê Hoàn lấn át vua, nhất là Đinh Điền, Nguyễn Bặc đã nặng tình nặng nghĩa với Đinh Tiên Hoàng, cùng là bạn bè, anh em từ thuở "cờ lau tập trận" lại "đồng chí, đồng lý" (cùng chí hướng, cùng làng) với Đinh Tiên Hoàng, do đó Đinh Điền, Nguyễn Bặc, Phạm Hạp đã cất quân về kinh đô định giết Lê Hoàn. Thái hậu Dương Vân Nga

bảo Lê Hoàn rằng: "bọn Bắc dấy quân khởi loạn, làm kinh động Nhà nước ta, vua còn nhỏ yếu, không đương nổi hoạn nạn, bọn ông mưu tính thế nào chớ để sinh tai họa về sau" (Toàn thư). Lê Hoàn nói: "Thần làm phó vương nhiếp chính, dù sống chết họa biến thế nào đều phải chịu trách nhiệm". Sau đó Lê Hoàn chinh đốn binh sĩ, xuất quân vào Thanh Hóa đánh Đinh Điền, Nguyễn Bặc; Đinh Điền bị chém tại trận, Nguyễn Bặc bị bắt đem về kinh đô Hoa Lư xử chém. Quân Phạm Hạp tan vỡ, Phạm Hạp chạy về Bắc Giang rồi bị bắt đem về kinh đô Hoa Lư.

Bấy giờ Ngô Nhật Khánh cũng phản bội, dẫn quân Chiêm Thành vào cướp, định đánh thành Hoa Lư, nhưng gặp gió lớn, thuyền đều chìm cả. Ngô Nhật Khánh cùng nhiều quân Chiêm bị chết đuối, vua Chiêm thoát nạn chạy về nước.

Tình hình trong nước hỗn loạn, nhân cơ hội đó nhà Tống lăm le xâm lược nước ta. Thái hậu Dương Vân Nga giao cho Lê Hoàn chọn dũng sĩ để chống cự và cho Phạm Cự Lượng làm đại tướng đi đánh giặc. Phạm Cự Lượng mặc nhung phục, rồi vào thẳng trong cung bảo mọi người rằng "thưởng người có công, giết kẻ không theo mệnh lệnh là kỷ luật hành quân. Nay chúa thượng trẻ thơ chúng ta dù hết sức liều chết,

chống kẻ địch bên ngoài, may lập chút công, thì ai biết cho, chi bằng trước hãy tôn Thập đạo tướng quân lên làm Thiên tử, rồi sau hãy đem quân đi đánh thì hơn" (Toàn thư). Quân sĩ nghe nói đều hô "Vạn tuế". Thái hậu Dương Vân Nga thấy mọi người quy phục sai lấy áo long cổn mặc cho Lê Hoàn, tôn Lê Hoàn lên ngôi hoàng đế để tổ chức cuộc chống Tống.

Như vậy vào cuối triều Đinh, nước ta đứng trước một thử thách sống còn của "thù trong giặc ngoài". Ông vua sáu tuổi không đủ uy tín và tài năng để lãnh đạo cuộc kháng chiến. Quân đội đã suy tôn người tướng tài Lê Hoàn lên ngôi hoàng đế. Lê Hoàn lên ngôi vua đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình.

II

NGƯỜI LÀM NÊN "THẦN VŨ"

"Dương Thần Vũ" (Biểu dương thần vũ) là lời các nhà nho xưa ca ngợi Lê Hoàn được viết trên tấm biển sơn son thiếp vàng lộng lẫy ở đền thờ ông tại Cố đô Hoa Lư.

Lê Hoàn sinh ngày 15-7 năm Tân Sửu (tức 10-8-941) tại làng Trung Lập, Châu Ái (1) nay là làng Trung Lập, xã Xuân Lập, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Mồ côi cha mẹ từ nhỏ, Lê Hoàn "trơ trọi một mình cực khổ trăm triệu" (Toàn thư). Viên quan sát họ Lê thấy Lê Hoàn là người có chí khí nói rằng: "Tư cách đứa bé này không phải là người thường mới nhận làm con nuôi, sớm tối nuôi dạy không khác gì con đẻ. Đến tuổi thành niên, Lê Hoàn ra làng Bảo Thái, nay là thôn Tứ, xã Liêm Cần, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, thăm mộ ông, rồi đi theo Nam Việt Vương Liễn. Thấy Lê Hoàn là người

(1) Về quê hương Lê Hoàn, hiện nay có hai thuyết
Thuyết thứ nhất cho Lê Hoàn quê ở Thọ Xuân - Thanh Hóa, thuyết thứ
hai lại cho là Thanh Liêm - Hà Nam

có chí lớn, Đinh Tiên Hoàng khen là người trí dũng, giao cho trông coi 2000 binh sĩ, Lê Hoàn có công lớn trong việc dẹp loạn mười hai sứ quân được Đinh Tiên Hoàng phong chức Thập đạo tướng quân diện tiền đô chi huy sứ.

Khi Đinh Tiên Hoàng bị sát hại, người con thứ Đinh Toàn mới có sáu tuổi, lên ngôi Hoàng đế. Nhân cơ hội đó nhà Tống lăm le xâm lược nước ta. Bấy giờ là tháng 8 năm Canh Thìn (980), sau một tháng ban lệnh cho các tướng tiến hành chiến tranh xâm lược nước ta, vua Tống cho người đem thư sang dọa: "Nay chín châu, bốn biển đã khô mạnh và yên ổn, duy còn Giao Châu của người, xa ở cuối trời... người có theo về không? Chớ rước lấy tội lỗi, ta dương chuẩn bị xe ngựa, quân lính, sắp sửa các thứ chiêng trống nếu quy phục ta thì ta tha cho, nếu trái mệnh thì ta quyết đánh. Theo hay không, lành hay dữ tự người nghĩ lấy".

Nhận được thư của vua Tống, một mặt Lê Hoàn vẫn chuẩn bị cuộc kháng chiến theo kế của Ngô Quyền năm xưa, đóng cọc ở sông Bạch Đằng để chặn quân thủy của giặc, mặt khác cho Giang Cự Vọng và Vương Thiên Tộ mang thư sang nước Tống, giả làm thư của Đinh Toàn, xin nối ngôi cha để làm kế hoãn binh.

Mùa xuân năm 981, quân Tống chia làm bốn mũi tiến công thủy bộ vào nước ta (1). Đạo quân do Hầu Nhân Bảo chỉ huy bao gồm bộ binh và kỵ binh, theo đường bộ tiến xuống Ngân Sơn, một địa điểm có thể nằm trên đường quốc lộ số 3 ngày nay. Đạo quân này uy hiếp Đại Cồ Việt từ phía bắc và đông bắc. Mũi tiến quân thứ hai gồm bộ binh và kỵ binh do Tôn Toàn Hưng trực tiếp chỉ huy nhưng vẫn do Hầu Nhân Bảo phụ trách, xuất phát từ Ung Châu nhanh chóng tiến xuống Chi Lăng, Lạng Sơn, theo con đường quốc lộ số Một, ngày nay, đạo quân này uy hiếp Đại Cồ Việt từ hướng chính diện. Đạo quân Toàn Hưng vẫn thường xuyên liên lạc với đại quân Tống của Hầu Nhân Bảo và có nhiệm vụ nhanh chóng hợp binh với các cánh quân khác, đánh sâu vào hậu phương Đại Cồ Việt để kết thúc cuộc xâm lăng. Mũi thứ ba gồm thủy đội thiện chiến nhất của quân Tống do Lưu Trưng chỉ huy, từ cửa biển Quảng Châu (Quảng Đông, Trung Quốc) đi thẳng tới sông Bạch Đằng và nhanh chóng tiến sâu vào bên trong. Đây là đạo quân xung kích, vì từ Quảng Đông (Khâm Châu) thuận buồm xuôi gió đến Bạch Đằng chỉ mất có năm ngày đường, nếu thời tiết không thuận cũng chỉ mất có mười lăm ngày.

(1) Xem : Lê Hoàn và 1000 năm chiến thắng quân Tống xâm lược, Sở VH TT Thanh Hóa năm 1985

Mũi tiến quân thứ tư là đạo thủy quân do Trần Khâm Tộ chỉ huy, xuất phát cùng một lúc với thủy đội Lưu Trưng theo cửa Văn Úc hoặc Thái Bình hoặc cửa Ba Lạt hay cửa Đáy tiến vào nội địa nước ta, đến tận Tây Kết. Mũi tiến quân này khi kết hợp được với mũi tiến quân của thủy đội Lưu Trưng và của mũi tiến quân khác sẽ thành hướng tập hậu, vu hồi cực kỳ nguy hiểm, uy hiếp trực tiếp kinh đô Hoa Lư của Đại Cồ Việt.

Về phía nước ta, trước khi xuất quân chống Tống, Lê Hoàn mời sư Vạn Hạnh, một người có uy tín lớn lúc bấy giờ đến đàm đạo. Sư Vạn Hạnh nói: "Nội trong ba bảy ngày giặc tất tan" (1)

Câu nói có tính khẳng định của Vạn Hạnh đã khích lệ Lê Hoàn và quân dân ta. Vào khoảng cuối tháng 12-980, quân Tống ào ạt tiến vào nước ta. Dựa vào sức mạnh ban đầu, quân Tống giành được một vài thắng lợi nhỏ trong trận ngày Tân Mão tháng 12 năm Canh Thìn (30-1-981). Có thể đây là trận đánh mở màn trên bộ để chặn địch, xung quanh thành Bình Lỗ.

Lê Hoàn trực tiếp chỉ huy trận đánh then chốt ở Bạch Đằng "Vua tự làm tướng chống giữ, sai

(1) Thiên tuyển tập Anh ngữ lục. Theo Hoàng Xuân Hãn; Lý Thường Kiệt, NXB Hà Nội in lần thứ 2 - 1995 trang 418

binh sĩ đóng cọc, ngăn sông" (Toàn thư). Vấp vào bãi cọc ngăn sông, tuy có gặp một số thất bại nhưng thủy đội của Lưu Trường vẫn lướt tới. Một trận quyết chiến chiến lược đã diễn ra "quân Tống đông lắm, quân ta đánh bất lợi, hai trăm chiến thuyền đều bị lấy mất cả". Nhưng quân Tống vấp phải sức chống trả quyết liệt của quân ta, nên không thể tiến sâu được nữa, buộc phải trụ lại đối phó với các hành động vây hãm, bao vây tập kích của ta. Lê Hoàn đã thực hiện được ý định chiến lược là nhanh chóng tiêu diệt gọn thủy đội Lưu Trường, nếu không thì tung quân thủy bộ dựa vào thế hiểm trở của núi sông để cầm cự chiến lược, nhằm bao vây, tiêu hao và cầm chân mũi tiến quân thủy này, ngăn không cho Lưu Trường có thể nhanh chóng hợp quân với các mũi tiến quân khác.

Đội quân kỵ binh của Tôn Toàn Hưng đóng ở Hoa Bộ (gần Lục Đầu, sông Cầu) trong 70 ngày "án binh bất động" để đợi Lưu Trường, Hậu Nhân bảo giặc mãi không đi, cuối cùng Lưu Trường cố sức phá vây, tiến lên phía bắc (Lạng Sơn) để hội quân với Tôn Toàn Hưng, không gặp quân ta, lại tự tiện trở về Hoa Bộ. Kế hoạch đánh nhanh, thắng nhanh của quân Tống về cơ bản bị thất bại, co cụm ở Hoa Bộ, quân ta dưới sự chỉ huy của Lê Hoàn, chuyển sang thế trận tiến công.

Tại Tây Kết, đạo thủy quân của Trần Khâm Tộ nghe tin thủy quân thua ở sông Bạch Đằng đã trở nên hoàn toàn bị cô lập ở phía nam và vội vã tháo chạy, quân ta truy kích địch. Quân của Trần Khâm Tộ thua to, chết đến quá nửa, thầy chết đầy đồng, quân ta bắt được tướng giặc là Quách Quân Biện, Triệu Phụng Huân đem về Hoa Lư. Đại quân Tống do Hậu Nhân Bảo chỉ huy lại tiến đến sông Chi Lăng (con sông chảy qua Chi Lăng, Lạng Sơn), nhằm tìm kế tháo chạy, đang bị cô lập ở phía bắc, Lê Hoàn đã sai quân sĩ trá hàng, giết Hậu Nhân Bảo tại trận. Khi biết tin Hậu Nhân Bảo chết trận, đạo quân cứu viện Tống do Chuyên vận sứ Hứa Trọng Tuyên chỉ huy đã vội vã tháo chạy về nước để tránh nguy cơ bị tiêu diệt hoàn toàn.

Tin thua lớn làm cho vua Tống vỡ mộng, trút hết tội vạ lên bọn bại tướng, Tôn Toàn Hưng bị đưa ra chém ở chợ, Lưu Trường, Giả Thực, Vương Soạn đều bị bắt giam, rồi chết. Lưu Trường ốm chết, chưa kịp xử tội, Trần Khâm Tộ bị giáng chức.

Chiến thắng của Lê Hoàn làm cho nước ta yên ổn ở biên giới phía Bắc gần một thế kỷ.

Sau chiến thắng quân xâm lược Tống ở phía Bắc, Lê Hoàn trừng phạt Chiêm Thành ở phía

Nam. Trước đây, lợi dụng vua Đinh mất, vua Chiêm là Phê Mi Thuế được Ngô Nhật Khánh dẫn đường vào xâm lược Đại Cồ Việt nhưng bị bão lớn, Ngô Nhật Khánh bị chết đuối dưới biển, còn vua Chiêm chạy thoát. Vua Chiêm còn bắt sứ giả Đại Cồ Việt là Từ Mục và Ngô Tử Canh, do đó năm 982, Lê Hoàn làm tướng đi đánh Chiêm Thành, bắt được vua Chiêm đem chém (1), quân Chiêm Thành thua to.

Sự nghiệp "kháng Tống, bình Chiêm" là sự nghiệp hiển hách, nhà sử học Ngô Sĩ Liên ở thế kỷ XV đã đánh giá: "Vua đánh dẫu được dấy, đánh vua Chiêm Thành để rửa cái nhục phiên di bắt giữ sứ thần, phá tan quân Triệu Tống để bẻ cái mưu vua tôi ăn chắc. Có thể gọi là bậc anh hùng nhất đời vậy" (Toàn thư).

Sau khi chiến thắng quân xâm lược, bảo vệ trọn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, Lê Hoàn lo củng cố bộ máy Nhà nước phong kiến Trung ương tập quyền, độc lập, thống nhất.

Về mặt địa giới hành chính, Lê Hoàn chia 10 đạo thành lộ, phủ, châu. Để củng cố bộ máy Nhà nước, Lê Hoàn hoàn ban chức tước cho các tướng lĩnh và quan lại. Hồng Hiến giữ chức Thái sư,

(1) Sách Đại Việt sử ký tiền biên ghi Lê Hoàn chém tướng Chiêm là Phê Mi Thuế, vua Chiêm là Xá Ly Đà Bàn Ngô Nhật Hoan bỏ thành chạy

Từ Mục được phong chức Đại tổng quản, Phạm Cự Lượng làm Thái úy, Lý Công Uẩn giữ chức Tả thân vệ điện tiền chỉ huy sứ, thống lĩnh toàn bộ quân đội, Ngô Tử An giữ chức Phụ quốc, Phí Sùng Đức giữ chức Chi hậu, Đinh Thừa Chính giữ chức Nha nội đô chỉ huy sứ.

Trong việc củng cố bộ máy Nhà nước, Lê Hoàn tỏ ra là người khôn khéo và biết sử dụng "người hiền lương". Phạm Hạp là anh Phạm Cự Lượng, chống lại thì bị Lê Hoàn trị tội, nhưng Phạm Cự Lượng là người có tài vẫn được Lê Hoàn trọng dụng, qua đó chứng tỏ Lê Hoàn là người trọng tài năng và độ lượng.

Lê Hoàn cho tu sửa kinh thành Hoa Lư, xây dựng nhiều cung điện, trong đó có cung điện dát vàng bạc như: Điện Bách Bảo Thiên Tuế, điện Phong Lưu, Tử Hoa, Bồng Lai, Cực Lạc, lầu Đại Vân, điện Trường Xuân, điện Long Lộc.

Lê Hoàn cử các con đi trấn trị các địa phương, ở các phủ, lộ, châu có các chức như: Quản giáp, thứ sử, phòng át sứ...

Để bảo vệ cho Nhà nước độc lập, thống nhất, Lê Hoàn cho xây dựng một tổ chức quân đội mạnh. Ở kinh thành có hai loại quân là "cấm quân" hay còn gọi là thân vệ, quân "tùy long" chia làm sáu quân. Nhà vua có 3000 cấm quân

khắc trên trán ba chữ "thiên tử quân", đội mũ đầu mâu. Quân tử xương là bộ phận quân canh giữ trong và ngoài kinh thành.

Sau chiến tranh nhân dân bị đối to, Lê Hoàn đã chăm lo khôi phục kinh tế làm cơ sở cho nền thống nhất. Trước hết Lê Hoàn cho phát triển nông nghiệp. Năm 987 Lê Hoàn tự đi cày ruộng tịch điền⁽¹⁾ ở núi Đọi Sơn (Duy Tiên, Hà Nam), được một chính vàng nhỏ, khi cày ở núi Bàn Hải⁽²⁾ được một chính nhỏ bạc. Việc làm đó đã khuyến khích nông dân sản xuất. Quả nhiên, năm đó được mùa to, nhân dân rất phấn khởi. Năm 989, Lê Hoàn lại ra lệnh đại xá cho thiên hạ, vì vậy đời sống nhân dân cũng có phần dễ chịu.

Dưới thời Lê Hoàn, thủ công nghiệp cũng phát triển. Nhà nước có một bộ phận thủ công để đúc tiền, làm gạch ngói để xây dựng cung điện, thành lũy, chế tạo vũ khí, làm áo mũ, cân đai... Nghề trồng dâu, chăn tằm, dệt lụa cũng được phát triển, trong đó triều cống cho nhà Tống có hàng vạn tấm lụa.

Kinh tế hàng hóa phát triển, đòi hỏi phải có sự giao lưu, trao đổi trên thị trường, cho nên Lê Hoàn đã cho đúc tiền đồng "Thiên Phúc", đây là lần thứ hai tiền đồng xuất hiện ở nước ta.

(1) Tịch điền là ruộng dành riêng cho nhà vua đi cày đầu xuân để khuyến khích nông nghiệp

(2) Chưa rõ ở đâu

Lê Hoàn còn chú trọng mở mang đường giao thông, cho đào một con sông nối liền núi Đổng Cổ (Đan Nê, Yên Định, Thanh Hóa) đến sông Bà Hòa (nay là xã Đồng Hòa, Tĩnh Gia, Thanh Hóa), năm 983 thì xong. Ngày nay ở Thanh Hóa nhân dân vẫn gọi là sông nhà Lê; năm 992 Lê Hoàn sai Phụ quốc là Ngô Tư An đem ba vạn người đi đắp con đường bộ từ cửa biển Nam Giới (nay là cửa Sốt, Thanh Hà, Hà Tĩnh) đến Châu Địa Lý (Quảng Bình); năm 1003 Lê Hoàn đi Hoan Châu ra lệnh vét sông Đa Cái (tức kênh Hương Cái, xã Hương Cái, Hưng Nguyên, Nghệ An) đến thẳng An Cung Trường ở Châu Ái (Thanh Hóa).

Sau chiến tranh, Lê Hoàn còn khôn khéo trong việc đấu tranh ngoại giao với nhà Tống để giữ nền độc lập, thống nhất. Năm 986 Tống Thái Tôn cho hai quan văn là Lý Nhược Chuyết và Lý Giác mang chế sách sang phong cho Lê Hoàn làm "An Nam đô hộ tể hải quân tiết độ sứ kinh triệu phụng hầu", nghĩa là vua Tống chính thức thừa nhận Lê Hoàn là người cầm quyền ở nước ta. Nhân dịp đó, hàng ngày Lê Hoàn cho đem những đồ châu báu kỳ dị bày chăt cả sân để khoe là giàu có và đem các tướng Tống là Quách Quân Biên, Triệu Phụng Văn bị bắt trả cho nhà Tống.

Mùa xuân năm 987, Tống Chân Tôn lại sai Lý Giác sang ta. Để cho sứ Tống thấy nước ta là một nước thi thư, có văn hóa, nhiều nhân tài, Lê Hoàn cử nhà sư Đỗ Thuận giả làm "Giang lệnh" (tuyên trưởng hay chủ thuyền) theo thuyền lên đón khách tại chùa Sách (hạ lưu sông Thương). Lý Giác tính thích nói chuyện thơ văn, nhân có hai con ngỗng bơi lội trên mặt nước, Lý Giác ngâm:

Nga nga lưỡng nga nga
Ngưỡng diện hướng thiên nga

(Nghĩa là:

Ngỗng, ngỗng hai con ngỗng
Ngửa cổ nhìn chân trời)

Nhà sư Đỗ Thuận cầm chèo theo vãn nối tiếp theo, đưa cho Lý Giác xem:

Bạch diện phô lục thủy
Hồng trạo bãi thanh ba

(Nghĩa là:

Nước lục phô lông trắng
Chèo thuyền sóng xanh bơi)

Lý Giác rất khâm phục tài năng của người nhà đồ, am hiểu cả thơ văn cổ của Trung Quốc, lại biết vận dụng vào thực tế và có trình độ uyên

bác, vì bài thơ trên nguyên là của Lạc Tân Cương làm lúc 10 tuổi:

Nga, nga, nga
Khúc hạm hướng thiên nha
Bạch mao phô lục thủy
Hồng thủy bãi thanh ba

(Nghĩa là:

Ngỗng, ngỗng, ngỗng
Nghênh cổ lên trời kêu
Lông trắng phô nước biếc
Chèo hồng quấy nước xanh)

Nhưng cái thâm thúy của viên sứ thần nhà Tống là Lý Giác lấy hình ảnh hai con ngỗng để chỉ hai người là Lý Giác và Đỗ Thuận tuy thuộc hai nước nhưng đều hướng về chân trời "Thiên Triều" (Thiên Nha). Để đối lại các "Thiên Nha" (Thiên Triều) của Lý Giác, Đỗ Thuận đã viết "Hồng trạo bãi thanh ba" (nghĩa là mái chèo hồng đã dẹp bằng những con sóng (xâm lược) (1). Lý Giác hiểu ý và khâm phục. Khi về đến sứ quán, Lý Giác gửi cho Đỗ Thuận bài thơ trong đó có câu:

(1) Xem Đinh Văn Thành: Giai thoại: Văn thơ nhỏ hạ bệ tư tưởng nước lớn. Báo Đại Đoàn Kết số 32 năm 1978

Thiên ngoại hữu thiên ưng viễn chiếu

Khe đàm ba tĩnh kiếm thiềm thu

(Nghĩa là: Ngoài trời (nhà Tống) còn có trời
(Đại Cồ Việt) soi nữa).

Sóng lặng khe đàm bóng nguyệt thâu

Sư Đỗ Thuận chép lại bài thơ, dâng Lê Hoàn.
Lê Hoàn đưa cho sư Khuông Việt xem, sư Khuông
Việt nói: "Thơ này có ý tôn trọng bề hạ không
khác gì nhà Tống".

Tới năm 990, nhà Tống lại cho Tống Cảo làm
chánh sứ, Vương Thế Tác làm phó sứ, mang chế
thư của vua Tống phong thêm cho Lê Hoàn hai
chữ "đặc tiến". Lê Hoàn cho quân ra đón sứ Tống
theo đường biển, đi lang thang hàng tháng trời
mới đến cửa Bạch Đằng, gây cho sứ Tống cái cảm
giác nước ta sông dài, biển rộng. Khi đến trạm
Nại Chính ở Trường Châu, Lê Hoàn cho bày thủy
quân và chiến cụ để khoa trương thanh thế, lại
cho thả trâu bò của dân ra bờ sông nói là trâu
bò của Nhà nước để khoe của, Lê Hoàn lại cưỡi
ngựa, đi thuyền với sứ thần, đến cửa Minh Đức
nhận chế thư của nhà Tống mà không chịu lay,
lấy cớ là năm vừa qua đánh giặc ngã ngựa bị
đau chân, lúc bày yến tiệc thiết đãi, Lê Hoàn
lại bảo với sứ Tống rằng: "sau này có quốc thư
thì nên cho giao nhận ở ngay đầu địa giới, đừng

phiên sứ thần đến đây nữa", vua Tống chấp nhận.
Từ đây nhân dân ta không phải khó nhọc về việc
đón tiếp sứ Tống mang quốc thư sang nữa.

Năm 993, nhà Tống lại cho sứ đem sách thư
sang phong cho Lê Hoàn làm Giao Chỉ quận
vương, ý muốn lấy lòng Lê Hoàn để cho quan hệ
bang giao giữa hai nước được bền vững. Năm 996,
nhà Tống lại sai Lý Nhược Chuyết mang chiếu
thư và đai ngọc ban cho Lê Hoàn. Năm 997 nhà
Tống lại phong cho Lê Hoàn làm Nam bình vương,
nghĩa là không coi nước ta là quận huyện của
họ nữa. Đó là một thắng lợi về ngoại giao của
Lê Hoàn, nhà Tống đã coi Lê Hoàn thật sự là
một ông vua của nước Đại Cồ Việt. Phan Huy
Chú, nhà sử học thế kỷ XIX đã nhận xét: "Vua
chống quân Tống, bình nước Chiêm... Trung Quốc
mấy lần sắc phong khen ngợi, tiếng tăm vua lừng
lẫy" (Lịch triều hiến chương loại chí).

Lê Hoàn cũng sai sứ sang nhà Tống đáp lễ,
nhân dịp nhà Tống phong Lê Hoàn làm Nam bình
vương. Qua việc tiếp sứ ta, vua Tống biết được
việc sứ Tống sang ta thường vin vào việc "cống
nước mắm" để hạch sách, bắt đóng góp nhiều thứ.
Từ đây, Tống Chân Tôn ra lệnh không cho sứ
Tống sang ta nữa. Mỗi khi có việc gì đem sang
ta chỉ cho quan quân giữ biên giới đến nhận lệnh.

Như vậy, vua Tống đã làm theo lời Lê Hoàn bảo Tống Cao từ năm 990 là "không phiền sứ thần sang đây nữa".

Lê Hoàn còn có công đánh dẹp các thế lực phong kiến cát cứ ở địa phương để củng cố nền độc lập, thống nhất. Năm 981, Lê Hoàn tự làm tướng trực tiếp đem quân đi giết Dương Tiến Lộc vì y nhân việc được cử đi thu thuế ở Châu Hoan, Châu Ái (Nghệ An, Thanh Hóa) liền đem người hai châu ấy đi quy phục Chiêm Thành.

Năm 996, Lê Hoàn đem quân đi đánh bốn động Đại, Phát, Đan, Ba ở Ma Hoàng. Năm 997 Lê Hoàn lại đi đánh Đỗ Động Giang, bắt được đồ đảng giặc đem về kinh sư. Năm 999 Lê Hoàn đi đánh 49 động ở Hà Động (Thạch Thành, Thanh Hóa) và phá được các sứ động ở Nhật Tắc và Chân Định (Thanh Hóa). Từ đấy các châu động đều quy phục. Năm 1000 Trịnh Hàng, Trần Lệ, Đan Trường Ôn ở Châu Phong (Bạch Hạc, Phú Thọ) khởi binh đánh phá các nơi. Sử cũ chép Lê Hoàn xuống chiếu điều quân đánh tan cả. Năm 1001 Lê Hoàn tự làm tướng đi đánh Cử Long (Cẩm Thủy, Thanh Hóa), Đinh Toàn trúng tên thuốc độc chết, Lê Hoàn kêu trời ba tiếng thúc quân đánh tan quân giặc.

Bằng việc dẹp loạn Lê Hoàn đã củng cố được nền thống nhất quốc gia.

Trong sự nghiệp của Lê Hoàn có bàn tay giúp sức của bà Dương Vân Nga.

Như chúng ta đều biết, khi Đinh Tiên Hoàng mất, con của ông và Dương Vân Nga là Đinh Toàn mới có sáu tuổi lên ngôi hoàng đế. Nhân cơ hội đó nhà Tống lăm le xâm lược nước ta. Đất nước ta ở trong tình trạng "nghìn cân trên sợi tóc". Ông vua sáu tuổi chưa đủ uy tín và tài năng để lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Tống. Trước nguyện vọng của quân đội lúc đó, Thái hậu Dương Vân Nga đã hy sinh quyền lợi của con mình cho người tướng tài Lê Hoàn. Mãi gần 3 năm sau Dương Vân Nga mới tái giá với Lê Hoàn.

Việc đánh giá Thái hậu Dương Vân Nga trải qua các thời kỳ lịch sử cũng khác nhau. Sách Đại Việt sử ký toàn thư cho biết từ thời Lê sơ trở về trước, nhân dân lập đền thờ vẫn để ba pho tượng Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành và Dương hậu cùng ngồi. Như vậy từ thời Lê sơ trở về trước, tuy nho giáo đã du nhập vào nước ta từ lâu, nhưng các quan điểm của nho giáo chưa chi phối các quan hệ xã hội và người ta cho rằng chồng chết, lấy chồng khác là việc bình thường. Do đó người ta chưa phê phán việc Dương Vân Nga lấy Lê Hoàn. Chỉ từ thời Lê sơ trở về sau, nhất là từ thời Lê Thánh Tông trở đi, khi nho

giáo đã trở thành quốc giáo, người ta mới phê phán Dương Vân Nga tái giá và mới có thuyết thuyết rước tượng Dương Vân Nga từ đền vua Đinh sang đền vua Lê với quan niệm "xuất giá tòng phu" (lấy chồng phải theo chồng).

Ngày nay chúng ta thấy rằng khi Dương Vân Nga tái giá với Lê Hoàn, cũng là lúc đã đoạn tang chồng và như vậy Dương Vân Nga lấy chồng khác là việc bình thường. Dương Vân Nga đã tỏ ra là một phụ nữ thức thời trong việc này, cả lúc bà trao quyền cho Lê Hoàn. Trong hoàn cảnh éo le lúc bấy giờ, bà đã hành động theo lẽ phải. Ý nguyện của quân đội lúc đó là ý nguyện của toàn dân, chống lại ý nguyện đó sẽ làm cho lòng người phân tán, kẻ có lợi chỉ là kẻ thù mà thôi. Khoác áo long cốn cho Lê Hoàn, Dương Vân Nga đã chính thức tạo cơ sở pháp lý cho ông lên thay nhà Đinh với cương vị hoàng đế. Lê Hoàn đã đủ danh nghĩa để giương cao ngọn cờ bảo vệ đất nước. Ông đã lãnh đạo nhân dân ta "kháng Tống, bình Chiêm" thắng lợi, chứng tỏ hành động của Dương Vân Nga là đúng. Trao quyền cho Lê Hoàn là trao quyền cho người tướng tài mà Tổ quốc đang cần đến. Có thể nói Dương Vân Nga là người phụ nữ Việt Nam đầu tiên trong lịch sử đã hy sinh quyền lợi của con mình, của dòng họ mình cho người tài thuộc dòng họ khác, vì quyền lợi

của dân tộc. Bà là người phụ nữ thức thời ở thế kỷ X.

Lê Hoàn ở ngôi 25 năm, thọ 64 tuổi (1). Sau khi Lê Hoàn mất, các con ông tranh giành ngôi báu. Con thứ ba của Lê Hoàn là Long Việt lên ngôi được có ba ngày lại bị người con thứ năm là Long Đinh giết chết để cướp ngôi. Nhưng Lê Long Đinh không có đức độ như vua cha mà say đắm tử sắc, mắc bệnh trĩ phải nằm để coi châu gọi là Ngọa Triều. Có lần Ngọa Triều róc mía trên đầu sư, giã vỡ lỗ tay làm chảy máu cả đầu sư. Tính Ngọa Triều lại thích giết, bắt tù binh treo lên cây rồi chặt cây cho rơi xuống mà chết hoặc kéo dưới sông cho cá sấu ăn thịt... Do ăn chơi quá độ, Lê Ngọa Triều ở ngôi được bốn năm, thọ 24 tuổi. Khi Lê Ngọa Triều mất, triều đình không suy tôn con của Lê Ngọa Triều lên ngôi nữa, mà suy tôn một người tướng tài khác là Điện tiền chỉ huy sứ Lý Công Uẩn, tương truyền là con rể của Dương Vân Nga lên ngôi Hoàng đế. Hai mươi chín năm sau khi Lê Hoàn lên ngôi Hoàng đế, lịch sử lại diễn ra một cách tương tự, Lý Công Uẩn cũng như Lê Hoàn là những ông "vua bầu". Năm 1010, Lý Công Uẩn rời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long, xây dựng triều Lý rất huy hoàng.

(1) Nếu tính "tuổi ta", thì thọ 65 tuổi

III

CỔ ĐÔ HOA LƯ

Sử cũ cho biết, năm 968 sau khi dẹp xong loạn mười hai sứ quân, thống nhất đất nước, Đinh Tiên Hoàng lên ngôi Hoàng đế, đặt tên nước là Đại Cồ Việt, đóng đô ở Hoa Lư "đắp thành đào hào, làm cung điện đặt triều nghi". Đến năm 984, Lê Hoàn lại "dựng nhiều cung điện, làm điện Bách bảo thiên tuế ở núi Đại Vân, cột điện dát vàng, bạc làm nơi coi châu, bên đông là điện Phong Lưu, bên tây là điện Tử Hoa, bên tả là điện Bồng Lai, bên hữu là điện Cực Lạc, rồi làm lầu Đại Vân, rồi lại dựng điện Trường Xuân làm nơi vua ngủ, bên cạnh điện Trường Xuân, lại dựng điện Long Lộc lợp bằng ngói bạc".

1000 năm đã trôi qua, những cung điện dát vàng, bạc thời tiền Lê không còn nữa, chỉ còn lại di tích của một tòa thành rộng 300 ha, nằm trọn vẹn trong xã Trường Yên, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình ngày nay. Thành Hoa Lư được chia thành hai khu vực: Thành Nội và Thành Ngoại. Tương truyền khu Thành Ngoại là nơi

dựng cung điện chính. Thành Nội gọi là Khố Nhi xã hay Thư nhi xã là nơi ở và làm kho. Hiện nay ở thung Nghè có địa danh nền Cung và nền Kho.

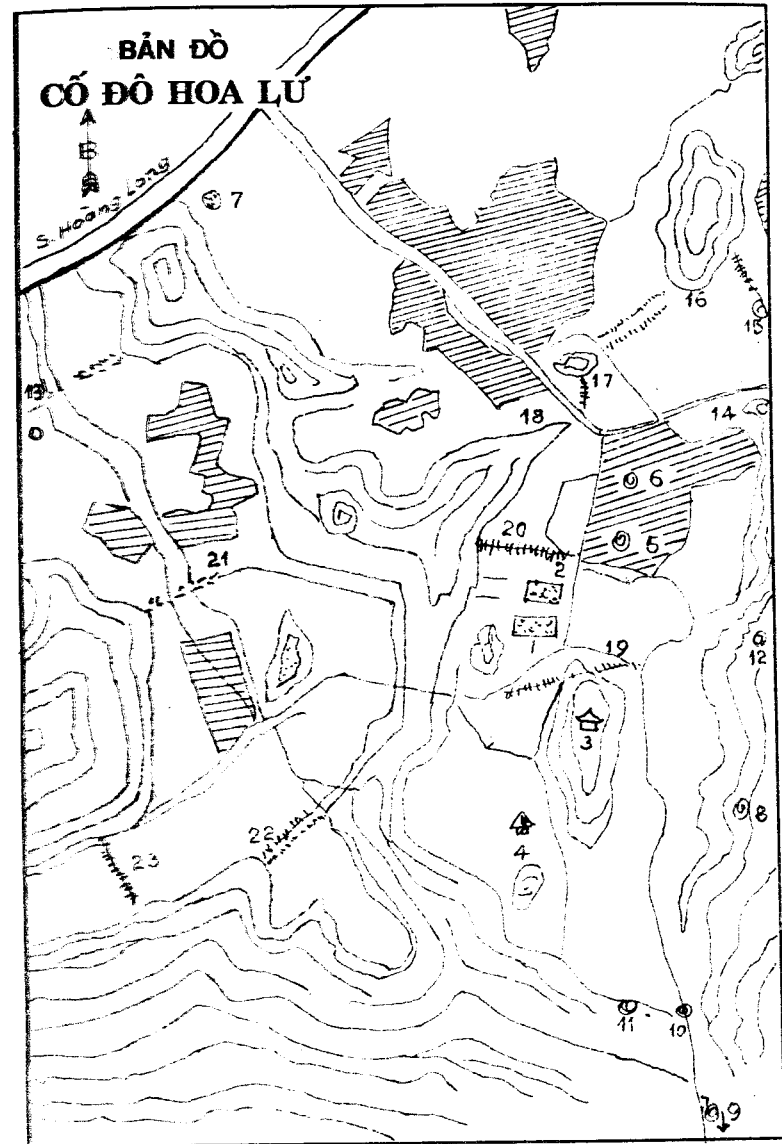
Khu thành Ngoại ở phía đông rộng 140 ha, bao gồm các thôn Yên Thượng, Yên Trung, Yên Hạ, Yên Thành xã Trường Yên. Khu Thành Nội ở phía tây, rộng tương đương khu Thành Ngoại, là địa phận thôn Chi Phong xã Trường Yên. Hai thành này được ngăn cách với nhau bằng một lối đi hiểm trở là Quên Vong.

Xây dựng Kinh đô Hoa Lư, Đinh Bộ Lĩnh đã khéo lợi dụng địa thế tự nhiên hiểm trở ở đây để xây thành, đắp lũy. Thành Hoa Lư nằm trong một khoảng đất khá bằng phẳng trong dãy núi đá vôi của huyện Hoa Lư. Dải núi đá vôi bao bọc xung quanh tạo thành một bức tường thành thiên nhiên vô cùng kiên cố, chỉ có một số mặt nào đó là không có núi che kín. Giữa các khoảng trống, giữa các quả núi, Đinh Bộ Lĩnh cho đắp những dãy thành đất, tạo thành một bình diện gần tròn. Đinh Bộ Lĩnh đã triệt để lợi dụng địa thế thiên nhiên để xây thành đắp lũy, không câu nệ vào hình dáng không vuông vức cân đối mà cốt ở tính chất hiểm yếu. Đây là những đặc điểm của cấu trúc thành lũy cổ của người Việt, khác

với đồn lũy nhỏ hẹp của bốn phong kiến phương Bắc được xây dựng trên đất nước ta, cũng khác với kiểu thành quách du nhập từ phương Tây vào nước ta ở thế kỷ mới đây. Thành Hoa Lư mang tính chất là một thành trì quân sự, một "quân thành", nhưng nó vẫn là một kinh đô của cả nước với ý nghĩa là một trung tâm chính trị kinh tế và văn hóa.

Thành Hoa Lư ở vào một ngã ba đường, phía đông có đường Thiên Lý ra Bắc vào Nam, phía tây có đường Thượng Đạo vào Thanh Hóa, phía bắc có sông Hoàng Long chảy ra sông Đáy. Đứng ở đây Đinh Bộ Lĩnh có lợi về địa thế và có lợi về lòng dân. Đây là nơi gần quê hương của Đinh Bộ Lĩnh, nơi ông được nhân dân ngưỡng mộ nhiều nhất, từ đây lại có thể nhanh chóng tiến ra vùng đồng bằng ven biển hay rút theo đường núi vào Thanh Hóa, xuống phía nam.

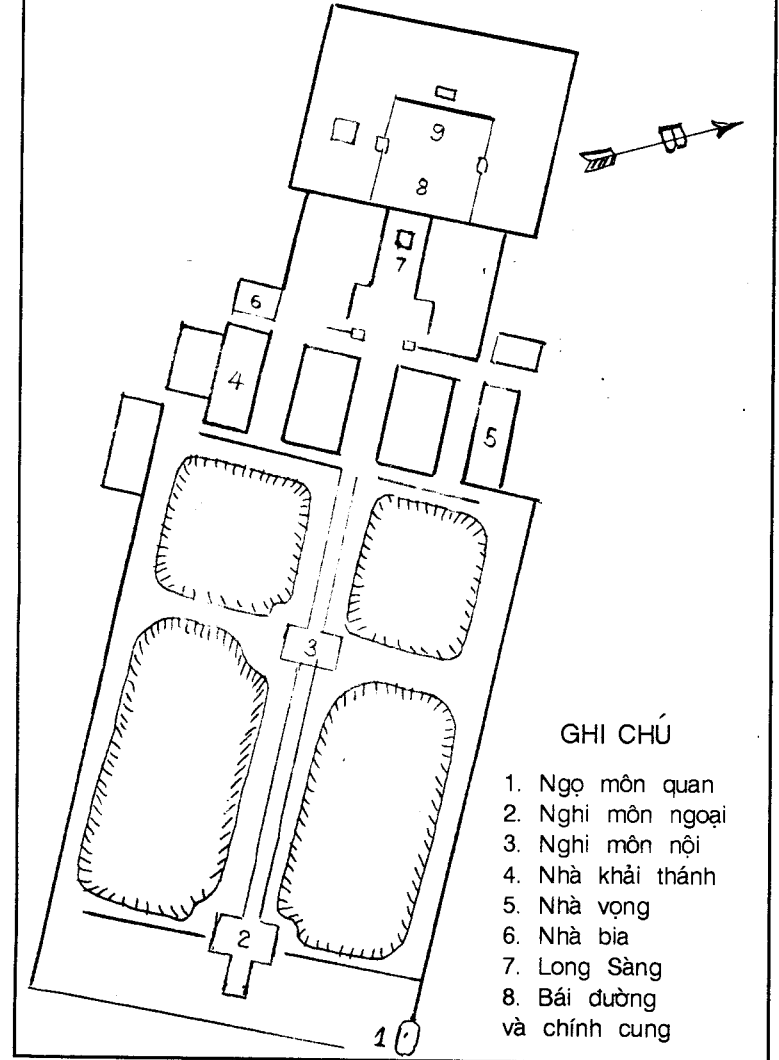
Hiện nay ở xã Trường Yên còn một số địa danh và dấu vết của các tường thành thời Đinh - Lê. Thành Ngoại có sáu tường thành, tường thành thứ nhất từ núi Đầm sang núi Thanh Lâu gọi là thành Đông; tường thành thứ hai cùng tuyến với tường thành thứ nhất, nối từ núi Thanh Lâu ra núi Cột Cờ; tường thành thứ ba từ núi Cột Cờ sang núi Chẽ, gọi là thành Đông Bắc; tường



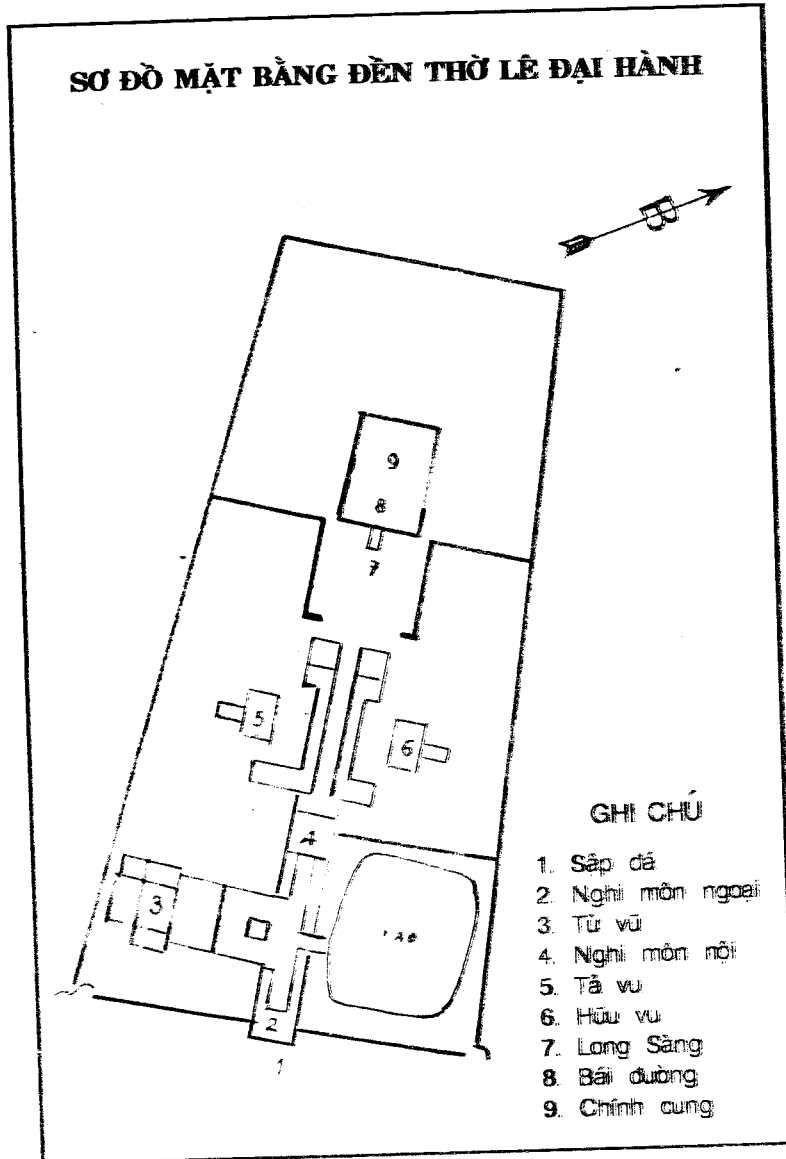
CHÚ THÍCH
CỔ ĐÔ HOA LƯ'

1. Đền vua Đinh
2. Đền vua Lê
3. Lăng vua Đinh
4. Lăng vua Lê
5. Chùa Nhất Trụ
6. Phủ Bà Chúa
7. Chùa Bà Ngô
8. Động Am Tiên
- 9. Liên Hoa Động
10. Hang Lũn (Xuyên Thủy Động)
11. Hang Muối
12. Hang Quàn
13. Thành Đền
14. Núi Đầm
15. Núi Thanh Lâu
16. Núi Cột Cờ
17. Núi Chẽ
18. Núi Chợ
19. Thành Vầu
20. Thành Chẹm
21. Thành Vầu
22. Thành Bờ
23. Thành Bim

SƠ ĐỒ MẶT BẰNG ĐỀN THỜ ĐÌNH TIÊN HOÀNG



SƠ ĐỒ MẶT BẰNG ĐỀN THỜ LÊ ĐẠI HÀNH



GHI CHÚ

1. Sân đá
2. Nghi môn ngoài
3. Từ vũ
4. Nghi môn nội
5. Tả vũ
6. Hữu vũ
7. Long Sãng
8. Bãi đường
9. Chính cung

thành thứ tư từ núi Chẽ sang núi Chợ, chắn ở phía bắc; tường thành thứ năm có hai đoạn chắn ở phía nam gọi là thành Vâu, đoạn thứ nhất từ núi Vung Vang sang núi Mã Yên, đoạn thứ hai từ núi Mã Yên chỗ Cỏ Đuôi Hồ sang núi Dù; tường thành thứ sáu chỗ ngòi Chẹm, có thể nối từ núi Phi Vân sang núi Hang Quàn, chắn mặt bắc của tử cấm thành Hoa Lư.

Thành Nội có năm tường thành, tường thành thứ nhất nối từ núi Hàm Sà sang núi Cánh Hàn, gọi là thành Dền; tường thành thứ hai nối từ núi Cánh Hàn sang núi Nghẽn; tường thành thứ ba từ núi Chùa Thủ sang núi Thanh Lâu, gọi là thành Vâu; tường thành thứ tư từ núi Mang Sơn sang núi Cổ Tượng, gọi là thành Bồ; tường thành thứ năm từ núi Mang Sơn sang núi Đầu Giải, gọi là thành Bim.

Cùng với các tường thành, còn có một số di tích có liên quan đến thời Đinh - Lê. Động Am Viên là một động khá lớn ở lưng chừng núi trong một thung lũng hẻo lánh ở phía đông nam khu thành Ngoại, tương truyền là nơi vua Đinh nhất hổ báo để trừng trị kẻ có tội. Ao Giải ở chân núi Chợ là nơi vua Đinh nuôi Giải. Ghềnh Tháp ở phía đông nam khu thành Ngoại là một mỏm núi thấp nhô ra sát bờ sông hang Luồn, tương

truyền là nơi vua Đinh dựng đội thủy quân. Núi Cột Cờ ở phía đông bắc khu thành Ngoại, tương truyền là nơi vua Đinh cắm cờ. Thung núi Hang Quân là "dấu đóng quân" với ý ghĩa như một nơi đóng quân của vua Đinh. Hang Muối, Hang Tiền là nơi vua Đinh để muối, để tiền.

Đền vua Đinh, đền vua Lê thờ vua Đinh và vua Lê, tương truyền được xây dựng trên nền cung điện xưa. Trước cửa đền vua Đinh trên đỉnh núi Mã Yên, một ngọn núi có hình chiếc yên ngựa, có lăng vua Đinh. Dưới chân núi Mã Yên, ở phía nam có lăng vua Lê.

Chùa Nhất trụ ở giữa thôn Yên Thành là một ngôi chùa đã được khởi dựng từ thời Tiền Lê. Hiện nay trước cửa chùa còn có một cột kinh phật bằng đá hình trụ tám cạnh, cao hơn 3 m được khắc bài kinh Lăng Nghiêm và có dòng chữ: "Đại thắng Minh Hoàng đế Lê tổ tự thừa thiên mệnh đại định sơn hà, thập lục niên" cho biết cột kinh có thể dựng vào năm Lê Đại Hành thứ 16 (995). Chùa Bà Ngô ở ven sông Hoàng Long, tương truyền là một ngôi chùa có từ thời Đinh - Lê, chùa Tháp cũng ở ven sông Hoàng Long có tháp Báo Thiên nổi tiếng đã bị thực dân Pháp phá hủy.

Phủ Bà Chúa thờ Công chúa Phất Kim con gái vua Đinh. Sử cũ cho biết vua Đinh đánh sứ quân

Ngô Nhật Khánh, lập mẹ của Ngô Nhật Khánh làm hoàng hậu, lấy em gái Ngô Nhật Khánh gả cho con trai mình là Đinh Liễn. Để cho Ngô Nhật Khánh khỏi oán hận vua Đinh gả công chúa Phất Kim cho Ngô Nhật Khánh. Bên ngoài, Ngô Nhật Khánh rất vui vẻ, nhưng bên trong lại oán hận; khi vua Đinh mất (979), Ngô Nhật Khánh chạy ra biển, theo Chiêm Thành. Khi ra đến bờ biển, Ngô Nhật Khánh lấy kiếm vạch vào má vợ mà nói rằng: "Cha mày ức hiếp mẹ con ta, ta lại vì mày mà quên tội cha mày sao" rồi đuổi vợ về. Về đến Kinh đô Hoa Lư, uất ức quá, Công chúa Phất Kim đã nhảy xuống giếng tự vẫn để bảo toàn khí tiết của mình. Thương tiếc Công chúa, nhân dân ta đã lập đền thờ công chúa ở bên cạnh cái giếng đó và ghi bài vị là: "Thực tiết Công chúa" (nghĩa là: Công chúa giữ tiết hạnh).

Phủ Vườn Thiên thờ Kinh Thiên đại vương là con vua Lê, phủ Đông Vương thờ Đông Thành đại vương cũng là con vua Lê. Ngoài ra một số phủ đã mất cũng thờ một số tướng của vua Đinh và vua Lê. Phủ Đông Thành, phủ Đầu Tượng thờ ông giữ thành cửa Đông. Ngày nay ở đây còn có xóm Đông Môn (cửa Đông), phủ làng Thong thờ Vạn Dân đại vương coi về thủy quân, giữ cửa tây. Trước kia trong phủ có chiếc thuyền thờ dài hơn 1 m. Cứ vào ngày tế ông, mừng hai tháng

chập hàng năm dân làng lại đem chiếc thuyền ra bên làng Thong, chèo đi chèo lại để thương nhớ vị tướng coi thủy quân của vua Đinh.

Phủ Bến Đò thờ Đông Thái đại vương coi cửa Bắc. Phủ Cửa Đền thờ Ngũ Đạo đại vương, phụ trách năm đạo quân. Phủ Vật thờ Cầm Trà đại vương phụ trách tuyển quân. Hàng năm cứ đến ngày 6 tháng giêng dân làng lại tổ chức hội vật ở phủ để tưởng nhớ ông "tuyển quân bộ". Phủ Chợ thờ Ngũ Lâu đại vương phụ trách ca hát. Xưa kia ở phủ có bức đại tự "Thái bình âm" (nghĩa là tiếng ca thái bình). Hàng năm vào mồng 1 tết Nguyên đán, trong lúc tế ông, dân làng lại hát ca trù để tưởng nhớ công việc của ông. Phủ Đường Xẻo hay Tùng Xẻo thờ ông xử tội cực hình, tương truyền cứ "tùng" một tiếng trống lại xẻo một nhất cho đến khi phạm nhân chết. Hệ thống phủ thờ là tư liệu quý về cách bố phòng của kinh đô Hoa Lư.

Ở phía ngoài Cố đô Hoa Lư, có một số di tích và địa danh lịch sử. Quên Ổi tương truyền là cửa ngõ của Kinh đô Hoa Lư. Áng Ngũ là một trạm kiểm soát trước khi vào Kinh đô. Đền Hành Khiển hay phủ Thành Hoàng thờ Tả bộc xạ Hành khiển Quang Lộc đại vương, tương truyền là ông tướng trấn giữ ở đây. Đinh Áng Ngũ thờ Nguyễn

Bặc. Động Hoa Sơn tương truyền là nơi nuôi trâu chừa. Làng Ang Ngũ có một số cảnh đồng mang địa danh lịch sử như Mã Giang (bến tắm ngựa), Mã Trạch (chuồng ngựa), Mã Cỏ (bãi cỏ cho ngựa ăn), Mã Hồ (hồ tắm ngựa), các thôn Thanh Khê, Ngô Khê tương truyền là nơi đặt hành dinh của Nguyễn Bặc. Thôn Quán Vinh cũng có một số trạm của Kinh đô Hoa Lư. Đường vào Hoa Lư gọi là đường Thiên Ngự, chùa Quán Vinh gọi là chùa Thiên Ngự với ý nghĩa là vua Đinh thường "ngự" ở đây (1). Động Thiên Tôn, núi thuyền Rồng, núi Côn Lĩnh như một bức tường thành thiên nhiên án ngữ phía ngoài, hai bên đường Tiến Yết, tương truyền là tiền đồn của Kinh đô Hoa Lư.

Trước kia ở đền Hạ dưới chân núi Côn Lĩnh có câu đối:

Côn Lĩnh tiền đồn Đinh triều thủy
Văn cú Quang Trung Quý Sứ tân

(Nghĩa là:

Núi Côn Lĩnh là tiền đồn triều Đinh⁽¹⁾
Làng có tên Văn Cú thời Quang Trung
năm Quý Sửu (2)

(1) Nhân dân địa phương còn lưu truyền câu ca dao:

Chùa này chùa mới Quán Vinh

Thờ hai công chúa con Đinh Tiên Hoàng

(2) Sự thật thì năm Quý Sửu (1793) Quang Trung đã mất

Ở ven sông Đáy, làng La Mai là kho tàng của nhà Đinh. Tương truyền Kim Khố và Chính Khố hay Kho Trong, Kho Ngoài là kho mấm, kho muối của vua Đinh.

Núi Non Nước cũng là tiền đồn của Kinh đô Hoa Lư về đường thủy, bên sông Vân Sàng có điện Vân Sàng là nơi Dương Vân Nga đón Lê Hoàn thắng Tống trở về. Trước kia ở đây có đền Thượng thờ Đinh Tiên Hoàng, Lê Hoàn và Dương Vân Nga. Trong đền thờ Lê Hoàn có đôi câu đối:

Khước Tống khái ca lưu thử địa
Tiếp Đinh chính thống thụ vu thiên

(Nghĩa là:

Khúc ca thắng Tống còn lưu truyền
ở vùng đất này
Nối tiếp nền chính thống của nhà
Đinh hợp với mệnh trời)

Làng Thiện Trạo là dinh thủy quân của nhà Đinh. Nơi đây còn có cái địa danh lịch sử như bến Dinh là bến đóng thủy quân, vườn Quan, nơi các quan ở, Cung Đường là nơi cung quán, mã Voi là nơi nuôi Voi v.v... Trong hệ thống đồn thủy cùng với Thiện Trạo có đồn Yên Khoái xưa gọi là Yên Bạc, do Cao Lịch, Cao Khiển trấn giữ. Nhân dân địa phương còn lưu truyền "Yên Bạc cự đồn, Yên Khoái thượng miếu". Thôn Yên

Phúc bên cạnh cũng là một "cung sở" do hai tướng Cao Sơn, Cao Các trấn giữ.

Ở phía tây, trên con đường nối với đường Thượng Đạo cũng có một số di tích tương truyền là đồn lũy bảo vệ phía tây Kinh đô như núi Mã Cạn thuộc thôn Đông Thịnh là một nơi Đinh Bộ Lĩnh tập trận cờ lau thời thơ ấu về sau là đồn trấn giữ ở phía tây kinh đô Hoa Lư. Hiện nay còn có thành đất gọi là "Thành Hẻo"; các thôn Đông Thịnh, Me, Lược đều thờ Đinh Tiên Hoàng, thôn Kho có đền thờ Lê Du, Lê Chương là các vị tướng của vua Đinh trấn giữ ở đây. Xã Văn Phương có "đấu đông quân" với ý nghĩa là một đồn lũy của vua Đinh.

Trên con đường ven sườn núi ở phía nam kinh đô Hoa Lư, song song với con đường thủy là sông Hang Luồn hay Sào Khê, có Máng Nước tương truyền là Thành Nam và quèn Ba Cửa, quèn Thụ Mộc là những cửa ải bảo vệ ở phía nam.

Như vậy là từ các phía nối với các con đường chiến lược xưa như Thiên Lý, Thượng Đạo đều có các đồn lũy trấn giữ.

Cùng với các di tích trên mặt đất, lòng đất Hoa Lư cũng cho chúng ta nhiều tài liệu quý. Trong nhiều năm, các cán bộ khảo cổ học đã nghiên cứu toàn diện về Cố đô Hoa Lư.

Qua mô tả của sử sách, chúng ta thấy khu cung điện chính thời Tiền Lê khá rộng gồm có tám cung điện chính trong một tổng thể khá cân đối, quy tụ vào tâm điểm. Như vậy nghệ thuật kiến trúc quy tụ vào tâm điểm có thể đã được hình thành ở Kinh đô Hoa Lư và trở thành một đặc điểm kiến trúc ở thời Lý - Trần. Tương truyền đền vua Đinh và đền vua Lê được xây dựng trên nền cung điện xưa. Kết quả khai quật khảo cổ học cho thấy các công trình tưởng niệm thường được xây dựng trên nền cung điện xưa như đền Kiếp Bạc (Hải Dương), đền Trần, chùa Đệ Tứ (Nam Định) v.v.. khu vực đền vua Đinh và đền vua Lê cũng là khu vực khá bằng phẳng cao ráo so với toàn bộ khu thành Hoa Lư, ở sau đền vua Đinh và đền vua Lê có dãy núi Phi Vân, có thể là dấu tích địa danh của lầu Đại Vân xưa, ở lưng chừng núi có một hang nhỏ gọi là "Chế Vua" với truyền thuyết là nơi vua nghỉ. Trong đền vua Lê có một tấm biển sơn son thiếp vàng lộng lẫy ghi rõ: "Trường Xuân linh tích" (dấu tích linh thiêng của điện Trường Xuân). Cánh đồng ở phía nam hai đền gọi là xứ Hậu Đường, vậy khu vực đền vua Đinh và đền vua Lê phải là tiền đường. Hướng tìm khu trung tâm của Kinh đô Hoa Lư hay khu tử cấm thành là ở khu vực này.

Trong đợt khai quật năm 1977 của Bảo tàng tỉnh, ở hố khai quật cạnh bờ tường phía nam đền vua Lê, ở độ sâu 0,95 m phát hiện hai mảng sân gạch hoa (4,2 x 1,8 m) được lát bằng những viên gạch vuông (34 x 34 x 7 cm) trang trí hoa sen và đôi phượng vươn nhau. Gạch có hoa văn trang trí đẹp, nhiều viên hoa văn còn rõ nét, chứng tỏ đây là sân triều trong cung điện, ít đi lại, nếu không hoa văn sẽ mờ hết, hai bên nền gạch có nhiều viên hình chữ nhật, một số mảnh có chữ "Đại Việt quốc quân thành chuyên".

Ở độ sâu 0,95 m có một mảng nền gạch bị phá nghiêm trọng, chỉ còn lại 12 m² gạch lát không đều, không có hàng lối nhất định, nhiều chỗ bị lún, được lát bằng gạch có dòng chữ "Đại Việt quốc quân thành chuyên" và lẫn một số viên "Giang tây quân". Gạch Giang tây quân là gạch thời Đường đã được sử dụng lại. Còn gạch "Đại Việt quốc quân thành chuyên", thì cách giải thích của đồng chí Phạm Văn Kinh và Nguyễn Ngọc Chương trong báo cáo khai quật tuyến thành Đông và Đông Bắc Hoa Lư năm 1970 là hợp lý (1). Nhưng chúng ta đã biết quốc hiệu Đại Việt được đặt từ năm 1054 dưới triều Lý Thánh Tông. Quốc hiệu thời Đinh - Lê là Đại Cồ Việt. Chữ "Đại"

(1) Xem Phạm Văn Kinh, Nguyễn Minh Chương: Thành Hoa Lư và những di tích mới phát hiện - Tạp chí khảo cổ học số 5 - 6-1970

là chữ hán có nghĩa là to lớn, chữ "Cờ" là chữ nôm cũng có nghĩa tương tự. Cho nên, nếu viết cả chữ "Đại" và chữ "Cờ" liền nhau, thì không chính nên trong câu văn viết, người xưa đã bỏ chữ "Cờ" chỉ viết là "Đại Việt" mà thôi, cho nên mảng sân gạch này là mảng sân triều trong cung điện thời Đinh - Lê.

Trong hố khai quật có mảng sân gạch hoa, khi mở rộng, ở độ sâu 1,60 đến 2 m, gặp nhiều gỗ lá mục, mảnh gốm, xương, động vật, vỏ nhuyễn thể, có 28 vò sáu núm còn nguyên vẹn, loại vò sáu núm này thường thấy trong các mộ cổ đời Đường. Cùng mặt bằng chứa gốm này, còn có 59 cọc gỗ nhỏ và 3 dấu tích cọc gỗ lớn cùng nhiều thanh gỗ, cọc gỗ lớn đường kính 0,50 m, phần trên có ngàon đỡ sà ngang. Đây có thể là dấu tích của một công trình kiến trúc kiểu nhà sàn ở trên vùng đất trũng.

Trong đợt khai quật năm 1977, Bảo tàng tỉnh cũng thám sát ở dốc phía đông nhà Khải Thánh đền vua Đinh, ở độ sâu 1,65 m phát hiện một lối lên xuống, được lát bằng gạch Giang tây quân, cứ một hàng lát ngang, lại một hàng lát đứng theo từng bậc từ thấp lên cao theo hướng Bắc-Nam, cuối cùng là 5 đến 6 hàng gạch lát nghiêng. Không có chất kết dính, ở phía đông và phía tây

lối lên xuống này có hai hàng gạch đối xứng được cấu tạo bằng hai ba hàng gạch xếp chồng lên nhau phát triển lên phía bắc của hố. Như vậy lối lên xuống này có thể được xây dựng từ thời Bắc thuộc hoặc thời Đinh - Lê sử dụng lại gạch Giang tây quân thời Đường. Ở độ sâu 2,20 đến 2,50 m, gặp một số bình vò sáu núm có phong cách gốm thời Đường, nhưng cũng có thể được sử dụng lại thời Đinh - Lê.

Đầu tháng 5-1991, trong khi đào giếng ở cạnh ao đền vua Lê, ở độ sâu từ 60 cm đến 1,60 m, có một lớp đất đen và nhiều mảnh gỗ mục xen lẫn với các mảnh gạch hoa sen và các mảnh vò sáu núm. Cũng trong tháng 5-1991, Bảo tàng tỉnh đã khai quật ở mảnh ruộng phía bắc chùa Xúi Dù, sau đền vua Đinh ở độ sâu 41 cm đến 110 cm thấy có nhiều cọc gỗ lim đường kính từ 12 đến 20 cm đóng theo chiều Bắc - Nam và một số cụm cọc gồm 4 đến 5 chiếc. Đây có thể là cọc đóng móng của một số công trình kiến trúc; cùng với cọc gỗ, còn một số mảnh gạch "Đại Việt quốc quân thành chuyên" và "Giang tây quân". Một số lượng lớn gạch hoa sen và đôi phượng vờn nhau, nhiều mảnh ngói ống, vò sáu núm, tháp đất nung và vệt đất nung, đặc biệt có một pho tượng bằng đất nung. Pho tượng cao 8 cm mặt vuông, tai lớn, cầm bạnh, mặc áo giáp có đai lưng đeo kiếm, có

phong cách của một pho tượng Kim Cương ở chùa. Có thể đây là di tích của một ngôi chùa thời Đinh - Lê. Ở phía bắc núi Dù là cánh đồng Cây Khế có nhiều mảnh gạch hoa sen và đôi phượng vờn nhau.

Ở phía bắc chân núi Mã Yên, trong khi đào ao, nhân dân đã tìm thấy 3 con vệt đất nung, một số viên gạch hình chữ nhật có phong cách như gạch "Đại Việt quốc quân thành chuyên" và nhiều mảnh gạch hoa sen và đôi phượng vờn nhau. Ở sát bờ sông Hang Luồn, cũng nhiều mảnh gạch hoa sen lẫn trong lớp đất canh tác, ở dưới nước còn một bãi cọc, phải chăng là cọc chống lún của một công trình kiến trúc? Ở bên tả sông Hang Luồn, dưới chân núi Hang Sơn, trong khi đào ao, nhân dân địa phương cũng tìm thấy một cột kinh bằng đá mờ hết chữ, hai cọc gỗ lớn có đường kính 40 cm có ngàm, là dấu tích của một công trình kiến trúc cổ.

Cuối năm 1997 đầu năm 1998, Viện khảo cổ học kết hợp với Ban quản lý khu di tích Cố đô Hoa Lư khai quật 300 m² và thám sát nhiều hố nhỏ cạnh tường phía nam đền vua Lê, đã tìm thấy sáu vị trí có gạch lát nền được trang trí hoa sen và chim phượng, trong đó có một vị trí trùng với nền gạch tìm thấy năm 1977.

Trong hai hố khai quật mở rộng đã xác định được ba vị trí kiến trúc lớn. Hai vị trí có gạch lát nền được trang trí hoa sen và chim phượng cỡ trung bình 34 x 34 cm như đã biết, một vị trí được lát bằng những viên gạch hoa sen cỡ lớn, mỗi chiều 47 x 47 cm. Đáng chú ý có hai viên gạch chữ nhật cỡ lớn, một viên 47 x 64 cm một viên 47 x 74 cm, trên mặt gạch có trang trí hai bông hoa sen tám cánh mập. Đáng chú ý có mặt bằng kiến trúc cao hơn hẳn các nền móng đã biết, chứng tỏ có nhiều kiến trúc khác nhau.

Cuộc khai quật lần này cũng tìm thấy nhiều hiện vật quý như gạch, ngói, đầu ngói ống trang trí hoa sen, đầu rồng bằng đất nung, tượng vệt, uai sen, ngói lát cho thấy các cung điện thời Đinh - Lê khá to lớn, trang trí đẹp.

Phong phú nhất là các hiện vật gốm men và đồ sành như vò, lọ, bát, đĩa, chân đèn, đĩa đèn phản ánh đời sống sinh hoạt của các tầng lớp nhân dân ở kinh đô Hoa Lư thế kỷ X. Những di vật đó mang đậm bản sắc dân tộc Việt chứng tỏ sức sống bền bỉ của văn hóa Việt Nam từ thời văn hóa Đông Sơn. Nhiều mẫu hình trang trí của văn minh Đại Việt thời Lý - Trần như rồng, phượng, vệt, hoa sen v. v... đã được bắt đầu từ

dây. Một số hiện vật chứng tỏ thời Đinh - Lê có sự giao lưu văn hóa khá mạnh với các nước láng giềng như Trung Quốc, Chăm Pa. Các hiện vật tìm thấy trong đợt khai quật này chứng tỏ ý chí tự lực, tự cường của dân tộc ta sau một nghìn năm Bắc thuộc, là nền móng cho sự phát triển văn hóa dân tộc ở các thế kỷ sau (1).

Như vậy khu vực từ đền vua Đinh sang đền vua Lê, bao gồm cảnh đồng Cây Khế ở phía tây đền và cảnh Vườn Thổ ở phía đông đền, sát sông Hang Luồn là khu tử cấm Thành của Kinh đô Hoa Lư. Có thể các công trình kiến trúc cung điện còn được phân bố sang cả bên tả ngạn sông Hang Luồn, tại chân núi Hang Sơn và núi Ngọn Đèn.

Khu tử cấm thành Hoa Lư được bao bọc bởi dãy núi Phi Vân ở phía tây và dãy núi Hang Luồn ở phía đông, đồng thời được bảo vệ giữa hai tường thành; tường thành phía nam là thành Vâu; tường thành phía bắc là thành Chẹm. Đợt khai quật khảo cổ học tháng 5-1991 đã chứng minh điều đó (2). Tháng 5-1991, dựa vào dấu gạch lộ thiên, Bảo tàng tỉnh đã khai quật dọc ngòi Chẹm, cách dãy núi Phi Vân 74,30 m, ở độ sâu 40 cm phát hiện một tường gạch dày 60 cm cao 50 cm gồm 13 hàng gạch chữ nhật (30 x 20 x 3,5 cm)

(1) Theo tài liệu của PTS Tổng Trung Tín, Viện khảo cổ học

(2) Tài liệu của Bảo tàng Ninh Bình

dọc theo hướng đông tây có nền gạch được ghi chữ "Đại Việt quốc quân thành chuyên", rõ ràng đây là loại gạch xây thành đá phát hiện ở thành đông bắc Hoa Lư năm 1970. Tường gạch được xây trên một bè móng bằng gỗ lim, có lớp đệm bên trên là lớp tre nửa ken dày, móng bè gỗ lim còn lại dài 20,60 m gồm hơn 108 cây gỗ ken dày vào nhau theo hướng Bắc - Nam. Có cây dài tới 5 m đường kính từ 20-25 cm có cây nguyên, có cây được đẽo vuông, hình lòng máng hoặc được trang trí ở đầu có mộng, đây là phế liệu của một công trình kiến trúc từ trước đó đã được sử dụng lại. Đè lên lớp gỗ này còn có một lớp gỗ dọc theo chiều Bắc - Nam, gồm có 22 cây gỗ lim cho vững lớp gỗ bên dưới. Tường gạch phía trên đầu cuối ở phía nam của lớp móng bè gỗ, có thể đây là lớp tường gạch xây ốp mặt trong của tường thành để chống sói lở như ở tường thành đông bắc Hoa Lư khai quật năm 1970.

Tháng 5-1992 trong khi đào đất làm nhà, cách cổng Chẹm khoảng 20 m ở độ sâu 0,50 m, nhân dân địa phương cũng phát hiện nhiều thân cây mục, các mảnh gạch lẫn vào trong lớp đất đen sâu tới 1 m. Rõ ràng thành Chẹm đã kéo dài tới cổng Chẹm ngày nay và có thể còn kéo dài sang dãy núi Hang Quàn, chặn ngang phía bắc của tử cấm thành Hoa Lư.

Với các hiện vật thời Bắc thuộc và khu mộ táng cùng thời cạnh chùa Bà Ngõ có thể kết luận rằng trước khi trở thành Kinh đô Hoa Lư khu vực này đã là trị sở của phong kiến phương Bắc.

Sách Đại Nam nhất thống chí đã viết về vùng đất Ninh Bình "Đời Tần thuộc Tượng quận, đời Hán thuộc quận Giao Chỉ, từ đời Ngô, đời Tấn về sau thuộc châu Giao, cuối đời Lương là châu Trường Yên, nhà Đinh đóng đô ở Hoa Lư tức là đất này". Sách sử học bị khảo cho biết Trường Châu có bốn huyện là: Văn Giàng, Đông Thái, Trường Sơn, Kỳ Sơn. Đất Trường Châu bao gồm đất của hai phủ Nho Quan và Yên Khánh của Ninh Bình. Huyện Văn Giàng thuộc huyện Gia Viễn. Sách Thái Bình hoàn vũ ký cũng ghi "Trường Châu ở huyện Văn Giàng" (nay là huyện Gia Viễn, Ninh Bình). Sách Đại Việt sử ký toàn thư cho biết năm 990, sứ Tống là Tống Cảo sang nước ta, đến trạm Nại Chính ở Trường Châu. Vua (Lê) ra ngoài Giao để đón. Như vậy thì trạm Nại Chính ở Trường Châu rất gần Kinh đô Hoa Lư. Có thể trước thời Đinh - Lê, Kinh đô Hoa Lư đã là trị sở của Trường Châu đời Đường.

Ngoài khu vực cung điện chính còn có các công trình kiến trúc dinh thự khác nữa ở sứ Hậu Đường, phía nam đền vua Đinh, ở núi Rùa, núi

Đông Lâm, ở phía đông bắc khu thành Ngoại. Tại các khu vực này có một khối lượng lớn các mảnh gạch có trang trí hoa sen và đôi phượng vờn nhau.

Để tìm hiểu các tường thành, cuối năm 1969 đầu năm 1970, Bảo tàng lịch sử Việt Nam đã khai quật tường thành Đông và Đông Bắc Hoa Lư. Móng tường thành Đông Bắc được xếp bằng những lớp đất và những lớp lá cây, cành cây xen kẽ nhau, hết lớp này đến lớp khác để chống lún. Trên lớp đất và lớp lá cây là những cọc gỗ lớn cắm sâu cho thêm vững. Thân tường thành, mặt phía trong là một tường gạch xây theo chiều dọc để bó tường thành và chống sới lở. Gạch xây là loại chữ nhật (30 x 16 x 4 cm) làm bằng một thứ đất sét mịn màu đỏ. Ở hàng gạch nằm dưới cùng, có viên được in dòng chữ "Đại Việt quốc quân thành chuyên" rải rác có những viên được in dòng chữ "Giang tây quân".

Ở tường thành Đông, dưới độ sâu 1,60 m phát hiện một nền gạch hình chữ nhật (8,6 x 4,50 m) được lát bằng những viên gạch vuông (34 x 34 x 7 cm), xung quanh chạy đường triện, ở giữa được trang trí hoa sen, bốn góc có bốn con bướm cách điệu hoặc ở giữa là đôi phượng vờn nhau trong một khung tròn, bốn góc có hình

một thứ hoa cách điệu. Một nghìn năm đã trôi qua mà nền gạch vẫn còn đó tươi, hoa vẫn vẫn còn rõ chứng tỏ đây là một công trình ít người đi lại chỉ được dùng trong những trường hợp cần thiết hoặc là một bộ phận kiến trúc có liên quan đến việc đồn trú, bảo vệ mặt thành này.

Để tìm hiểu các công trình kiến trúc tôn giáo, cũng trong đợt khai quật tháng 5-1991, Bảo tàng tỉnh đã khai quật cạnh dốc phía nam chùa Nhất Trụ, phía trước nhà tổ, ở độ sâu 60 cm phát hiện hai móng đá hình vuông (130 x 130 cm) cách nhau 150 cm dày 1 m. Dưới lớp móng đá là móng bê gỗ lim gồm 4 lớp phiến lim gần vuông, dày từ 25 - 30 cm xếp chồng lên nhau theo hướng Bắc - Nam và Đông - Tây. Cùng với móng đá là những mảnh gạch có trang trí hoa sen và đôi phượng vươn nhau, cành cây mục và vò sáu núm v.v... đây là loại móng đá khá dày và cấu trúc công phu, rõ ràng công trình kiến trúc phải rất to lớn, có thể đây là móng của một kiến trúc tháp của chùa Nhất Trụ thời Tiền Lê.

Năm 1963, tại công trường đắp đê sông Hoàng Long phía bắc thành Hoa Lư đã phát hiện di tích của một ngôi chùa cổ. Trong khi đào đất đắp đê, nhân dân địa phương đã phát hiện nhiều đồ gốm xương voi, xương ngựa, nhiều tầng thóc cháy từ

núi Nghển đến gò Góc Vung. Đặc biệt ở khu vực gò Cô Nành đã thấy một số cột đá hình trụ tám cạnh dài khoảng 80 cm trên tám mặt có khắc kinh Phật; đó là bài Phật đỉnh tôn thắng Đalani. Bên cạnh có dòng lạc khoản "Đệ tử tinh hải quân tiết độ sứ, Nam việt vương Đinh Liễn kính tạo bảo tràng nhất bách tòa, Quý Dậu tuế" (nghĩa là người theo đạo Phật là Nam việt vương Đinh Liễn kính dâng lên một trăm cột kinh Phật năm 973 (1). Tháng 12-1986 trong khi đào đất đắp đê, nhân dân địa phương lại phát hiện ở đây mười bốn cột kinh Phật nữa cùng với nhiều bệ và búp sen đá. Những cột kinh Phật này về cơ bản có nội dung giống nhau. Theo giáo sư Hà Văn Tấn, thì cột kinh có nội dung khá rõ là: Có một ông vua tên là Thiện Trú, sống xa xỉ hưởng lạc, một đêm nọ nghe có tiếng nói trong không trung báo cho biết bảy ngày nữa ông sẽ chết, sau đó hóa kiếp bảy lần thành các thú vật (lợn, chó, cáo, khỉ, rắn độc, chim khiêu, quạ) rồi phải chịu khổ hình dưới địa ngục, có thành người cũng mù hai mắt. Thiện Trú hoảng sợ phải cầu cứu với Đế Thích, Đế Thích kêu xin với đức Phật. Sau khi tỏa ánh hào quang, đức Phật cười nói với Đế Thích rằng: Có một thần chú gọi là Phật đỉnh

(1) Xem Hà Văn Tấn: Từ một cột kinh Phật năm 973 vừa phát hiện ở Hoa Lư NCLS số 76-1965

tôn thấng Đalani có thể trừ được mọi khổ não, mọi ác nghiệp truyền kiếp và mọi khổ hình địa ngục. Niêm kinh Phật Đalani còn được tăng tuổi thọ, được các thiên thần bảo vệ và các bồ tát phù hộ v.v.. sau đó Phật đã đọc bài chú cho Đế Thích để ông ta truyền lại cho Thiên Trú và các chúng sinh. Cột kinh Phật thứ nhất cho biết những câu "kệ" cũng được giải thích là biểu hiện của tinh thần học thuyết Đại thừa và sự giải thích là tất cả điều đó có thể trở thành Phật. Trong số mười bốn cột kinh Phật đó, một cột kinh có dòng lạc khoản: "Đệ tử tiết độ sứ, đặc tiến kiểm hiệu thái sử vạn hộ thực ấp Nam việt vương Đinh Khuông Liên nhân vì em mình là đại đức Đính nô Tăng nô, không thuộc theo lòng trung hiếu phụng thờ thượng phụ và anh cả, lại còn sinh lòng ác, phản nghịch. Nếu như yêu quý khoan dung, thì người anh hư hỏng có thể bảo vệ được. Nếu như cho người giết hại tính mạng đại đức Đính nô Tăng nô là vì muốn cho việc trong nhà giữ được muôn phong. Người xưa có câu: "Tranh giành nhau chức vị, không ai nhường ai cả, nhanh tay ắt thắng người", nay nguyện xây dựng 100 tòa kinh báu (dâng lên Phật cầu cho) người em đã mất và vong linh gia tiên cùng được giải thoát khỏi bị bắt bớ dưới cõi mình". Đầu tiên kính chúc Đại Thắng Minh Hoàng đế mãi mãi

trần giữ trời Nam, thứ đến (bản thân) Đinh Liên thường được vững vàng, tước lộc vị..." (1).

Qua lời chú, có thể Đính nô Tăng nô là Đinh Hạng Lang, con số 100 tòa kinh Phật chỉ là con số ước lệ và Đinh Liên đã làm từ năm 973 cho đến khi mất (979). Nhưng rõ ràng đây là lời giải thích của Đinh Liên về việc mình giết em để tranh ngôi Thái tử là "muốn cho việc trong nhà giữ được muôn phong và làm bài kinh cầu, kêu cho linh hồn người em tha việc ác cho mình. Qua các cột kinh Phật, bệ búp sen... chứng tỏ các cột kinh Phật thời Đinh - Lê có sáu bộ phận: Tăng, đế, thân, dấu hình bát giác, bệ sen và búp sen giống như cột kinh Phật ở chùa Nhất Trụ hiện nay.

Như vậy, ở ven sông Hoàng Long khu vực gò Cò Nành ngày nay, thời Đinh - Lê có một ngôi chùa khá lớn. Ngày nay ở khu vực chùa Tháp xưa có những chân tảng lòng khoát tới 70 cm còn khu vực từ gò Gốc Vưng tới núi Nghên là khu vực kho thóc và dân cư ở ngoại thành.

Việc khai quật khảo cổ học tiếp theo sẽ giúp cho chúng ta hiểu thêm các khu vực của Cố đô Hoa Lư. Cố đô Hoa Lư có giá trị của một khu di tích lịch sử, khảo cổ và kiến trúc nghệ thuật.

(1) Xem Hà Văn Tấn: *Phật giáo từ Ngô đến Trần (TK X-XV) trong lịch sử Phật giáo Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội - HN 1988

IV ĐỀN VUA ĐÌNH

Đền vua Đình cũng như đền vua Lê, tương truyền được xây dựng trên nền cung điện xưa. Theo truyền thuyết khi nhà Lý rời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long, nhân dân ta đã xây dựng hai ngôi đền để tưởng nhớ hai vị anh hùng dân tộc là Đinh Bộ Lĩnh và Lê Hoàn. Lúc đầu đền quay hướng bắc trông ra núi Hồ, núi Chẽ, trải qua năm tháng, hai ngôi đền cũ không còn nữa. Đầu thế kỷ XVII, sau khi bỏ nhà Mạc theo nhà Lê (1600), Phong quân công Bùi Thời Trung đã xây dựng lại hai ngôi đền như cũ, nhưng quay lại theo hướng đông, đến năm Hoàng Đình thứ 7 (1606) khắc bia lưu lại. Vào khoảng năm Bính Thìn (1676) nhân dân Trường Yên lại trùng tu lớn hai ngôi đền. Đến năm Thành Thái thứ 10 (1898) cụ Bá Kênh tức Dương Đức Vĩnh đã cùng với nhân dân Trường Yên Thượng sửa đền vua Đình, làm ngưỡng cửa và nâng cao đền bằng tảng đá cổ bằng như ngày nay.

Đền vua Đình được xây dựng theo kiểu "nội công ngoại quốc" (nghĩa là bên trong chữ công (工), bên ngoài chữ quốc (國)), đường đi lối vào lát hình chữ Vương (王). Các công trình kiến trúc đăng đối theo trục đường chính đạo. Các tên gọi phòng theo tên gọi của cung điện xưa. Ngoài cùng là Ngọ môn quan (cổng ngoài) quay hướng bắc, ở phía trong Ngọ môn có bốn chữ "Tiền triều phượng khuyết" (cửa phượng triều trước), ở phía ngoài có bốn chữ "Bắc môn tòa thược" (có nghĩa là khóa chặt cửa bắc)⁽¹⁾. Vào phía trong, ở giữa là một sập long sàng bằng đá, hai bên có hai nghê châu bằng đá xanh nguyên khối khá đẹp. Những hiện vật này tuy chạm khắc đơn giản, những khối hình mộc mạc, chắc khỏe gợi về lòng sùng kính đối với vua Đình. Cạnh đó là Nghi môn ngoại (cửa ngoài), lui vào chút nữa là đến Nghi môn nội (cửa trong); có thể nói cửa này là dạng kiến trúc ba hàng chân cột sớm nhất ở nước ta. Lui vào trong bên phải đền là nhà Khải Thánh thờ cha mẹ vua Đình, bên trái đền là nhà Vọng, nơi xưa kia các cụ bàn việc tế lễ. Trước cửa nhà Khải Thánh và nhà Vọng là hai "vườn hoa ngoại quốc" (tường vườn hoa như vòng ngoài của chữ "quốc"), giữa vườn hoa phía bên phải đền có hòn non bộ dáng "cửu long"; giữa vườn hoa bên trái

(1) Có thể có ý sâu xa là: "Đền phòng giặc Bắc"

đền là hòn non bộ giáng "hình nhân bái tướng"; qua hai cột đồng trụ là tới sân rồng, ở giữa sân rồng có sập long sàng bằng đá hình khối hộp chữ nhật dài 1,80 m rộng 1,40 m cao 0,95 m kể cả bệ được trang trí một con rồng khá đẹp. Long sàng tượng trưng cho bệ rồng lúc vua ngự triều, xung quanh có hai hàng chân cột để cấm cờ, bát biểu, vũ khí trong ngày hội, tượng trưng cho các thứ bậc của các quan văn võ, trong đó có mười thanh long đao tượng trưng cho mười đạo quân.

Long sàng là một tác phẩm nghệ thuật đẹp, con rồng trang trí giữa sập long sàng là con rồng thân mập đuôi thẳng, phủ vẩy đơn, đầu ngẩng cao, hai cụm tóc lớn bay ngược lên, hai dải râu dài thả lỏng phía trước, má có hai hàng râu chải đều như cánh phượng, tay nắm sừng chẻ chạc. Con rồng đang uốn lượn tượng trưng cho sự vận động của bầu trời, mây mà các đao của nó tỏa ra như những tia chớp, tạo thành sấm gọi nguồn nước no đủ về cho đồng ruộng. Như thế long sàng vừa là vật đề cao vua Đĩnh, vừa là nơi cầu lên thần linh ban phúc lành. Diềm long sàng còn có tôm, cá là những con vật ở dưới nước, chuột là con vật ở trên cạn, không phải là những con vật linh, thể hiện tư tưởng phóng khoáng của người nghệ sĩ dân gian thế kỷ XVII. Đây là sập long

sàng đẹp nhất trong nghệ thuật tạo hình sập đá ở nước ta.

Hai bên sập long sàng có hai con rồng đá kiểu yên ngựa, được tạc vào đầu thế kỷ XVII, khi mới xây lại đền. Đó là hai con rồng bằng đá xanh nguyên khối. Trên mình và phía dưới bụng rồng được phủ những nét mây đao móc vun vút tỏa về phía sau, làm cho rồng như đang lao về phía trước. Cạnh đó là hai con nghê châu được tạc bằng đá xanh nguyên khối khá đẹp có niên đại thế kỷ XVII.

Hai con nghê được tạo hình chắc khỏe, đầu ngẩng cao, mồm há, mũi hếch, tóc xoắn, bụng thắt lại, từng thớ thịt ở hông nổi rõ, ở vế đùi hai chân trước và hai chân sau của nghê được điểm vài nét mây đao móc vút nhọn làm cho hai con nghê thêm khỏe mạnh.

Đền có ba tòa: Bái đường, Thiêu hương và Chính cung. Tòa ngoài bái đường thờ công đồng, Đặc điểm kiến trúc của đền vua Đĩnh là được bao tường và cửa kín xung quanh, nên lòng đền khá tối; ánh sáng mờ ảo đã tạo nên một thâm cung, thêm sức linh thiêng cho thần, tạo cho các đồ thờ và nghi trượng như có một sức mạnh huyền bí. Khác với các kiến trúc khác thường gắn cửa với hàng cột quân bên ngoài, ở đền vua

Đình cửa đền được lui vào tận hàng cột cái, tạo thành các mảng chõng giường ở trước cửa đền là những mảng trang trí lớn.

Ở Bái đường có đôi "xà cổ ngỗng" khá đẹp vừa đỡ mái, vừa che cái đầu hoành. Đây thực chất là một kẻ góc, một kỹ thuật khó trong kiến trúc cổ truyền, đã đi vào ca dao:

Thứ nhất là cầu thượng gia (1)

Thứ nhì kẻ góc, thứ ba đao đình

Kẻ góc ở đây đã được tạo hình thành tác phẩm nghệ thuật. Ở giữa bái đường có một tấm biển đề ba chữ sơn son thiếp vàng lộng lẫy: "Chính thống thủy" (mở nền chính thống), hai cột giữa có đôi câu đối ca ngợi nước Đại Cồ Việt và Kinh đô Hoa Lư:

Cồ Việt quốc dương Tống Khai Bảo

Hoa Lư đô thị Hán Trường An

(Nghĩa là:

Nước Cồ Việt như Tống Khai Bảo

Đô Hoa Lư là Hán Tràng An)

Tòa giữa là Thiêu hương thờ các quan, những vị công thần của nhà Đinh, ở đây có một nhang án khá đẹp, có niên đại. Ở thế kỷ XVII. Trên

(1) Cầu "thượng gia hạ trì" hay "thượng gia hạ kiều" (trên là nhà dưới là ao hay cầu là kỹ thuật rất khó)

nhang án có mũ "Bình Thiên" tượng trưng cho vương miện của vua Đinh, một biểu tượng của đế quyền.

Trong cùng là Chính cung thờ vua Đinh và các con của ông. Ở giữa chính cung có tượng Đinh Tiên Hoàng đội mũ "Bình Thiên" mặc áo "Long cổn". Phía bên trái vua Đinh là tượng Đinh Liễn, con cả, phía bên phải là tượng Đinh Hạng Lang và Đinh Toàn, hai con thứ.

Hai bên bệ thờ vua Đinh có hai con rồng đá bán thân kiểu yên ngựa như hai rồng châu bên cạnh sập long sàng ngoài sân rồng, nhưng đẹp hơn nhiều. Do không bị phong hóa nên râu rồng, bờm rồng còn giữ được nét mềm mại như vẽ. Con rồng bên phải tượng vua Đinh có con cá chép đang bú rồng, có lẽ khi tạc cảnh này, người nghệ sĩ dân gian đã nghĩ tới tích "cá hóa long" (cá chép hóa rồng) với câu ca:

Mồng bốn cá đi ăn thề

Mồng tám cá về cá vượt vũ môn

Hàng năm cứ đến ngày 8-4 âm lịch, cá chép lại vượt vũ môn để hóa ra rồng.

Ở bụng con rồng bên trái tượng vua Đinh có con cá trắm đang đớp con tôm, trông thật ngộ nghĩnh, người nghệ sĩ đã đem chất dân gian vào tận thâm cung.

Ở chính cung có đôi câu đối ca ngợi sự nghiệp thống nhất đất nước của Đinh Bộ Lĩnh:

Ngã Nam đế thống đệ nhất kỷ

Trường Yên miếu mao vạn thiên niên

(Nghĩa là:

Nước Nam thống nhất kỷ thứ nhất

Trường Yên đền miếu muôn ngàn năm)

Tương truyền xưa kia ở dưới tượng vua Đinh có tượng Đỗ Thích. Hàng năm cứ đến ngày tế vua Đinh, dân làng lại đem tượng Đỗ Thích ra đánh ba roi hay "kháo ba vồ" để răn kẻ có tội. Đồ tế phải kiêng lòng lợn và tiết canh với ý nghĩa là Đỗ Thích đã cho thuốc độc vào lòng lợn và tiết canh để giết vua Đinh. Đó là một cách giải thích dân gian (1).

Đằng sau đền vua Đinh là dãy núi Phi Vân như một đám mây bay.

Đền vua Đinh là một công trình kiến trúc, điêu khắc quý ở thế kỷ XVII. Tuy bị tu sửa nhiều lần, nhưng đền vua Đinh còn giữ được một số mảng điêu khắc thời Hậu Lê.

Ở đây con người được thể hiện tới năm lần. Ở diềm bên trái của đền có hai cô tiên đang cười rờng, các cô đang ở tư thế một tay ôm cổ rờng,

(1) Xem phần Hội Trường Yên

một tay giang ra như múa. Ở Nghi môn nội cũng có một cô tiên đang cười rờng, một cô tiên đang múa, cánh xòe ra như cánh chim, thất lưng bay theo gió. Đẹp nhất là cảnh người săn thú. Trên bức cốn bên trái Nghi môn nội, người nghệ sĩ dân gian tạc một người đàn ông khỏe mạnh, tay phải nắm đuôi con thú như con nai, tay trái nắm con dao bầu đâm mạnh vào con thú. Con thú quay đầu lại sợ hãi như cố ruồng rẫy để chạy trốn. Với hình khối khỏe, người nghệ sĩ dân gian đã thể hiện được sức mạnh của con người. Đối diện với bức chạm này, ở bức cốn phía trong có hai con thú như hai con trâu, mắt lồi ngổ nghĩnh, tai to và dài, đuôi dài, đang nô đùa. Một con, chân trước giơ lên đùa với con kia, chân kia giơ lên gãi tai như những con trâu đang nằm nghỉ trong những buổi trưa hè.

Đề tài được thể hiện nhiều nhất là rờng. Ở các bức cốn đền vua Đinh, con rờng được thể hiện chi chít, rờng mẹ, rờng con, rờng đàn, rờng ổ v.v... trong các mảng chạm lõng, chạm nổi, có con ở tư thế bình thân, có con cong đuôi, đầu ngoái lại gãi vai như đang nô đùa.

Trong các bức chạm rờng đàn, đẹp nhất vẫn là bức chạm trên mảng ván bưng chạy dài suốt

xà lòng hậu cung của đền. Do khéo kết hợp giữa chạm nổi, chạm lõng, người nghệ sĩ dân gian đã thể hiện những con rồng như đang bay trong mây. Hai con rồng ở giữa nhô đầu ra như nô giỡn, mây đao mác tua tủa, lấp lánh như những tia chớp, ở đằng sau lấp ló những chú rồng con đang nô đùa.

Các đề tài điêu khắc ở các bức cửa diềm cửa ngoài mái dường như phong phú như: "Lưỡng long châu lá đề" "Lưỡng long châu nguyệt" mà mặt nguyệt (trăng) có chữ "vạn" nhà phật, tượng trưng cho sự bình đẳng, bác ái, hoặc mặt nguyệt có chữ "ngọc" (thỏ) ở trong. Bên cạnh rồng còn có các đề tài "Phượng châu mặt nguyệt" mà chim phượng có dáng như những con sáo, "Lân châu lá đề" mà toàn thân con lân như đang nhào về phía trước, đầu ngẩng cao, hai chân trước giơ lên như đang vờn.

Điêu khắc đá ở thế kỷ XIX cũng khá lý thú. Các nghệ sĩ dân gian đã thể hiện nhiều đề tài phong phú ở ngưỡng cửa đá và tảng đá cổ bằng. Bằng nghệ thuật chạm lõng và chạm nổi tinh xảo, các nghệ nhân đã thể hiện "tứ linh": long, ly, quy, phượng "tứ quý" thông, mai, cúc, trúc hay mai, lan (sen), cúc, trúc tượng trưng cho bốn mùa

xuân, hạ, thu, đông rồi "Lưỡng long châu nguyệt", "Long hỷ thủy", "Long hàm thọ", hạc, hươu v.v... Cả những phong cảnh của quê hương như cầu Đông, cầu Dền, chùa Tháp, ghềnh Tháp v.v... cũng được miêu tả. Các nghệ sĩ dân gian thế kỷ XIX đã tô điểm cho đền thêm lộng lẫy.

V ĐỀN VUA LÊ

Đền vua Lê, về kiến trúc đại thể cũng như đền vua Đinh, nhưng có khác về chi tiết. Ngoài cùng là một sập đá, rồi đến Nghi môn ngoại. Bên trong Nghi môn ngoại, phía phải đền là Từ Vũ của làng Yên Hạ, thờ khổng Tử. Trước cửa Từ Vũ có hòn non bộ bằng đá xanh nguyên khối khá lớn có thế "phượng vũ" (phượng múa) nếu nhìn từ phía bắc, có dáng sư tử nếu nhìn từ phía tây nam, chân núi được tạo dáng "tứ linh" long, ly, quy, phượng rất đẹp. Bên trái đền là ao. Theo đường chính đạo, vào phía trong là Nghi môn nội, hai bên là hai "nhà Vọng", nơi xưa kia các cụ bàn việc tế lễ. Ở phía trước hai "nhà Vọng" cũng có hai hòn non bộ có dáng "phượng vũ" và "phượng ấp" khá đẹp. Giáp với hai nhà Vọng là hai nhà bia. Qua hai cột đồng trụ là sân rồng, giữa sân rồng cũng có sập long sàng bằng đá tượng trưng cho nơi vua ngự triều. Xung quanh

sập long sàng cũng có các hàng lỗ cột để cắm cờ, bát bửu (1), vũ khí trong các ngày hội, tượng trưng cho thứ bậc của các quan văn võ.

Đền có ba tòa: Bái đường, thiêu hương và chính cung. Tòa ngoài bái đường thờ công đồng. Cũng như đền vua Đinh, ở đền vua Lê, cửa đền được lui vào tận hàng cột cái và đền được bao tường kín xung quanh, nên lòng đền khá tối. Ánh sáng mờ ảo, tạo cho các đồ thờ và nghi tượng như có một sức mạnh huyền bí. Ở ngoài bái đường, có đôi "Xà ngà voi" giống như đôi "Xà cổ khổng" ở bên đền vua Đinh, giữa bái đường có một tấm biển sơn son thiếp vàng lộng lẫy đề bốn chữ "Trường Xuân Linh Tích" (dấu tích điện Trường Xuân). Tấm biển gian bên trái đền có ba chữ: "Xuất thánh minh" (xuất hiện bậc thánh minh). Tấm biển gian bên phải đền có ba chữ: "Dương thần vũ" (biểu dương thần vũ). Ở đây có đôi câu đối ca ngợi sự nghiệp "kháng Tống, bình Chiêm" của Lê Hoàn.

*Thần vũ thiếp tứ lân, thịnh Tống cường chiêm
thủ nhật*

*Tinh linh tồn thiên cổ, Long giang Mã trực
chi gian*

(1) Bát bửu là 8 vật dụng được chọn tiêu biểu, tượng trưng cho sự thông thái, uyên bác, trí thức, anh hùng, kẻ sĩ... như cánh chuông (mũ quan), cây bút, thanh gươm, bầu rượu, ống sáo, đàn nguyệt, cái khánh, cái quạt, quyển sách

Nghĩa là:

*Thần vũ động bốn bên, trong lúc Chiêm cường,
Tống thịnh*

*Thiên liêng còn muôn thuở trong vùng núi
Mã, sông Long*

Và đôi câu đối ca ngợi Lê Hoàn cày ruộng tịch điền:

Thụy vân cam vũ thiên hưu ngưỡng

Tạc tỉnh canh điền đế lực chi

(Mây lành mưa ngọt ơn tiên đế

Đào giếng và cày ruộng là sức của nhà vua)

Tòa giữa là thiêu hương thờ các quan, những công thần của nhà Lê. Ở đây cũng có một nhang án khá đẹp ở thế kỷ XVII

Trong cùng là chính cung thờ vua Lê, hoàng hậu Dương Vân Nga và Lê Ngọa Triều. Ở giữa chính cung có tượng Lê Hoàn, đầu đội mũ bình thiên có chữ vương (王) nghĩa là vua. Bên trái tượng Lê Hoàn là tượng Dương Vân Nga, còn gọi là Bảo quang hoàng thái hậu. Bên phải là tượng Lê Long Đĩnh (Lê Ngọa Triều), con thứ năm của Lê Hoàn và là vua thứ ba của triều tiền Lê.

Tương truyền xưa kia tượng bà Dương Vân Nga ở đền vua Đinh. Đến thời hậu Lê, một ông quan hạch là: "Xuất giá tòng phu" (lấy chồng phải theo

chồng), mới rước bà sang đền vua Lê. Khi rước bà ra ngoài sân, bà sợ toát mồ hôi. Để tượng bà ở đền vua Lê rồi, nhưng người ta vẫn để bà quay mặt về phía đền vua Đinh với ý nghĩa là bà vẫn có tình nghĩa với nhà Đinh. Cũng với ý nghĩa đó, trong dân gian có truyền thuyết, khi mới sinh ra, Dương Vân Nga "khóc dạ đề" ba tháng, dỗ mãi không khỏi, một ông đạo sĩ đã ru:

Nín, nín đi thôi

Một vai gánh vác cả đôi sơn hà

là nín ngay.

Như vậy nhân dân ta đã đánh giá Dương Vân Nga gánh vác giang sơn của hai triều đại, là hoàng hậu của cả vua Đinh và vua Lê.

Nhân dân ta cũng đánh giá cao Dương Vân Nga bằng cách tạc riêng tượng bà trong số năm bà hoàng hậu của vua Đinh, cũng như năm bà hoàng hậu của vua Lê. Đây là một pho tượng nữ đẹp với khuôn mặt bầu, nước da hồng, đôi mắt bồ câu. Tuy khuôn mặt có tính ước lệ của những khuôn mặt phật, nhưng vẫn có nét sinh động của một người phụ nữ thanh tú.

Đền vua Lê tuy không khang trang bằng đền vua Đinh, vì ít được tu sửa hơn, nhưng cũng vì thế mà đền vua Lê còn giữ được nhiều mảng điêu khắc thời hậu Lê hơn đền vua Đinh. Các mảng

chồng giường ở ngoài bãi đường là nơi hội tụ với sự theo dõi nghệ thuật chạm khắc gỗ khá rậm rạp. Để cho đèn thêm lung lẫy, người nghệ sĩ dân gian đã thể hiện sáu chiếc bầy thành sáu con rồng. Do khéo bố trí đầu rồng quay lên sát với xà ngang tạo thành các đề tài "long hổ hội ngộ" (rồng hổ gặp nhau), rồng phun lửa, rồng đỡ ngọc mà viên ngọc được trang trí thành một bông cúc mãn khai v.v... Bốn đầu dư cũng được chạm thành bốn đầu rồng, râu tóc tua tủa ở phía sau làm cho bốn con rồng như muốn vươn khỏi đám mây nét mào. Nghệ thuật chạm lộng ở đây đã đạt tới trình độ cao.

Con người được thể hiện ở đèn vua Lê bốn lần. Ở sàn ván bưng trên xà giữa của Nghi môn nội, người nghệ sỹ dân gian chạm cảnh hai cô tiên đang cưỡi rồng. Hai cô tiên lóc bụi ngược, hoa tai trễ xuống, một tay ôm cổ rồng, một tay giang ra như múa.

Trong hai lỗ thông phong hình vuông, mỗi chiều chỉ 25 cm ở trước cửa gian phía phải đèn, có hình chạm thủng cảnh "tiên cưỡi rồng", "tiên đứng bên rồng". Con rồng mồm há to như đang phun lửa, râu tóc đao mào bay ngược lên. Cô tiên búi tóc mào yếm, dáng khỏe mạnh đang cưỡi rồng, tay nắm bờm rồng, mặt quay ra phía ngoài, môi hơi mím lại như đang thúc rồng lao về phía trước.

Hổ được thể hiện chín lần: Có con đang ngồi chầu như những con lân linh thiêng, ngồi kiểm soát linh hồn khách hành hương. Hai con khác ngồi chầu đầu vào nhau, có con lại như đang bước đi trong rừng, có con đang vờn với rồng...

Ao sen được thể hiện ba lần trên các trục đầu trong ba cảnh khác nhau. Một ao sen bình thường, không có cá. Một ao sen có con cá rô đang nhảy lên khỏi mặt nước đỡ lá sen, cây sen đang xoè cánh, nụ còn chúm chím. Đẹp nhất là một ao sen, mà trong đó bông sen đã nở rộ trông rõ cả từng gân lá, cạnh đó là hai bông sen chớm nở, dưới nước có hai con cá rô, một con đang bơi lững lờ, một con nhô đầu ra ngoài như đang bơi tới.

Cũng là đề tài "Cá hóa long" thường thấy thôi, nhưng ở đây cá chép đã được địa phương hóa, biến dạng thành cá rô. Đầu cá đã biến thành đầu rồng, mà thân vẫn còn là thân cá, vây lấp lánh, đuôi vát lên. Có lẽ người nghệ sỹ dân gian cố chạm thân cá rô bình cá rô để nhấn mạnh "đặc sản" địa phương ở đây. Xưa kia vùng đất Trường Yên là đồng chiêm trũng, lại là vùng núi đá vôi có nhiều hang động, nên có rất nhiều cá, nhất là cá rô to và béo, đầu đen bóng. Ca dao xưa đã ca ngợi:

Đi thì nhớ cậu cùng cô

Khi về lại nhớ cá rô tống Trường

"Cá rô tống Trường" đã là niềm gợi cảm để người nghệ sỹ dân gian thể hiện đề tài "cá hóa rồng".

Trúc được thể hiện hai lần với đề tài "trúc hóa long". Cây trúc xương gà được nhấn mạnh các đốt phòng to khá đẹp.

Các mảng chạm này đã tô điểm cho đèn thêm đẹp, nhưng nó còn có ý nghĩa hơn khi gắn liền với truyền thuyết ca ngợi Lê Hoàn. Truyền thuyết đó đã được ghi lại trên bức hoành phi ở trước cửa đền.

"Nhất mộng liên hoa sinh

Vạn cổ lưu hương Tràng Xuân điện

Bán dạ Hoang Long ứng

Ức niên di ảnh Đại Vân lâu"

(Nghĩa là:

Nhân mơ thấy hoa sen mà sinh ra (Lê Hoàn)

*Từ vạn cổ tiếng thơm còn lưu mãi trên điện
Tràng Xuân*

Nửa đêm rồng vàng xuất hiện

*Ngàn năm hình ảnh cũ còn lưu lại trên lầu
Đại Vân)*

Truyền thuyết kể rằng bà mẹ mơ thấy hoa sen mà sinh ra Lê Hoàn, trong lúc đi cấy ở cạnh ao sen. Bà đã ủ Lê Hoàn trong khóm trúc hóa rồng kia, và được con hổ chúa rừng xanh ấy ấp ủ. Sau lời cầu xin của bà mẹ, hổ lửng thưng bỏ đi. Khi còn bé, Lê Hoàn đứng bên rồng, và khi lớn lên thì cưỡi rồng với tư thế hùng dũng của khí thế "Kháng Tống, bình Chiêm". Như vậy cả điêu khắc gỗ dân gian lẫn truyền thuyết cũng thống nhất đề tài ca ngợi Lê Hoàn. Đây là một điểm sáng trong kiến trúc và điêu khắc gỗ dân gian Việt Nam.

VI NÚI MÃ YÊN

Núi Mã Yên ở phía trước đền vua Đinh. Núi có hình như chiếc yên ngựa khổng lồ nên người xưa đã đặt tên chữ cho núi là Mã Yên Sơn.

Sau khi thăm đền vua Đinh, đền vua Lê, du khách có thể leo lên 265 bậc đá thăm lăng vua Đinh ở trên núi Mã Yên. Tương truyền vua Đinh đã lấy núi Mã Yên làm tiền án cho cung điện của kinh đô Hoa Lư. Thực tế núi cũng là tiền án cho đền vua Đinh. Sách Đại Việt Sử ký toàn thư là quyển sử được viết vào thế kỷ XV cho biết sau khi Đinh Tiên Hoàng mất, triều đình đã an táng ông ở sơn lăng Trường Yên. Truyền thuyết kể rằng người ta đã làm 99 chiếc quan tài đưa vào trong núi. Nhưng chỉ có trên núi Mã Yên là có lăng vua Đinh. Phải chăng đây là một nơi "Quàn" một trong 99 quan tài đó. Như vậy thì lăng vua Đinh được xây dựng muộn nhất cũng vào thế kỷ XV. Nhưng rõ ràng người xưa đã xây

lăng vua Đinh ở đây để đề cao tinh thần thượng võ của ông. Tuy đã về nơi chín suối, nhưng Đinh Tiên Hoàng lúc nào cũng ở trên lưng ngựa! Và ai muốn đến với ông cũng phải có tinh thần thượng võ.

Lăng vua Đinh được đặt trên một mảnh đất khá bằng phẳng trên núi Mã Yên, cạnh lăng có một tấm bia đá. Mặt trước bia có hàng chữ: "Đinh Tiên Hoàng đế chi lăng, Minh mệnh nhị thập nhất niên, ngũ nguyệt sơ nhị nhật, phụng sắc kiến" (Nghĩa là: Lăng của vua Đinh Tiên Hoàng triều Đinh, ngày mồng hai tháng năm năm Minh Mệnh thứ 21 (1840) phụng chỉ xây dựng). Mặt sau có hàng chữ "Hàm Nghi nguyên niên, cửu nguyệt, nhị thập tứ nhật trùng tu Tiên đế lăng" (Nghĩa là: Năm đầu tiên Hàm Nghi (1885) ngày 24/9 trùng tu lăng tiên đế).

Ở phía Nam, núi Mã Yên có hình như chiếc ngai, nên núi có tên chữ là Hoàn Ý sơn. Ở giữa chiếc ngai đá khổng lồ đó là lăng vua Lê. Người ta quan niệm rằng tuy vua Lê đã khuất núi, nhưng lúc nào ông cũng ở trên ngai vàng.

Sách Đại Việt sử ký toàn thư cho biết sau khi vua Lê Đại Hành mất, triều đình an táng ông ở sơn lăng Trường Yên. Cũng như lăng vua Đinh,

chỉ có núi Mã Yên là có lăng vua Lê. Vậy lăng vua Lê cũng được xây dựng muộn nhất là vào thế kỷ XV.

Trên một mỏm đá sát chân núi, có một tấm bia đá ghi dòng chữ: "Lê Đại Hành hoàng đế lăng, Minh Mệnh nhị thập nhất niên, ngũ nguyệt sơ nhị nhật sắc kiến" (Nghĩa là: Lăng hoàng đế Lê Đại Hành, ngày 2/5 năm Minh Mệnh thứ 21 (1840) sắc chỉ xây dựng).

Theo quan niệm của người xưa, lăng vua Đinh và lăng vua Lê đều ở vào nơi được gọi là "Huyệt đế vương". Có thể đây chính là nơi an táng vua Đinh và vua Lê.

VII ĐỘNG AM TIÊN

Bên kia núi Mã Yên qua sông hang Luồn là động Am Tiên. Do đó, du khách có thể đi thuyền từ cầu Hội xuôi xuống phía Nam khoảng 400m rồi lên bộ rẽ trái là vào động. Đường núi quanh co, nhưng lý thú. Phía ngoài động có một quèn nhỏ, trên quèn có phủ thờ sơn thần.

Đứng ở đỉnh quèn, du khách sẽ thấy một thung lũng rộng khoảng 10 mẫu, xung quanh có núi đá bao quanh như một tường thành thiên nhiên vô cùng hiểm trở. Trên vách đá cheo leo, từng cụm trúc đuôi công đứng đưa theo chiều gió như những đàn công đang nhảy múa. Chẳng thế mà người xưa đã cho đây là núi thiêng và gọi là Tiên Am. Nhưng nhân dân địa phương vẫn gọi là Am Tiên.

Con đường mòn giữa thung lũng núi đá vôi giúp du khách tới động Am Tiên. Muốn lên động, du khách phải leo lên 205 bậc đá và cảm thấy

một vùng núi đá tinh lặng, thiêng liêng như thấy mình như đang lên nơi tiên cảnh.

Động Am Tiên ở lưng chừng núi, có hình giống như miệng một con rồng khổng lồ, cho nên còn có tên gọi là núi Hang Rồng. Vòm động như vòm miệng rồng. Trong đó "nước giếng trời" theo nhũ đá rỏ tí tách. Người ta đã khéo xây những bể đựng, lấy nước tinh khiết này để lễ Phật. Nhiều nhũ đá có hình cây tiên, cây thóc, trái phật thủ, nụ sen hay bầu sữa mẹ tùy theo trí tưởng tượng.

Sau bệ thờ, động thót lại, chỉ bằng miệng thúng, sâu xuống đất người ta gọi là Họng Rồng.

Hang Rồng, Am Tiên thật là đẹp. Nhưng truyền thuyết kể rằng nơi đây là nơi vua Đinh nhất hổ báo để trừng trị kẻ có tội. Đến thời Lý, nhà sư Nguyễn Minh Không quê ở Đàm Xá (Gia Viễn) đã biến "động quý" thành nơi thờ Phật. Tấm bia đá tạc vào năm Trinh Phù (1) thứ tư (1179) thời Lý Cao Tông ở bên vách đá bên phải động cho biết trước kia đây là nhà ngục, nhà sư Đại Quang đã xây dựng chùa. Như vậy nhà sư Đại Quang có thể là Nguyễn Minh Không.

(1) Niên hiệu Trinh Phù không có chữ "bào ứng", có lẽ người soạn văn bia đã nhầm. Văn bia ghi là: Trinh Phù bào ứng

Sử cũ cho biết vua Đinh đặt vạc dầu, nuôi hổ báo để trừng trị kẻ có tội. Vạc dầu thời Đinh không biết như thế nào, nhưng nơi nuôi hổ báo đích thực là động Am Tiên.

Trong động còn có tấm bia Đồng Khánh nhị niên (1887) và Bảo đại thất niên (1932) nói về việc tu sửa chùa. Như vậy chùa Am Tiên đã được khởi dựng cách ta gần 900 năm và được duy trì cho đến ngày nay. Quốc sư Nguyễn Minh Không muốn đưa những "linh hồn tội lỗi" lên cõi Phật. Các thế hệ sau cứ duy trì mãi với ngôi chùa cổ.

VIII XUYÊN THỦY ĐỘNG VÀ LIÊN HOA ĐỘNG

Cố đô Hoa Lư là một vùng thắng cảnh nổi tiếng, ở đây có nhiều núi đá có hình thù kỳ thú như: núi Con Cá, Con Tôm, núi Rùa, núi Hổ, núi Cột Cờ, Phi Vân, Mã Yên, Ngọn Đèn v.v... có nhiều hang động đẹp như hang Quàn, hang Muối, hang Tối, động Am Tiên, hang Luồn hay Xuyên Thủy Động...

Xuyên Thủy Động là một động dài khoảng 140m rộng 30 mét, sông chảy qua núi. Mùa hè đi thuyền vào Xuyên Thủy động du khách sẽ có cảm tưởng như mùa hè đã bước sang thu. Trên vách đá còn có bài thơ của Trịnh Sâm mô tả phong cảnh ở đây:

*Tây tuần toàn ích quá Tràng An
Tiện đạo Hoa Lư ngụ nhất quan
Thất luyện oanh hời xuyên thủy động
Trùng kim ngật nghiệp trữ sơn quan*

*Cố đô dỹ hỹ kinh di hoán
Thiên phủ y nhiên tự bão hoàn
Xúc mục cổ nhân hưng phế sự
Dân nham lẫm lẫm úy duy gian
Nhật Nam nguyên chủ đề
Thần Cao Đàm phụng tả*

Dịch thơ là:

*Quay thuyền về đến bến Tràng An
Nhác thấy Hoa Lư cũng thuận miền
Như tấm lụa trắng hang dội nước
Có từng núi mọc cửa tròng then
Cố đô đã mấy lần thay đổi
Thiên phủ còn nguyên dấu vũng bèn
Hưng phế người xưa coi đã rõ
Lòng dân đáng sợ chớ nên quên
Nhật nam nguyên chủ đề
Bề tôi là Cao Đàm vâng mệnh viết chữ*

(Thơ dịch của Đinh Gia Thuyết) (1)

Qua Xuyên Thủy động, du khách sẽ thấy một quả núi có hình ông trạng đội mũ cánh chuồn đang ngồi trầm ngâm suy nghĩ bên dòng sông

(1) Có chỉnh lý. Xem Đặng Công Nga: Những tư liệu mới về bài văn bia vách đá hang Luồn - Tạp chí Hoa Lư. Hội văn học nghệ thuật Ninh Bình số 8 tháng 1/1997

xanh gọi là núi ông Trọng. Bên kia sông có một quả núi khác, do vận động tạo sơn hàng triệu năm về trước, các lớp đá xếp tầng tầng, lớp lớp như hòm sách gọi là núi Hòm Sách với truyền thuyết rất hay. Truyền thuyết kể rằng: Một hôm giặc Ngô (giặc Minh) đến đây thấy núi ông Trọng và núi Hòm Sách thì tức lắm. Chúng liền hò nhau buộc chèo vào cố ông Trọng mà kéo. Nhưng kỳ lạ thay ông Trọng không đổ mà chèo bị đứt văng sang một bên, làm sạt cả một vạt núi, gọi là vụng Chảo. Giặc Ngô cũng ngã, làm sạt một vạt núi khác, gọi là vụng Ngô ngã.

Xuôi xuống phía Nam, du khách sẽ tới động Liên Hoa. Động Liên Hoa thực ra chỉ là một hõm của núi đá. Trên đó có phủ thờ hai vị "Tả thanh trù thái giám" và "Hữu thanh trù thái giám" triều Đinh. Phía trước có một phiến đá cao khoảng 30m rộng 5m như một tấm bia đá khổng lồ. Phía ngoài có một phiến đá khác dài khoảng 30m rộng 4m gọi là Thạch Bàn. Năm 1874, sau khi chống Pháp ở ngã ba Độc Bộ vào năm Quý Dậu (1873) không thành, cụ Hoàng giáp Tam đẳng Phạm Văn Nghị đã về Thạch Bàn làm diều dài trên đó để ngồi câu cá, trồng sen và đặt tên cho động là Liên Hoa (Động Hoa Sen). Trên tấm bia đá khổng lồ, cụ cho khắc ba chữ lớn ở giữa: Liên Hoa Động, hai bên có hai dòng chữ: "Tam Đẳng học sĩ Nghĩa

Trai dề" (Ông học sĩ hiệu Nghĩa Trai làng Tam Đẳng dề) và "Tự Đức giáp tuất quý hạ khắc" (Khắc cuối mùa hạ năm Giáp Tuất (1874) triều Tự Đức)

Nhớ đến tấm lòng của thầy, khí tiết của thầy. Một học trò đã mừng cụ Phạm Văn Nghị đôi câu đối:

Dan tâm bạch phát thâm, tức tử chiếu, tức đầu giang, tức cốc kính trăm kha diệt thọ.

Vạn tuế hàn tùng cổ, vi danh nho, vi lương tướng, vi Liên Hoa động chủ nhất nhân.

(Nghĩa là: Lòng son dầu bạc biết chừng nào, khi tử chiến, khi gieo mình xuống sông, nay lại giường bệnh ở nơi vườn cúc, kẻ cũng thọ thật.

Tuổi thọ như tùng già cổ thật, nào là bậc nho có tiếng, ông tướng có tài, rồi lại làm động chủ động Liên Hoa, độc có một mình).

Xung quanh có núi con Cóc, con Bò, hang Lổ, hang Lôi, hang Sáng, hang Tối... làm say đắm lòng người. Vì vậy du khách đã mệnh danh cho vùng này là vịnh Hạ Long cạn.

IX HỘI TRƯỜNG YÊN

Hàng năm cứ đến ngày mùng 10/3 (ÂL) (1) tương truyền là ngày vua Đinh lên ngôi Hoàng đế, nhân dân Trường Yên lại mở hội tưởng nhớ Đinh Tiên Hoàng. Nhân dân Trường Yên phấn nhủ với nhân dân cả nước:

Ai là con cháu rồng tiên

Tháng ba mở hội Trường Yên thì về.

Mở đầu ngày hội, ông tiên chỉ thắp nén hương tưởng nhớ vua Đinh, rồi tiến hành lễ rước từ bến sông Hoàng Long về tế ở đền vua Đinh. Sau đó bày làng: Yên Thượng, Yên Trung, Yên Hạ, Yên Thành, Yên Trạch, Chi Phong và Lạc Hối tế tiệc, tế nghi, tế cử khúc. Tế cử khúc thực chất là chín khúc ca trù, ca ngợi nền thái bình, thịnh trị thời Đinh, ca ngợi vua Đinh xưng "đế" đặt tên nước riêng là "Đại Cồ Việt", đặt niên hiệu riêng là "Thái bình" đưa tầm vóc của đất nước

(1) Hiện nay UBND xã Trường Yên lấy ngày 8/3 (ÂL) là ngày "ky" vua Lê làm ngày mở đầu hội và 10/3 (ÂL) là ngày kết thúc

lên ngang tầm các "đế" ở phương Bắc để cho Lê - Lý - Trần - Lê về sau nối tiếp. Đó là

Nền sinh thánh như in bên Triệu Tống

Bên Thái Bình, bên Khai Bảo kỷ nguyên

Từ đây chính thống Nam thiên

Nền triệu tự mấy ngàn năm linh tích.

Trong ngày hội, còn có nhiều trò chơi và diễn xướng dân gian như: Cờ lau tập trận, kéo chữ thái bình, dẹp loạn 12 xứ quân, thống nhất đất nước...

Đội quân cờ lau có khoảng 60 em học sinh, được chia thành 2 toán, tượng trưng cho quân thung Lau và quân thung Lá, mặc quần đùi xanh có xọc đỏ, áo trắng cộc tay. Cả hai toán các em đều giắt hai bông lau bắt chéo nhau ở sau lưng, tay cầm gậy. Mỗi toán có một tướng. Tướng cầm gươm, đội mũ quan võ bằng lá mít hay lá dứa. Một em bé khôi ngô, tuấn tú được chọn làm vua Đinh. Vua Đinh mặc quần đùi đen có xọc đỏ, đội mũ bình thiên bằng rơm, tay cầm bông lau. Đội quân cờ lau có trống cái, chiêng, thanh la. Hai bên hát múa đối đáp thể hiện ý chí của Đinh Bộ Lĩnh và ba quân tập trận cờ lau để làm rạng rỡ "con Lạc, cháu Hồng".

Một hồi trống vang lên, đội quân cờ lau đứng thành hai hàng, tướng đứng đầu, vua đứng trên.

Vua Đinh nói:

Ta nay ngự tại trường đài khán chiến
Xem ba quân thao diễn cờ lau
Thiệt đáng tài hổ lược, long thao
Rồi sẽ biết trẻ trâu mà hào kiệt
Y nhất lệnh chinh tề mao việt
Khao thưởng rồi, an yết hồi dinh
Chờ khi có lệnh tông chinh
Khi ấy sẽ hưng binh bình sứ

Vua Đinh một tay chống nạnh, một tay cầm bông lau, đi đi, lại lại, phất phất. Vua Đinh cưỡi trâu (hay đứng ở gò cao) nói tiếp:

Quyền trọng trấn Đào Uy (1)
Mổ thừa thiên phụng mạng
Lòng khấn khấn vững nền xã tắc
Chí lăm lăm giường cột giang san
Hỡi mộc thụ
Ta nay cùng một nòi Hồng Lạc
Bữa mai ngày gánh vác non sông

(1) Đào Uy hay Đào Úc là nơi Đinh Bộ Lĩnh làm trại trường nay là làng Uy Viễn Uy Tế xã Gia Hưng và xã Liên Sơn huyện Gia Viễn

Sợ giặc Tàu chiếm cứ thị hùng
Lòng hiểm độc, dã man, tàn ngược
Chúng ta đâu anh hùng chưa gặp bước
Nhưng lục thao, tam lược phải an toàn
Truyền 10 dinh, 10 đạo tướng quân
Cùng hết sức cờ lau tập trận

(Tất cả múa khiên, múa xiên, đánh quyền)

Vua Đinh nói tiếp:

Nếu võ nghệ cao cường, phấn chấn
Lên trường đài lĩnh ấn nguyên nhung
Phải hết lòng phạt bắc chinh đông
Rồi ta sẽ hậu công hành thưởng.

(Trống: Tùng, cắc) Chư tướng nói:

Dạ, dạ, cúi đầu tâu hổ tướng
Ngửa mặt rộng long nhan
Lũ ta là mười đạo võ quan

Xin phụng mạng ra giáo trường thao diễn

(Thúc chiêng trống)

- Bớ ba quân

- Dạ

Truyền ba quân kiểm điểm

Mỗi quân nhân một ngọn cờ lau

Sắp hàng theo lọng nón, gươm dẫu
Cùng hết sức cờ lau tập trận

Quân thung Lá hát:

- Ta nay đi ở chẵn trâu

Ngày nào cũng dắt qua cầu đi chẵn

Lạy trời cho ruộng lắm năn

Cho đồng tốt cỏ, trâu ăn cả ngày

Quân thung Lau bịt mũi cho là không hay,
rồi hai toán quân thung Lau, thung Lá đánh nhau.
Một số quân thung Lá bị bắt. Quân thung Lau
hát:

- Cỏ non ấy, nước non này

Nước non quanh quất, cỏ cây xanh rì

Rừng hoang cỏ rậm để chi

Phen này ta quyết dọn đi cho rồi

Này, này các bạn ta ơi!

Vua Đinh hát:

- Kiệu tay lọng nón, cờ lau

Phong lưu trong đám chẵn trâu cũng vừa

Mai ngày ta được làm vua

Tàn vàng, tán tía cũng thừa phong lưu

Chư tướng hát:

Quả điếm tốt, quả điếm tốt

Thiệt hát hay, thiệt hát hay

Nếu mai ngày chun bề rồng mây

Lũ ta được công hầu khanh tướng

(Lại thục chiêng trống)

- Muôn tàu chánh soái

Ban tử ba quân

Xin dâng bài khánh chúc long vân

Thần hạ xá hội phân giải giáp

Chư tướng hát tạ:

- Trần ai ai biết ai dẫu

Hoa Lư có đám trê trâu anh hùng

Cờ lau tập trận vẫy vùng

Làm cho mồm Lạc, chồi Hồng vẻ vang

Chúc mừng vạn thọ vô cương

Hồi ban:

- Nay mừng gặp hội long vân

Chúc mừng Cờ Việt, nhân dân
thái bình

Cờ lau tập trận hoàn thành

Khẩu đầu lạy tạ thánh minh cứu
trùng

Trận bày lọng nón, gươm dẫu

Cờ lau phấp phới, đàn trâu tung hoành

Ba thung 10 đạo, 10 dinh

Tài ba lẫm liệt, loi đình oanh oanh

Muôn đời chánh soái oai linh

Đến ngày gặp hội thái bình mở mang

Cùng với cờ lau tập trận, có kéo chữ "Thái bình", thể hiện mong muốn thái bình muôn thuở của nhân dân.

Đội quân kéo chữ có khoảng 120 em học sinh 12, 13 tuổi chia thành hai hàng. Các em mặc quần đùi đen có sọc đỏ, áo tứ thân màu xanh lá cây, tay cầm cờ.

Dẫn đầu đội kéo chữ là anh tổng cờ. Theo nhịp trống đục ba tiếng một: "Tùng, tùng, tùng" của ông "chỉ trống", đội quân kéo chữ chạy rầm rập từ trái sang phải. Hàng thứ nhất kéo chữ "Thái", hàng thứ hai kéo chữ "Bình". Đầu tiên, hàng thứ nhất chạy nét ngang của chữ "Thái", sau đó vòng lên phía trước và kéo xuống thành nét "thanh", rồi lại vòng lên phía tay trái và kéo xuống tạo thành nét "mác", cuối cùng chạy vòng lên phía tay phải và kéo xuống tạo thành nét "chấm". Thế là thành chữ "Thái". Em đi đầu tiên lại là em

đi cuối cùng và ngược lại, em đi cuối cùng lại đứng đầu tiên.

Trong khi hàng một kéo chữ "Thái" thì hàng hai kéo chữ "Bình" cũng theo nguyên tắc chạy từ trái sang phải. Đầu tiên các em chạy thành nét "ngang" trên của chữ "Bình". Sau đó vòng lên trên và kéo xuống tạo thành nét "ngang" dưới rồi lại chạy lên trên và kéo xuống tạo thành nét "sổ", cuối cùng chạy vòng lên và kéo xuống tạo thành nét phẩy bên phải, lại chạy ngược lên và kéo xuống tạo thành nét phẩy bên trái. Theo nhịp trống cả đội ngồi xuống, hạ cờ làm nổi rõ hai chữ "Thái Bình" trước sự khâm phục của mọi người. Trong khi đó tiếng hát của các em vang lên.

Thái bình đã kéo xong hai chữ

Chúc toàn dân hai chữ bình an

Hội Trường Yên các các hội ban

Mừng già trẻ Trường An hội lạc

Có năm còn diễn tích: Dẹp loạn 12 xứ quân ở đồng hang Trâu âm vang cả núi rừng.

Ở phủ vật, nơi thờ "ông tuyển quân", tổ chức thi vật, để tưởng nhớ vua Đinh "kén quân bộ". Ở sông hang Luồn tổ chức thi bơi chải để tưởng nhớ vua Đinh "kén quân thủy". Cuộc thi có năm

thuyền của năm thôn: Yên Thượng, Yên Trung, Yên Hạ, Yên Thành, Yên Trạch. Mỗi thuyền có 8 tay chèo và một lái. Thuyền nào về đích trước sẽ giành cờ "Thái Bình" tung bay trên sông nước.

Có năm hội Trường Yên còn tổ chức thổi cơm thi. Người thi là những cô gái làng, được phát gạo nước nôi niêu và cây lau tươi làm củi. Các cô gái làng trở tài khéo tay của mình. Các cô tiện lau ra ăn như ăn mía, rồi lấy bã thổi cơm. Cô nào thổi nhanh cơm chín, thơm ngon thì được giải.

Suốt mấy ngày, ban đêm ở đền vua Đinh thì ca cửu phúc, ở đền vua Lê thì ca Cửu chương, ca ngợi nền thái bình thời Đinh, cầu mong khỏe mạnh, mùa màng tốt tươi.

Khách đến hội Trường Yên còn được thưởng thức món ăn đặc sản miền núi là tái dê và "cá rô tổng Trường"

Người Trường Yên từ xưa đã nổi tiếng là thanh lịch:

Chẳng thơm cũng thể hoa nhài

Dẫu không thanh lịch cũng người Tràng An(1)

Mùa xuân trảy hội Trường Yên làm cho con người thanh lịch như người Tràng An xưa.

(1) *Tràng An*: Chỉ những nơi đóng đô xưa ví như kinh đô Tràng An của nhà Hán

Qua tiến trình của hội Trường Yên, chúng ta biết hội Trường Yên là hội mùa xuân đã được lịch sử hóa. Tục lệ rước nước từ sông Hoàng Long về, và diễn xướng dân gian "rồng vàng chở Đinh Bộ Lĩnh qua sông" phải chăng bắt nguồn từ nghi lễ cầu nước của cư dân nông nghiệp, và lễ đua thuyền, phải chăng là để cảm tạ nước đã về đầy đủ cho mùa màng tốt tươi, đảm bảo no đủ cho con người, một tục lệ phổ biến ở vùng Đông Nam Á (1)

Nhân dân Trường Yên giải thích rằng ngày 10 tháng 3 (ÂL) là ngày vua Đinh lên ngôi hoàng đế, ngày 15 tháng 8 (ÂL) là ngày giỗ vua Đinh, nhưng không đúng với lịch sử. Sử cũ cho biết vua Đinh mất vào mùa đông tháng 10 (ÂL). Tục lệ của người Việt cổ là kỷ niệm ngày mất, ít khi kỷ niệm ngày sinh hoặc ngày lên chức, lên ngôi. Nhân dân làng Đại Hữu, quê hương vua Đinh lại cho rằng ngày 10 tháng 3 (ÂL) là ngày sinh của vua Đinh. Tục lệ kiêng lòng lợn và tiết canh là một tục lệ cổ, tục kiêng máu.

Lễ hội tháng 3 và tháng 8 ở đền vua Đinh phải chăng là một biểu hiện của triết lý âm dương, số lẻ (3) - tháng lẻ, tháng 3 mang tính dương (+) mạnh. Đây là thời kỳ khô hanh, cây

(1) Xem Cao Xuân Phổ: *Cái thiêng trong sân khấu cổ truyền ở Đông Nam Á* Tạp chí văn hóa nghệ thuật số 151-1997 tr69-71

cối đang chờ mưa, cần mưa để đám chồi nảy lộc. Tháng 8, tháng chẵn, mang tính Âm (-) mạnh. Đây là thời kỳ mưa nhiều, cây cối bị úng lụt, do đó cần nắng, nước rút cho cây cối sống được (1). Có lễ hội tháng 3 và tháng 8 ở đền vua Đinh cũng là nghi lễ cầu mưa và nghi lễ cầu tạnh của cư dân nông nghiệp.

Rõ ràng lễ hội mùa xuân và mùa thu ở Trường Yên đã được lịch sử hóa, đồng hóa với lễ hội tưởng niệm vua Đinh. Cũng vì thế một số trò chơi và diễn xướng dân gian như: Cờ lau tập trận, kéo chữ "Thái Bình", dẹp loạn 12 xứ quân, làm cho lễ hội mùa xuân ở Trường Yên mang thêm ý nghĩa lễ hội lịch sử.

(1) Nguyễn Minh San: *Quanh hình tượng tâm linh Cha Mẹ dân tộc*.
Tạp chí văn hóa nghệ thuật số 8/1996 tr21-25

X CA CỬU KHÚC

Ban ngày tế vua Đinh còn ban đêm bảy làng: Yên Thượng, Yên Trung, Yên Hạ, Yên Trạch, Chi Phong, Lạc Hối của xã Trường Yên lần lượt thay nhau bảy đêm ca cửu khúc ở đền vua Đinh.

Ca cửu khúc là 9 khúc ca, ca ngợi vua Đinh. Cách ca như đọc văn tế, cho nên còn gọi là tế cửu khúc, nhưng kéo dài giọng hơn có điểm "mèng" khi dứt câu. Khi ông thông xướng hò "Tấu khúc" ban nhạc rung chiêng trống tế, rồi có ba tiếng trống báo hiệu im tiếng nhạc để ca:

Mở đầu:

Liễu liễu (1)

Phong liễu liễu hương yên phiêu riêu (2)

Trên bệ rồng năm thức nhiều tường vôi (3)

Muôn nghìn năm đệ nhất thánh nhân

Như tại thượng tần văn hương khói tỏa

(1) Gió huu huu

(2) Gió hây hây khói nhang nghi ngút

(3) Mây lành

Nơi Hoa Lư cờ lau trổ núi đá
Ngự Rồng (4) ra mở trị thái bình
Trường An vạn cổ thần dinh (5)
Lửa tự sự dương dương hồ như tại (6)
Lò nhiệt kim nghề vãn ái dãi (7)
Tuần thượng hương tấu Nguyên Hòa chi phúc
Tưng bưng điều mộ cung ca

Thượng Nguyên tấu Nguyên Hòa chi khúc
Đức vua ta đầu mở trị cõi Nam thiên (1)
Thánh trời sinh điển tắc chương nhiên (2)
Câu thơ gọi hoàng vương phương quốc (3)
Dương Dương thánh mô (4)
Tứ phương thị thức
Hội thanh bình hách trạc quyết thanh linh
Nghìn thu rờ rở miếu đình
Thầy gió thổi hơi hương sức nước
Thần như tại kỳ lân hữu dực (5)

(4) Vua

(5) Muôn thuở là kinh đô

(6) Lò nhiệt kèm nhang khói mịt mù

(7) Con nghề trên lư hương cứ nhà khói

Khâm tư ban hội điển vạn thiên niên (6)
Chữ rằng trác giáng tại thiên (7)
Thần du đối thử hoan vô cực (8)
Bóng vàng như gang tác buổi Trảng An
Đan Đình xiêm lễ nhạc y quan
Thần như tại ô hồ bất hiển (9)
Ván di nha vĩ khai cung phiến (10)
Nhật nhiều long lân thức thánh nhân (11)
Tiếng ca réo rắt cung Nam
Nghe văng vẳng cầm thi trên chín bệ (12)
Ấy mới biết như xuân là Đế thế
Khúc Thái Hòa âm ý cá phương dân
Tam hô tiếng dậy Tung sơn (13)

(1) Trời Nam

(2) Điển hình phép tắc rõ ràng

(3) Là vua một phương

(4) Phơi phới quy mô Thánh Đức

(5) Thần như con kỳ lân có cánh

(6) Kinh ban ra phép tắc muôn ngàn năm

(7) Lên xuống tại trời

(8) Vua chơi chốn này mừng vô cùng

(9) Ôi vầy há chẳng thông suốt

(10) Mây dờn đuôi qua như đuôi quạt trong cung

(11) Mặt trời chiếu xuống như thấy mặt thánh nhân

(12) Thơ đàn trên chín bệ

(13) Vững vàng như núi Tung Sơn ở Trung Quốc

II

- Nghinh thần tấu Thái Hòa chi khúc
 Đức trời sinh cố Đế đại tai quân (1)
 Nãi (2) thánh, nãi thần, nãi vũ, nãi văn
 Vua đem cả trời Nam về một mối
 Hoàng đế với dân công với vợ
 Trên thanh cao thường giáng trắc nhân
 huân(3)
 Duy thời triệu tự bật bật, phân phân (4)
 Khâm thịnh điển miếu đình là ngũ bái (5)
 Xe pháp giá trường vân ái dãi (6)
 Thần cách tư tử dĩ bảo ngã dân (7)
 Lịch triều thịnh điển thường tân (8)
 Bạch ngọc nhất bôi tửu (9)
 Trước sân rồng gạch thủ dẫn hai hàng (10)
 Bệ rồng dâng chén Quỳnh tương (11)
 Thiên dạ tửu thoảng (12) mùi hương phụng
 phúc
 Thần hữu hưởng tứ chi bách phúc (13)
 Khúc Thọ Hòa túc khúc nhạc vầy vui
 Bờ đào mỹ tửu dạ quang bôi (14)
 Dâng một chén chúc Hoàng vương vạn tuế

(1) Vua xưa lớn vậy thay

III

- Sơ hiến tấu Thọ Hòa chi khúc (15)
 Đủ trai thành biên dậu cỏ xên xang (16)
 Quỳnh tương mượn chén tay tiên
 Vàng nhật sáng soi miền Đế Lý (17)
 Một ngàn năm còn phảng phát dấu thanh linh
 Điện hiến sơ cử thức hưởng dĩ ninh (18)
 Rạng hoa thảo, cũng thái bình nghi vệ (19)
-
- (2) Là thánh
 (3) Khói hương nghi ngút
 (4) Thờ cúng ban đầu thơm tho
 (5) Kính điển tốt chỗ miếu đình năm lạy
 (6) Xe của các vị thánh thần mây vây quanh
 (7) Thần đến đây nghỉ lấy giúp dân
 (8) Phép tắc các triều thường đổi mới
 (9) Một chén rượu bạch ngọc
 (10) Những người đứng đầu xếp hai hàng
 (11) Chén ngọc
 (12) Trời vây rượu thơm
 (13) Thần được hưởng mọi phúc lành
 (14) Một chén rượu bờ đào rót trong chén dạ quang
 (15) Khúc nhạc sống lâu, yên ổn
 (16) Mọi thành thực
 (17) Quê hương vua
 (18) Bắt đầu mở cửa đền, lễ bái đã xong
 (19) Các cây cỏ cũng xanh mượt trời đón nghi vệ

Thần hữu hưởng không thời không vệ (1)
 Miếu Trường Yên mà dân cũng Trường Yên
 Ôi chiếu dõi Việt tại thiên (2)
 Chén giao tước ngự tiền trí cử (3)
 Khúc Dự Hòa xiêm nghề vũ dập rình (4)
 Tây nâng chén rượu đào tiên
 Mùi đàn xạ quyển hương thơm bát ngát
 Dao dao tây hướng Tràng An nhật (5)
 Nguyễn thưởng Nam sơn thọ nhất bôi (6)
 Tiệp xướng ca cầu phúc phúc lai xuyên
 Xuyên chi phương chí (7)
 Yên Mã sơn, Hoàng Long giang thủy (8)
 Nước non mây hạnh phúc dõi thừa lưu
 Trời Nam một mối xa thư (9)

IV

Á tấu hiến tấu Dư Hòa chi khúc (10)
 Chữ phù ngưng ngựa trông cửu trùng vân (11)
 Tám lòng thành với cả một phương dân
 Thần như tại, sĩ tuần bốn tại (12)
 Miếu cần tự sự, bát âm hòa nhã
 Điều nhân chi hòa, như nhạc chi hài

Quỳnh tương dâng chén thứ hai
 Lòng quỳ hoặc chín trời dâng xin tấu (13)
 Tiếng nhạc lẫn tiếng ca vãng tấu
 Thần cách tư tư phúc lập trùng thân (14)
 Y quang thần mới cận quang dân (15)
 Chén ngọc toàn hoàng lưu tam tước (16)
 Một niềm dan sau trước nãi như thường (17)
 Bệ vàng dâng chén quỳnh tương
 Thiên dạ tửu thoảng mùi hương bát ngát
 Thần chi cách thụ cư khang tước (18)
 Khúc Ninh hòa một khúc ca dao
 Cửu trùng xuân sắc túy tiên đào (19)
 Tư dân tại xuân đài thọ vạc (20)
 Sơn Xuyên động, Trạng Nguyên phong sóc (21)
 Cúi châu về gang tấc không xa
 Muôn năm khí sắc quan hà (22)

(1) Rất kịp thời rất ban ơn

(2) Ôi sáng soi cùng nước Việt ở trời

(3) Chén rượu ngọc dâng trước nhang án

(4) Nghề múa

(5) Xa xa nhìn mặt trời Tràng An hướng Tây

(6) Dâng một chén rượu chúc nhà vua thọ như núi nước Nam

(7) Tiệc ca hát cầu được phúc thì được nước dâng lên chày đến

- Chung hiến tấu Ninh Hòa chi khúc (1)
 Mầu vũ nghệ thấp thoáng bóng trăng soi (2)
 Nhất bôi phục nhất bôi (3)
 Lòng chiếu sự hữu phù ngung nhược (4)
 Nhất thành thủy chung hoàng lưu tam tước (5)
 Chén tử hòa phưng phúc khí chi lan (6)
 Hoàng Long chi thủy, Yên Mã - chi sơn (7)
 Còn mãi mãi phúc trời còn mãi mãi
 Tuy dĩ hựu lời thơ ca vịnh lại
 Mấy nghìn năm như một nếp vàng tương

-
- (8) Núi Mã Yên, sông Hoàng Long
 (9) Mối xa rộng
 (10) Khúc tấu yên lành
 (11) Chữ tốt lành trôi lên chín tầng mây
 (12) Thần như ngồi ở bên, kẻ sỹ cưỡi ngựa tốt chạy đến
 (13) Lòng thành kính chín tầng trời xin thấu đến
 (14) Thần giáng phúc lộc cho mọi người
 (15) Ánh sáng của thần gần với dân
 (16) Chén ngọc toàn rót rượu 3 lần dâng lên
 (17) Một tấm lòng son
 (18) Trời vậy thoang thoang mùi hương
 Thần thấu đến cho được khỏe mạnh và nhiều tước lộc
 (19) Chín bề sắc xuân say chén rượu đào
 (20) Dân nay ở dải xuân cõi thọ
 (21) Động Xuyên Thủy núi Trạng Nguyên
 (22) Sắc non sông

- Chữ rằng thần tích vô cương (8)
 Thánh đại tức kim đa vũ lộ (9)
 Ôn trời ban phúc tộ dưới thềm hoa
 Khẩu đầu chịu lộc Hoàng Gia (10)
 Đàm cao trạch, nhà nhà đều tụy bảo
 Ngũ thái cấm vân thiên phiếu riều (11)
 Cửu trùng xuân sắc thánh ung dung (12)
 Hóa công truyền thần ý thủy chung
 Trí đa phúc vạn tư niên vật thế (13)
 Ấy mới biết vô cương là thần hiệu
 Tạ Hoàng ân (14) tấu khúc Hải Hòa
 Thái bình cổ vũ âu ca

-
- (1) Khúc yên ổn
 (2) Mầu quần áo
 (3) Một chén lại một chén
 (4) Lòng thành kính dâng lên trước án
 (5) Một lòng sau trước như nhau, ba lần rót rượu
 (6) Chén rượu thơm tho mùi cỏ chi, cỏ lan
 (7) Nước sông Hoàng Long, Núi Mã Yên
 (8) Ban phúc mãi mãi
 (9) Nhờ thánh nhân dân được ơn mưa móc nhiều
 (10) Nhà vua thấm nhuần ơn mưa móc, nhà nhà đều no
 (11) Năm thứ mây lành rục rở
 (12) Chín bề sắc xuân
 (13) Cho phúc nhiều muôn vạn năm cũng vậy
 (14) Tạ ơn vua

VI

- Âm phúc tấu Hải Hòa chi phúc (1)
 Lòng trai kiên doanh phần phu ngung (2)
 Trên sân rộng ba tiếng hô tung
 Lễ vật đủ thủy chung giao thác (3)
 Thông u hiển vạn dân thị nhược (4)
 Thần phúc cho huệ quyến cam nông (5)
 Tấm lòng son gang tác bóng vàng hồng
 Rượu biết quân ân ưu ốc (6)
 Nôi vu thực trời rằng hữu phúc (7)
 Đội ơn trên lộc nước dồi dào
 Nơi thâm xuyên chí sơn cao (8)
 Thiên uy bất viễn nhan chỉ xích (9)
 Trước đền rồng tấu cách phụng thần ninh (10)
 Mừng cờ đô thiên tải tinh linh (11)
 Còn phảng phất bóng Hoàng Long giang
 hiện(12)
 Cửu thiên lư hạp quan cung điện (13)
 Vạn quốc y quan bá miện sơ (14)

(1) Ơn nhiều phúc

(2) Lòng thành kính tin theo tuyệt đối

(3) Trước sau đầy đủ, không thay đổi

- Mới hay rằng xuân sắc miển Hoàng Châu(1)
 Trái mấy tang thương còn mãi thế
 Nay mừng thấy cứu thiên nhật lệ (2)
 Khúc An Hòa tạ lễ trước đàn trì (3)
 Nghìn năm lẫm liệt anh uy

VII

- Từ thần tấu An Hòa chi khúc (4)
 Thần ở trên cao cùng thượng đế huân cao (5)
 Miếu đường hương nghìn dặm xuân thu
 Nền tự hưởng thần như hữu sở (6)
 Đệ nhất thánh nhân khai vũ trụ
 Khâm ân ban tự điển huy hoàng (7)
 Muôn ngàn năm ngày một như thường

(4) Lúc ẩn, lúc hiện muôn dân mong đợi

(5) Phúc thần cho được nóng ngọt

(6) Uống rượu vào biết ơn vua

(7) Chỗ có ân thì báo trời cho phúc

(8) Từ sông cho đến núi cao

(9) Trên chín bệ ơn trời không xa, gần gang tấc

(10) Tàu khúc nhạc lễ thần

(11) Muôn năm thiêng liêng

(12) Tích rồng vàng hiện trên sông Hoàng Long

(13) Trên trời, nhà cửa dưới đất của cung điện

(14) Muôn nước áo mũ lạy trước vua

Núi Mã Yên bông lau bầy phất gió
 Đầm khai thánh Hoàng Long còn mãi đó (8)
 Sông còn dài thời mạch còn dài
 Chữ rằng: Nguyên nguyện kỳ lai (9)
 Quân tâm hóa tác quang minh trúc (10)
 Cho ân quang say khắp vạn nhân gia (11)
 Bóng tường vân thấp thoáng long xa (12)
 Đen, trắng, đỏ, xanh, vàng năm sắc
 Tái ca, tái vịnh cao ngân chúc (13)
 Khúc Thuần Hòa tấu lẫn tiếng Nam cung (14)
 Phúc ruổi thêm như phụ như cương (15)
 Nguyên miếu, tịnh sơn hà thiên vạn cổ (16)
 Tịch ca xướng niên niên kỳ phúc hổ (17)

-
- (1) Quê mẹ
 (2) Mặt trời sáng rực rỡ
 (3) Khúc vui về tạ lễ trước sân nhà vua
 (4) Tấu khúc An Hòa trước đền thờ thần
 (5) Thơm tho
 (6) Có đền thờ thần, có nơi cúng lễ
 (7) Kính ban ơn tế lễ rực rỡ
 (8) Đầm sinh thánh
 (9) Nguồn nước chảy mãi
 (10) Lòng vua hóa thành ngọn lửa sáng rực
 (11) Cho ánh sáng chiếu khắp muôn nhà

Cho quân huyện cấp túc với nhân dân (18)
 Để thành (19) ngày một thêm xuân

VIII

Vọng lao tấu Thuần Hòa chi khúc (1)
 Bóng quang vinh sáng tỏ mặt trời Nam
 Cảm thông một tấm chí thành
 Đem nhã nhạc sinh ca phô thịnh đức
 Thần trắc giáng miếu đường hữu truất (2)
 Mấy ngàn thu còn khí sắc áng giang san
 Cờ kinh yên ổn Tràng An (3)
 Danh thắng địa non sông nền nếp cũ

-
- (12) Bóng mây lành thấp thoáng xe rồng
 (13) Lại hát lại ngâm đường cho cao
 (14) Khúc vui về
 (15) Phúc to lớn như núi, như non
 (16) Đền miếu cùng non sông muôn nghìn năm còn mãi
 (17) Ca hát buổi chiều mãi mãi được phúc lành
 (18) Cho tiếng đàn gảy gấp
 (19) Chỗ vua ở
 (1) Trống lên tấu khúc Thuần Hòa
 (2) Thần soi xuống chỗ miếu đường
 (3) Kinh đô yên ổn mãi ở đất Tràng An

Thần tuy hựu, tích chi thuần hồ (1)
 Vạn tư niên vẫn để dân sinh (2)
 Thi ca phúc lộc hữu lai thành (3)
 Ung dung chí chỉ (4)
 Túc túc miếu đình (5)
 Triệt tế chi nhạc (6)
 Thuần Hòa ca minh (7)
 Trên ngai vàng thiên tử dong nghi
 Dưới bệ ngọc tích công bái khể (8)
 Lễ nhạc thế mà y quan thế (9)
 Mới hay rằng thanh danh văn vật chi đô (10)
 Cảo truyền cát địa nghi cư
 Nơi động nọ sông vàng dôi dôi
 Đế kỷ (11) lâu dài còn mãi mãi
 Vạn tư niên, tư tụ, tư ca (12)
 Lễ thành này khúc Ung Hòa (13)

- (1) Thần giúp đỡ cho được vui vẻ
 (2) Muôn năm cho dân lành
 (3) Thơ ca, phúc lộc sẽ trở lại
 (4) Vui vẻ thật sự
 (5) Kính cẩn chốn miếu đình
 (6) Tấu khúc nhạc
 (7) Ca khúc Thuần Hòa
 (8) Cúi đầu lạy trước bệ ngọc
 (9) Áo mũ thế
 (10) Văn vật chỗ kinh đô
 (11) Kỳ nguyên nhà vua
 (12) Muôn năm, họp lại vui hát
 (13) Khúc vui vẻ

Lễ thành tấu khúc Ung Hòa chi khúc
 Nhạc hài hòa lễ phải nghi văn (1)
 Thần minh đối việt (2)
 Trắc giáng nhân thuần (3)
 Dân tự sự cáo thành tự sự (4)
 Trong lễ ấy vô lưu thần huệ (5)
 Cung miếu đình tấu triệt nghi văn (6)
 Đồi thiên nhan mục mục uy dung
 Niêm túc túc thân chung như thủy (7)
 Thần chi thính tuy chi phúc lý (8)
 Tích ngã dân hoàng phạm dụng phu (9)
 Thi ca bách bệ thị du (10)
 Cát địa nghi cư tồn cựu khóa (11)
 Đất Tràng An là đất Cảo Cao Hoàng (12)
 Ngũ vân trường vạn giáp ngang tàng (13)
 Với Long Phúc, Đại Hoàng đều quý Cảo (14)
 Nền sinh thánh như in bên Triệu Tống
 Bên Thái Bình bên Khai Bảo kỷ nguyên
 Từ đây chính thống Nam thiên
 Nền triệu tự mấy nghìn năm linh tích (15)
 Hình núi đá Trạng Nguyên bên Hòm Sách (16)
 Dáng trơ trơ mà núi cũng trơ trơ

Mấy lâu nay đỉnh giáp hãy còn mơ
 Số ngũ bách thủ tính coi là mấy lẻ (17)
 Thiên tâm như đục khai bình lự (18)
 Nam quốc sơn hà Nam đế cư (19)
 Thư trời (20) đã định những ngày xưa
 Trù luân giới luận y thường không mấy nả (21)
 Có vương giả có người danh thế giả (22)
 Trời xui nên đặc địa tự lâu dài (23)
 Biết ai trong lúc cõi trần ai

-
- (1) Có văn tế
 - (2) Trước thần minh, trước nhang án
 - (3) Thần soi sáng đến dân cúng lễ
 - (4) Việc thờ cúng của dân đã xong
 - (5) Ôn thần vô cùng
 - (6) Tấn khúc nghi văn (vui vẻ)
 - (7) Phải nghi đi đứng trước sau như một
 - (8) Thần đã nghe suốt và cũng cho phúc lành
 - (9) Cho dân ta được yên ổn
 - (10) Thơ ca trăm lợi mưa tốt
 - (11) Đất tốt nên ở như cũ
 - (12) Cao Hoàng là vua nhà Chu Trung Quốc
 - (13) Như muôn mảnh giáp ngang tàng
 - (14) Sông Hoàng Long đất Đại Hoàng đều tốt
 - (15) Dấu vết thiêng liêng nền xây dựng
 - (16) Núi Trang Nguyên, Hòm Sách ở Trường Yên
 - (17) Mấy trăm năm
 - (18) Lòng trời như muốn mở cuộc đời thái bình
 - (19) Sông núi nước Nam vua Nam ở
 - (20) Sách trời
 - (21) Quần áo không tốt
 - (22) Có vua sẽ có tôi hiền
 - (23) Dựng lâu đài ở đất này

XI TRUYỀN THUYẾT VỀ ĐINH BỘ LĨNH, LÊ HOÀN VÀ DƯƠNG VÂN NGA

Đinh Bộ Lĩnh, Lê Hoàn và Dương Vân Nga còn sống mãi trong lòng nhân dân. Qua điều tra bước đầu, chúng tôi thấy cố đô Hoa Lư và các vùng xung quanh có 10 nơi thờ Đinh Bộ Lĩnh, 6 nơi thờ Lê Hoàn và 4 nơi thờ Dương Vân Nga. Bên cạnh đó là các truyền thuyết còn lưu truyền trong nhân dân. Sau đây là một số truyền thuyết phổ biến.

SỰ TÍCH "CON RÁI CÁ"

Đinh Công Trứ là thứ sử Hoan Châu (1). Một hôm có ngôi sao sa xuống nhà, gây ra hỏa hoạn, gia tài cháy hết cả. Đó cũng là điềm báo sắp có nhân tài ra đời. Đinh Công Trứ cùng vợ trở về

(1) Nghệ An

quê cũ. Khi về đến hang Bà Tè, thôn Chi Phong thấy có một cây bứa quả chín vàng, bà Đàm Thị định đến bắt mấy quả ăn cho đỡ khát. Nào ngờ có con rái cá nhảy đến trêu ghẹo. Bà sợ quá kêu ầm lên. Mọi người đổ xô đến đánh chết con rái cá. Chuyện đó tưởng rằng rồi sẽ qua đi, nhưng lại rộ lên thành "Truyện con rái cá hiếp bà Đàm Thị", khi bà sinh ra một cậu con trai khôi ngô, tuấn tú, đặt tên là Đinh Bộ Lĩnh. Lớn lên Đinh Bộ Lĩnh lại giỏi bơi lội, nên người ta lại càng tin Đinh Bộ Lĩnh là con của rái cá (1)

TRÍ THÔNG MINH CỦA ĐINH BỘ LĨNH

Thuở thiếu thời, Đinh Bộ Lĩnh rất giỏi bơi lội. Ai mua con ba ba nào cứ việc cắt theo hình mô cau là Đinh Bộ Lĩnh bắt cho.

Bấy giờ có ông thầy tàu đi xem đất. Khi đến hang Bến Ngọc hay Hòn Ngọc (Gia Thủy) (2) thấy có lũ trẻ chăn trâu đang tắm, y nói:

- Em nào lặn xuống đây xem có cái gì không lên ta sẽ thưởng.

(1) Nhân dân cũng tự giải thích rằng truyền đó là do Đinh Thúc Dự đặt ra để chiếm gia tài của cháu

(2) Có truyền thuyết cho rằng ở hang Lô Nhạc, Núi Ngê (Trường Yên Hoa Lu)

Đinh Bộ Lĩnh lặn xuống sông và thấy có con rồng đá đang há mồm. Nghe Đinh Bộ Lĩnh nói, thầy Tàu mừng lắm, thưởng cho Đinh Bộ Lĩnh mấy đồng xu, rồi giao cho một gói to, bảo Đinh Bộ Lĩnh lặn xuống đút vào miệng rồng. Đinh Bộ Lĩnh nghĩ tới tích "mả táng hàm rồng", đoán đây chắc là mả bố thầy Tàu, liền treo vào tai rồng để ít ngày sau nước chảy, nắm xương trôi đi mất.

Trở về nhà, Đinh Bộ Lĩnh hỏi mẹ:

- Mẹ ơi, xương bố con để ở đâu?

Bà Đàm Thị không nói, bà nghĩ đến con rái cá trêu bà, bị đánh chết, treo xương trên gác bếp. Sau vì Đinh Bộ Lĩnh cứ gặng hỏi mãi, bà liền nói cho qua chuyện:

- Xương bố mày để trên gác bếp ấy.

Đinh Bộ Lĩnh leo lên lấy nắm "xương bố" đem ra bến sông lặn xuống bỏ nắm xương vào mồm con rồng đá. Thầy Tàu trở về nhà, xem thiên văn thấy "huyết đế vương" phát về em bé đất Việt, chứ không phát về nhà mình thì ức lắm. Y nghĩ đến kế trả thù. Y trở lại phương nam, đến chỗ cũ, đưa cho Đinh Bộ Lĩnh một thanh kiếm và nói:

- Mả đã phát, thế nào em cũng được làm vua, nhưng phải treo cái kiếm này vào cổ rồng thì mới oai!

Đinh Bộ Lĩnh làm theo lặn xuống treo kiếm vào cổ rồng. Nước chảy làm thanh kiếm đưa đi, đưa lại lâu ngày cửa đứt cổ rồng. Cho nên nhà Đinh làm vua được có hai đời.

SỰ TÍCH SÔNG HOÀNG LONG VÀ NÚI CẨM GƯƠM

Đinh Bộ Lĩnh mồ côi cha từ nhỏ, cùng với mẹ về ở cạnh đền sơn thần, hàng ngày đi chăn trâu cho chú ở cánh đồng Hoa Lư, Rộc Xéo và tập trận cờ lau ở thung Lau. Lũ trẻ thấy Đinh Bộ Lĩnh là người có chí khí liền tôn làm trưởng, thường khoan tay làm kiệu, lấy hoa lau làm cờ, rước đi như nghi vệ thiên tử.

Một hôm Đinh Bộ Lĩnh giết trâu của chú để khao quân, nơi ấy gọi là cầu Mỏ (1) rồi cắm đuôi trâu xuống đất và nói với chú là trâu chui xuống đất. Đinh Thúc Dự tưởng thật cầm đuôi trâu kéo lên, bị ngã mới biết là mắc mưu Đinh Bộ Lĩnh. Đinh Thúc Dự cầm gươm đuổi cháu. Từ cánh đồng Rộc Xéo Đinh Bộ Lĩnh bơi lội qua sông Bôi rồi chạy một mạch xuống phía Nam. Bến ấy gọi

(1) Cầu Mỏ ở thôn Mỹ Hạ, xã Gia Thủy, huyện Nho Quan, ở đây còn ngôi đền thờ "Long Viên đốc khánh công chúa" tương truyền là người đỡ đẻ cho Đinh Bộ Lĩnh, cánh đồng Rộc Xéo là nơi Đinh Bộ Lĩnh tập trận cờ lau. Đồi Họa là nơi buộc trâu, đồi Chòi là nơi làm lán trú quân, đồng Trống là nơi để trống. Đồng Quân là nơi hội quân. Nội Bàn Cờ là nơi đánh cờ, đồng Bến là nơi để thuyền rồng, Vườn Kiệu là nơi rước vua

là bến Vội, con đường ấy gọi là đường vua Đinh. Qua chỗ lội, Đinh Bộ Lĩnh vỗ đùi nhảy vọt qua. Về sau người ta làm cầu đá gọi cầu đó là cầu Tài, rồi đục chệch ra là cầu Đai. Khi chạy đến Cẩm Khẩu, nơi có bà lão bán hàng cam, Đinh Bộ Lĩnh hỏi:

- Nên chạy về đâu?

Bà lão nói:

- Nên chạy về phía Trường Yên

Về sau Đinh Bộ Lĩnh gọi chỗ đó là Gián Khẩu(1) để ghi nhớ bà lão bán hàng cam mà nói được. Khi chạy đến bến sông, Đinh Bộ Lĩnh gọi:

- Rồng ơi rồng, chở ta qua sông!(2)

Bỗng có con rồng vàng nổi lên chở Đinh Bộ Lĩnh qua sông. Người chú chạy đến thấy một ông già đầu râu, tóc bạc, nhìn ra là Lưu Phúc, (3) đang lạy theo Đinh Bộ Lĩnh. Đinh Thúc Dự hỏi, ông nói:

- Vừa có con rồng vàng chở Đinh Bộ Lĩnh qua sông

(1) Nghĩa là cửa khẩu mở ra

(2) Nhân dân địa phương cũng tự giải thích rằng người lái đò tên là Rồng hay là Long

(3) Nhân dân cũng tự giải thích: Có truyền rồng vàng chở Đinh Bộ Lĩnh qua sông là do Lưu Phúc. Ông là bạn tâm giao của Đinh Công Trứ, thân phụ Đinh Bộ Lĩnh, ông làm thế để tạo "uy" cho Đinh Bộ Lĩnh

Nghe thấy thế Đinh Thúc Dự cầm gươm lay chấu. Núi đó gọi là núi cấm gươm, ruộng đó gọi là ruộng Kiếm Điền, sông đó gọi là sông Hoàng Long, bến đò đó gọi là Hoàng Long độ.

CUNG TÂY ỨNG VÀ LẠC ỨNG

Khi đóng đô ở Hoa Lư, Đinh Tiên Hoàng vẫn hay đi dạo chơi ở các nơi. Một hôm, vua đến vùng ngã ba sông, nơi gặp nhau giữa sông Kỳ và sông Hoàng Long (1) thấy ba quả núi xinh đẹp, liền cho dựng cung Tây Ứng ở núi Bàng để thời thường cùng hoàng hậu Dương Vân Nga đến chơi thăm. Đến nay nhân dân vẫn gọi nơi ấy là cửa Vua, lại dựng cung Lạc Ứng ở quả núi ven sông để hoàng hậu Dương Vân Nga đến tắm mát. Núi ấy người ta gọi là núi Dương để tưởng nhớ thái hậu Dương Vân Nga, sau vì kiêng húy gọi là núi Giang. Vua cũng lập một đồn gác ở ven sông Hoàng Long gọi là cửa Đồn. Nơi thuyền vua ngự gọi là bến Ngự.

Ngày nay hàng năm vào ngày 14 và 15/7 (ÂL) ở chùa Lạc Khoái trên núi Bàng có tục "Táng thuyền rồng" để tưởng nhớ thuyền rồng của vua

(1) Theo truyền thuyết, nơi đây gọi là Giao Thủy, nơi Đinh Bộ Lĩnh mò được ngọc, nhưng ngọc bị sút được nhà sư đoán là sau này sẽ phú quý, tiếc rằng không được bền

Đinh. Thuyền làm bằng giấy, to như thuyền thật, hình con rồng. Trong thuyền có trang hoàng tàn lọng tượng trưng cho lọng của vua.

Khi lễ Phật xong, các nhà sư múa đèn quanh thuyền và trước đài lễ, sau đó quay thuyền ba lần, rồi đốt thuyền rồng tiễn vua và quan quân trở về (1)

SỰ TÍCH NÚI THUYỀN RỒNG VÀ RUỘNG ĐIỀU THA

Khi đã lên làm vua, Đinh Tiên Hoàng vẫn thích thả diều và dạo chơi ở các vùng dân dã. Một hôm diều của vua bị đứt dây, bay tới chỗ làng Trung Trữ ngày nay. Đinh Tiên Hoàng đi thuyền rồng ra đây dạo chơi, lấy diều. Thuyền bị mắc cạn ở chân núi. Núi ấy gọi là núi thuyền Rồng. Ruộng ấy gọi là ruộng Điều Tha

SỰ TÍCH CA CỬU KHÚC

Sinh thời, Đinh Bộ Lĩnh rất thích ca hát. Đinh Hạng Lang là con thứ, nhưng đàn hay hát giỏi, được vua Đinh yêu mến. Vua Đinh đã lập Đinh Hạng Lang làm thái tử để chuẩn bị nối ngôi vua.

(1) Đây có lẽ là lễ cầu mát, lễ tống trùng, thuyền bát nhã của nhà chùa, của tam phủ, tứ phủ được đồng hóa với truyền thuyết Đinh Bộ Lĩnh

Đinh Liễn là con trưởng lại đã từng xông pha trận mạc cùng cha, lập nhiều chiến công, ức lắm, cho người vào giết em để tranh ngôi thái tử. Thế là sinh ra cảnh "nồi da nấu thịt". Về sau khi tế Đỉnh Bộ Lĩnh người ta ca cửu khúc để tưởng nhớ ông thích ca hát.

SỰ TÍCH KIÊNG LÒNG LỢN, TIẾT CANH

Đỉnh Bộ Lĩnh rất thích ăn lòng lợn và tiết canh. Chi hầu nội nhân Đỗ Thích hầu cận ở trong cung biết vậy, nên y làm lòng lợn tiết canh và bỏ thuốc độc vào cho vua ăn. Vua Đỉnh và người con cả Đỉnh Liễn uống rượu ở sân triều, ăn phải lòng lợn có thuốc độc, nên cả hai cha con bị hại. Về sau người ta tế vua Đỉnh, phải kiêng lòng lợn và tiết canh, vì đó là đồ Đỗ Thích dùng để giết vua Đỉnh.

SỰ TÍCH NGHỀ DỆT CHIẾU VÀ NHỮNG CHIẾC AO Ở LÀNG THIỆN TRẠO

Đỗ Thích quê ở làng Đại Dê (1), nhưng lại làm quan, đóng ở làng Thiện Trạo. Ở đây xưa có cái Lâm (rừng nhỏ) gọi là mộ phát tích của Đỗ Thích. Một hôm Đỗ Thích mơ thấy sao rơi vào mồm, cho

(1) Thuộc huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định

đó là điềm làm vua, mới nảy sinh ra ý định giết vua Đỉnh. Y cho thuốc độc vào lòng lợn và tiết canh để giết vua Đỉnh, rồi trốn lên máng nước. Ba ngày sau, trời mưa, Đỗ Thích giơ tay ra hứng nước mưa. Các cung nữ phát hiện được và Đỗ Thích bị bắt. Triều đình ra lệnh cho làng Thiện Trạo phải đào một trăm cái giếng chỉ trong một đêm, nếu không Đỗ Thích sẽ phải chịu cực hình. Dân làng Thiện Trạo đào mãi đến sáng chỉ được chín chín cái giếng, cho nên Đỗ Thích bị giết. Làng Thiện Trạo phải làm nghề dệt chiếu cho thiên hạ ngồi. Làng Thiện Trạo có nghề dệt chiếu từ đó và làng có rất nhiều giếng.

SỰ TÍCH NÚI TAY NGAI

Dãy núi Trường Yên từ vùng núi Hòa Bình đổ về gọi là dãy núi 99 ngọn, có hình 99 con voi châu về. Riêng núi Vàng có hình con voi quay lưng lại kinh đô Hoa Lư. Núi còn có hình tay ngai ôm lấy làng Hoàng Sơn, quê mẹ Đỗ Thích. Do tin vào chuyện làng có núi tay ngai có người làm vua, lại mơ thấy sao rơi vào mồm, nên Đỗ Thích đã giết vua Đỉnh. Khi bắt được y, triều đình đem Đỗ Thích về xử tội ở mã Thiều, Đông Quan, chỗ tay ngai của núi Vàng để răn dạy những kẻ mơ tưởng hão huyền.

SỰ TÍCH CÁI TÊN VÂN NGA

Vợ chồng Dương Thái Huyền là người hiếm con. Khi đã luống tuổi, bà Phạm Thị Thường, vợ ông mới sinh được một gái. Đứa bé mắt phượng mày ngài, vợ chồng Dương Thái Huyền mừng lắm, bàn cách đặt tên còn thế nào cho xứng. Ông nói:

- Tôi quê ở làng Vân Long (nay là Vân Lung, Gia Vân), nghĩa là rồng, mây, bà quê ở làng Nga My (nay là Mỹ Hạ, Gia Thủy), nghĩa là mây ngài. Vì vậy đặt tên cho con là Vân Nga, nghĩa là người con gái yếu điệu như mây, vừa gắn với tên làng, vừa nói lên ước nguyện của vợ chồng ta.

Bà đồng ý với ông. Thế là cái tên Vân Nga ra đời từ đó (1)

TỪ CÔ GÁI CẮT CỔ ĐẾN BÀ HOÀNG HẬU

Lưu Phúc là bạn tâm giao của Đinh Công Trứ, thân phụ của Đinh Bộ Lĩnh. Khi sắp qua đời, Đinh Công Trứ đã nhờ Lưu Phúc giúp đỡ Đinh Bộ Lĩnh. Khi Đinh Bộ Lĩnh lên làm trại trưởng

(1) Truyền thuyết ở Thanh Hóa kể về: Dương Vân Nga là con Dương Tam Kha, là cháu Dương Đình Nghệ

trại Đào Úc, Lưu Phúc có ý định tìm cho Đinh Bộ Lĩnh một người vợ đảm đang. Ông tìm mãi mà chưa thấy đám nào vừa ý. Một hôm ông đến vườn Rồng (1) thôn Mỹ Hạ, thấy một cô gái có mày ngài sắc che vừa cắt cỏ vừa hát:

Anh đi tán tía tàn vàng

Đẻ em cắt cỏ bên đàng sao đang

Tay cầm bán nguyệt xanh xang

Hàng trăm ngọn cỏ lai hàng tay ta (2)

Ông thấy cô gái hát có khẩu khí, tay cầm liềm mà cô gái ví như cầm mặt trăng (bán nguyệt). Hàng trăm ngọn cỏ được cô ví như hàng trăm quân lính lai hàng trước tay mình. Ông định đến gần hỏi, thì thấy cô gái thoăn thoắt gánh cỏ về. Có đi mất hút. Tuổi già theo không kịp, Lưu Phúc đành vào thăm bạn cũ là Dương Thái Huyền ở gần đó. Dương Thái Huyền gọi con gái ra tiếp nước. Lưu Phúc nhận ra đây chính là cô gái đã cắt cỏ ven sông. Hỏi ra Lưu Phúc mới biết tên

(1) Vườn rồng hay Long viên. Theo sách Đại nam nhất thống chí: Long viên là nơi ở của mẹ con Đinh Bộ Lĩnh, khi ông Đinh Công Trứ mất. Ngày nay ở đây còn có đền thờ vua Đinh, đền Long Viên thờ Long viên đốc khánh công chúa tương truyền là người đỡ đẻ cho Đinh Bộ Lĩnh và nhiều địa danh: Nội trống, nội chiêm, nội Bàn cờ, nơi Đinh Bộ Lĩnh tập trận cờ lau, cầu Mỏ là nơi Đinh Bộ Lĩnh mổ trâu cứu chú để khao quân v.v...

(2) Đây là một mô típ văn học dân gian thường gặp với những người phụ nữ tài trí, các vương phi, hoàng hậu

cô là Dương Vân Nga. Ông liền hỏi cô về làm vợ cho Đinh Bộ Lĩnh. Thế là từ cô gái cất cỏ ven sông, Dương Vân Nga đã trở thành vợ của trạ trưởng tại Đào Úc và về sau trở thành hoàng hậu của vua Đinh.

SỰ TÍCH SÔNG VÂN SÀNG

Sông Đáy có một chi nhánh chảy xuống phía nam, xuôi xuống Ghềnh vào sông Trinh Nữ, ra cửa bể Thần Phù. Ven sông có trấn cũ Vân Sàng là dinh thủy quân của nhà Đinh. Đây cũng là nơi thái hậu Dương Vân Nga trao áo Long cổn cho Lê Hoàn để ông lên ngôi hoàng đế chuẩn bị chống Tống.

Khi được tin Lê Hoàn thắng Tống trở về, Dương Vân Nga đem một đoàn cung nữ ra cung điện ven sông để đón chờ ông (1). Lê Hoàn đã mở tiệc cùng Dương Vân Nga ở điện Vân Sàng bên sông. Cho nên sông ấy có tên Vân Sàng (giường mây) từ ấy.

(1) Tương truyền đền Thượng thôn Phúc Am, thị xã Ninh Bình xây dựng trên nền điện Vân Sàng xưa. Nhân dân ta xây dựng đền thờ Lê Hoàn để ghi công ông thắng trận trở về đây. Xưa kia ở đền có đôi câu đối:

Khuốc Tống khai ca lưu thờ địa

Tiếp Đinh chính thống thụ vu thiên

Nghĩa là: Khúc ca thắng Tống còn truyền ở đất này

Nối tiếp nền chính thống của nhà Đinh hợp với mệnh trời

MỘT VAI GÁNH CẢ ĐÔI SƠN HÀ

Dương Vân Nga lấy Đinh Bộ Lĩnh lúc còn trẻ. Khi Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi hoàng đế, đã phong cho Dương Vân Nga làm chính cung hoàng hậu, gánh vác việc nội trợ của cả triều đình. Đinh Tiên Hoàng mất, con nhỏ nối ngôi. Nhân cơ hội đó, giặc Tống lăm le xâm lược nước ta. Đất nước ở trong tình trạng "nghìn cân treo sợi tóc". Thái hậu Dương Vân Nga nói: "Ai có tài đánh giặc Tống, ta sẽ nhường ngôi con ta cho người đó"

Phạm Cự Lượng và quân sĩ đã suy tôn Lê Hoàn lên ngôi hoàng đế. Trước ý nguyện ba quân, Thái hậu Dương Vân Nga đã lấy áo long cổn của vua Đinh trao cho ông. Không phụ lòng tin của Dương Vân Nga và quân sĩ, Lê Hoàn đã chiến thắng oanh liệt quân xâm lược Tống. Cảm động trước tấm lòng của Dương Vân Nga, đời nàng đoạn tang chồng, Lê Hoàn lập Dương Vân Nga làm Đại Thắng Minh hoàng hậu. Nhưng vì tái giá, nên Dương Vân Nga chỉ là hoàng hậu thứ năm. Biết Dương Vân Nga là người có tài, Lê Hoàn cho mời bốn bà hoàng hậu kia lại và hỏi:

- Nhờ ai mà các bà có ngày nay

Mọi người chưa nói gì, thì Lê Hoàn đã hướng về phía Dương Vân Nga. Các bà hoàng hậu đều đồng ý, Lê Hoàn yên lòng lập Dương Vân Nga làm chính cung hoàng hậu, gánh vác việc nội trợ

của triều đình nhà Lê. Như vậy Dương Vân Nga là hoàng hậu của cả vua Đinh và vua Lê. Người ta lưu truyền rằng khi Dương Vân Nga mới chào đời, đã khóc "dạ ề" ba tháng, đổ mái không khỏi. Một ông đạo sĩ đã ru rằng:

Nín đi thôi, nín đi thôi

Một vai gánh vác cả đôi sơn hà

thì nín ngay. Điều đó báo trước Dương Vân Nga sẽ gánh vác giang sơn của hai triều đại Đinh và tiền Lê.

SÓNG THẦN PHÙ

Sau khi Đinh Tiên Hoàng bị Đỗ Thích sát hại. Ngô Nhật Khánh, một trong mười hai sứ quân đã hàng phục, nay phản bội, chạy theo Chiêm Thành, rước quân Chiêm vào xâm lược nước ta. Vua còn ấu thơ, Lê Hoàn nhiếp chính, xưng là phó vương, tự cầm quân chống giặc ở cửa bể Thần Phù. Ông cho quân lính đắp thành Thiên Phúc(1)

(1) Thiên Phúc là niên hiệu của vua Lê Đại Hành 980-994 cho nên có thuyết cho rằng Lê Hoàn đắp thành Thiên Phúc để đánh Chiêm Thành (năm 982) và đã đóng quân ở đây để đi đánh giặc Cừ Long (Thanh Hóa, năm 1001) về sau Lê Long Đĩnh cũng đóng ở đây khi đi đánh Cừ Long năm 1005. Hiện nay còn một số đoạn thành đất dựa vào núi ở thôn Quảng Thượng xã Yên Thắng, huyện Yên Mô. Đền Năn gần đó có các đại tự: "Sơn hà tráng đế" (Sông núi hùng tráng nơi vua ở), "Quảng Thượng đế linh từ" (Đền Quảng Thượng linh thiêng là nơi vua ở)

và vào rừng Tràng Sinh đốn gỗ để làm bè mảng ngăn cửa bể. Quân lính phục sẵn ở sáu cửa quèn Tràng Sinh. Cửa bể Thần Phù là cửa ải tự nhiên hiểm trở đã đi vào ca dao.

Lênh đênh qua cửa Thần Phù

Khéo tu thì nổi, vụng tu thì chìm

Khi Ngô Nhật Khánh và vua Chiêm Thành đến đây, vấp phải chiến lũy Thần Phù của Lê Hoàn, lại gặp bão biển, nhiều chiến thuyền bị đắm, Ngô Nhật Khánh và nhiều quân Chiêm bị chết chìm dưới đáy biển. Vua Chiêm chạy thoát, phải rút quân về nước. Về sau các làng Ngọc Lâm, Từ Đường đều lập đền thờ Lê Hoàn để ghi nhớ chiến công của ông.

SỰ TÍCH NÚI HỒI HẠC

Dưới thời Đinh Lê, ở dưới chân núi gần sông Vân, có một túp lều nhỏ của gia đình một bà cụ già và hai vợ chồng người tiêu phu trẻ tuổi. Từ khi gia đình này đến ở dưới chân núi, thì thường thấy một con hạc trắng bay về đậu trên đỉnh núi.

Khi Lê Hoàn tổ chức cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Chiêm Thành, thì người chồng cũng như nhiều chàng trai khác xung phong ra trận, bảo vệ Tổ quốc, ít ngày sau, Lê Hoàn thắng trận trở về, nhưng người chồng lại lưu lạc ở phương xa.

Từ khi người chồng theo đoàn quân lên đường chống quân xâm lược Chiêm Thành, thì hạc trắng cũng bay đi mất. Người vợ hết lòng hiếu thảo, tháng ngày thay chồng nuôi mẹ. Nhưng rồi chẳng bao lâu, người mẹ cũng qua đời. Người vợ cũng bỏ đi nơi khác kiếm ăn. Thế rồi tình cờ hai vợ chồng lại gặp nhau giữa buổi thanh bình ở Thăng Long. Hai vợ chồng lại dẫn nhau về làm nhà ở chân núi. Từ đó hạc trắng lại bay về ở trên đỉnh núi. Cái tên núi Hồi Hạc (Hạc bay trở về) cũng ra đời từ đó (1)

*

* * *

(1) Mạc Kính Dương: *Thắng cảnh Ninh Bình T1 Ty văn hóa thông tin Ninh Bình 1964*

Qua truyền thuyết về Đinh Bộ Lĩnh, Lê Hoàn và Dương Vân Nga, chúng tôi nhận thấy nhân dân ta quan niệm rằng đã là người anh hùng thì phải ra đời một cách khác thường, như Đinh Bộ Lĩnh thì do bà mẹ bị con rái cá hiếp mà sinh ra. Lê Hoàn sinh ra, thì do bà Đặng Thị mơ thấy hoa sen. Dương Vân Nga mới sinh ra đã khóc "dạ ề" ba tháng v.v... Từ sự ra đời một cách khác thường đó, nên người anh hùng có sự nghiệp phi thường. Đinh Bộ Lĩnh có sự nghiệp dẹp loạn mười hai sứ quân, thống nhất đất nước. Lê Hoàn thì "Kháng Tống, bình Chiêm" bảo vệ Tổ quốc. Dương Vân Nga gánh vác giang sơn của hai triều đại v.v...

Bên cạnh một Đinh Bộ Lĩnh trong sử sách, còn có một Đinh Bộ Lĩnh trong dân gian. Khi còn bé, Đinh Bộ Lĩnh đã thông minh "cắm đuôi trâu xuống đất" "táng mả bố vào hàm rồng", nhưng cũng ngây thơ "treo kiếm vào cổ rồng". Tuy làm vua, nhưng Đinh Bộ Lĩnh vẫn thích ca hát, vẫn thích thả diều, thích đi thuyền dạo chơi. Ông là một ông vua bình dân, thân dân.

Lê Hoàn cũng đi vào truyền thuyết và điêu khắc gỗ dân gian như ta đã biết.

Khi nhân dân Trường Yên đi xây dựng làng mới, cũng không quên vị thành hoàng đáng kính

của mình. Vào đầu thế kỷ XV nhân dân Trường Yên mở rộng làng xã của mình, khi lập ra làng mới là làng Trung Trữ (xã Ninh Giang, huyện Hoa Lư). Họ đã lập một ngôi đền thờ chung cả Đinh Tiên Hoàng, Lê Hoàn và Dương Văn Nga. Về sau khi tạc tượng, người ta vẫn để cả Đinh Tiên Hoàng, Lê Hoàn và Dương Văn Nga cùng ngôi, chỉ có đặt tượng Lê Hoàn và Dương Văn Nga lui xuống một chút, điều đó phù hợp với lời ghi trong Đại Việt sử ký toàn thư. Ở đình Trung Trữ, một ngôi đình ở một vùng dân dã, có thể người ta còn bảo lưu được phong tục cũ. Đây là trường hợp cả dân Yên Thượng và Yên Hạ đi xây dựng làng mới. Nhưng khi chỉ có dân Yên Hạ đi xây dựng làng mới thôi, thì họ chỉ lập đền thờ Lê Hoàn như ở làng cũ của mình. Đó là trường hợp vào thế kỷ XV một bộ phận nhân dân Trường Yên Hạ đi lập làng mới là làng Ngọc Lâm (xã Yên Lâm, huyện Yên Mô) họ đã lập đền thờ Lê Hoàn đúng kiểu cách "nội công ngoại quốc" như ở Trường Yên.

Trước kia ở ven sông Vân (nay là UBND tỉnh) có ngôi đền Thượng thờ Lê Hoàn để kỷ niệm ông thắng Tống trở về và mở tiệc mừng chiến thắng cùng Dương Văn Nga ở trên điện Vân Sàng. Cái tên sông Vân hay Vân Sàng (giường mây) ra đời từ đó.

Ở thôn Thị Lâu (xã Khánh Ninh, huyện Yên Khánh) và thôn Quảng Công (xã Yên Thái, huyện Yên Mô) cũng có đền thờ Lê Hoàn để kỷ niệm ông đã ghé thuyền qua đây khi ông đi đánh Chiêm Thành.

Do ảnh hưởng của nho giáo, nhân dân vùng kinh đô Hoa Lư có phê phán Lê Hoàn, nhưng đã đánh giá rất cao về công "kháng Tống bình Chiêm" của ông. Lê Hoàn đã xuất phát từ kinh đô Hoa Lư để lập nên những chiến công ấy, nên danh tiếng của ông còn sống mãi với sông núi Hoa Lư như vế câu đối ở đền thờ ông đã ghi: "Tinh linh tồn thiên cổ Long giang, Mã trực chi gian" (Nghĩa là: "Thiên niên liêng còn muôn thuở, trong vùng núi Mã, sông Long)

Sử sách viết về Dương Văn Nga rất ít. Sử cũ chỉ ghi bà là "Dương Thị". Trong năm hoàng hậu của vua Đinh là Đan Gia, Trinh Minh, Kiều Quốc, Cồ Quốc, Ca Ông, không biết ai là Dương Văn Nga. Lê Đại Hành lập bà là "Đại Thắng Minh hoàng hậu". Tấm bia Hoàng Định thứ 12 (1611) ghi việc tạc tượng ở đền vua Lê (xã Trường Yên, Hoa Lư) ghi là Bảo Quang hoàng thái hậu. Bảo Quang cũng chỉ là mỹ tự, cái tên Dương Văn Nga cũng chỉ là tên dân gian. Văn học dân gian khắc họa tính cách của bà khá rõ. Truyền thuyết ở

Ninh Bình kể rằng bà là con ông Dương Thái Huyền, một nha tướng của Dương Đình Nghệ. Truyền thuyết ở Thanh Hóa kể bà là con Dương Tam Kha, là cháu của Dương Đình Nghệ. Dù thế nào đi nữa, bà cũng có nguồn gốc "danh gia vọng tộc".

Cái tên Dương Vân Nga rõ ràng là một mỹ tự do người đời sau khắc họa vào, và bà có một "hành trạng" khá rõ ràng. Bà là người có chí khí, có tài, hành động theo lẽ phải và có tình, có nghĩa. Cũng như Đinh Bộ Lĩnh và Lê Hoàn, Dương Vân Nga còn sống mãi trong lòng dân.

XII THAY KẾT LUẬN

Hoa Lư là kinh đô của cả nước trong 42 năm (968-1010), dưới hai triều đại Đinh - Lê. Đây là kinh đô đầu tiên của chế độ phong kiến Trung ương tập quyền Việt Nam, khi Nhà nước phong kiến độc lập còn non trẻ và nền thống nhất mới được củng cố. Hoa Lư là bước đệm vững chắc để nhà Lý, nhà Trần xây dựng kinh đô Thăng Long xứng đáng với nền văn minh Đại Việt rực rỡ. Những tuyến thành ở Hoa Lư đã tiếp thu những tuyến thành truyền thống Cổ Loa và Hoa Lư lại là hình mẫu để nhà Lý xây dựng kinh đô Thăng Long. Cụ thể là nhà Lý đã lấy các địa danh ở Hoa Lư như: chùa Nhất Trụ, tháp Báo Thiên, Tràng Tiền, ngã ba Bồ Đề, cầu Đông, cầu Dền... để đặt cho Thăng Long. Từ những viên gạch có trang trí hoa sen ở Hoa Lư đến các viên gạch có trang trí hoa cúc ở Thăng Long thời Lý - Trần là sự phát triển hài hòa của nghệ thuật

dân tộc. Do đó, Hoa Lư là đầu mối quan trọng với Thăng Long. Thành Hoa Lư có giá trị về khảo cổ học. Khi không còn là kinh đô của cả nước nữa, Hoa Lư vẫn là một trung tâm văn hóa quan trọng. Hoa Lư là phủ của thời Lý, là Lộ (sau đổi là Trấn) của thời Trần, là phủ Trường Yên thời Lê sơ, là một trong những vùng đất quan trọng của Thanh Hoa ngoại trấn, là phủ Trường Yên thời Nguyễn. Nhiều công trình văn hóa đã được xây dựng ở đây như chùa Am Tiên thời Lý, một công trình kiến trúc tháp thời Trần ở Ghềnh Tháp. Thời Hậu Lê và thời Nguyễn, nhân dân ta đã tập trung xây dựng lại và tu sửa lại hai ngôi đền Đinh - Lê to đẹp như ngày nay. Có thể nói Hoa Lư là nơi hội tụ văn hóa của nhiều thời đại khởi đầu từ thời Đinh - Lê. Những ngôi đình đền, phủ thờ vua Đinh, vua Lê và các con các vị tướng của hai ông, những tấm bia thời Lý, thời Lê, thời Nguyễn v.v... có giá trị lịch sử quý giá. Đó là nguồn tài liệu quan trọng bổ xung cho chính sử.

Đền vua Đinh, đền vua Lê có giá trị kiến trúc nghệ thuật, những mô típ trang trí trên gỗ, trên đá ở đây là những tác phẩm điêu khắc đẹp, góp

phần vào việc nghiên cứu lịch sử mỹ thuật ở Việt Nam.

Cố đô Hoa Lư không chỉ có giá trị lịch sử, khảo cổ, kiến trúc nghệ thuật mà còn có giá trị về danh thắng. Ở đây có nhiều hang động đẹp như Xuyên Thủy động, Liên Hoa động, hang Sáng, hang Tối, hang Lổ, hang Lôi, núi ông Trạng, núi Hòm Sách v.v... Với những cảnh đẹp của núi đá vôi, cố đô Hoa Lư xứng đáng được mệnh danh là "Vịnh Hạ Long cạn"

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ngô Sĩ Liên: Đại Việt sử ký toàn thư (Toàn thư) bản dịch lần thứ hai, có sửa chữa, NXB khoa học xã hội Hà Nội 1972

- Việt sử lược: Trần Quốc Vượng phiên dịch và chú giải, NXB văn sử địa Hà Nội 1960

- Đại Việt sử ký tiền biên - NXB khoa học xã hội Hà Nội 1997

- Quốc sử quán triều Nguyễn: Việt sử thông giám cương mục (cương mục) bản dịch T3-NXB Văn sử địa Hà Nội 1957

- Quốc sử quán triều Nguyễn: Đại Nam nhất thống chí T3 Phan Trọng Điềm phiên dịch, Đào Duy Anh Hiệu đính, NXB khoa học xã hội Hà Nội 1971

- Nguyễn Trãi: Dư địa chí, Phan Huy Tiệp dịch Hà Văn Tấn hiệu đính và chú thích NXB Sử học Hà Nội 1960

- Phan Huy Chú: Lịch triều hiến chương loại chí, bản dịch NXB Sử học Hà Nội 1961

- Thiên Nam ngữ lục: Nguyễn Lương Bích và Đinh Gia Khánh phiên âm, chú thích và giới

thiệu NXB Văn hóa, Cục xuất bản Bộ văn hóa Hà Nội 1958

- Phan Huy Lê - Trần Quốc Vượng - Hà Văn Tấn - Lương Ninh: Lịch sử Việt Nam T1 NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp Hà Nội 1983

- Trần Quốc Vượng - Hà Văn Tấn: Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam T1 Hà Nội 1961

- Trương Hữu Quýnh - Nguyễn Đức Ninh: Lịch sử Việt Nam Q1, T2 NXB Giáo dục - Hà Nội 1977

- Nhiều tác giả: Thế kỷ X - những vấn đề lịch sử NXB khoa học xã hội Hà Nội 1984

- Nhiều tác giả: Lịch sử Phật giáo Việt Nam NXB Khoa học xã hội - Hà Nội 1988

- Nhiều tác giả: Lê Hoàn và 1000 năm thắng quân Tống xâm lược, Sở văn hóa thông tin Thanh Hóa xuất bản 1985

- Nhiều tác giả: Những cảnh Ninh Bình T1 Sở văn hóa thông tin và thể thao Ninh Bình 1993

- Hoàng Xuân Hãn: Lý Thường Kiệt lịch sử ngoại giao và tôn giáo thời Lý, NXB Hà Nội (in lần thứ hai) 1996

- Nguyễn Danh Phiệt: Nhà Đinh dẹp loạn và dựng nước NXB khoa học xã hội - Hà Nội 1990

- Mạc Kính Dương: Thắng cảnh Ninh Bình T1
Ty văn hóa thông tin Ninh Bình xuất bản 1964

- Các Tạp chí: Nghiên cứu lịch sử, khảo cổ học, văn hóa nghệ thuật, Thông báo khảo cổ học hàng năm

- Các báo cáo khai quật khảo cổ và hồ sơ các di tích lịch sử văn hóa ở Bảo tàng Ninh Bình, Bảo tàng Nam Định và Bảo tàng Hà Nam

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Lời giới thiệu	5
I- Người mở nền chính thống	7
II- Người làm nên "Thần Vũ"	28
III- Cố đô Hoa Lư	46
IV- Đền vua Đinh	70
V- Đền vua Lê	80
VI- Núi Mã Yên	88
VII- Động Am Tiên	91
VIII- Xuyên Thủy Động và Liên Hoa Động	94
IX- Hội Trường Yên	98
X- Ca cửu khúc	109
XI- Truyền thuyết về Đinh Bộ Lĩnh, Lê Hoàn và Dương Văn Nga	125
XII- Thay kết luận	145
Tài liệu tham khảo	148
Mục lục	151